

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
PGS.TS. PHẠM ĐỨC MẠNH - TS. NGUYỄN HỒNG ÂN

959.775

ĐC

V 115 H

VĂN HÓA TIỀN SỬ **CÁI VẠN** (ĐỒNG NAI)



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI LẠN
(ĐỒNG NAI)**



Di tích khảo cổ học Cái Vắn
(xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai)

**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
PGS.TS. PHẠM ĐỨC MẠNH
TS. NGUYỄN HỒNG ÂN**

**VĂN HÓA TIỀN SỬ CẢI VẠN
(ĐỒNG NAI)**

**HỘI VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG**

2022 / ĐC / VL - 1808

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Lời giới thiệu

Đồng Nai - vùng đất trù phú mệnh danh dòng chảy huyết mạch của cả “*miền Đông Nam Bộ gian lao mà anh dũng*” từng chứng kiến sự hình thành, nảy nở, giao động của cả một cộng đồng người cổ quần tụ đông đảo, vùng đất từng chứa đựng trong lòng nó cả một phức thể di tích - di vật khảo cổ học quan trọng và xuyên suốt từ buổi đầu của thời đại Đồng sang sơ kỳ thời đại Sắt. Tất cả những gì chúng ta mục kích hôm nay trên bản đồ khảo cổ học cổ xưa của miền đất này cho thấy những thế hệ tiền nhân đã khởi đầu quả cảm và sáng tạo, bằng lao động khai phá và chiếm lĩnh, thích ứng với tự nhiên và xây đắp nên một trung tâm văn hóa Kim khí rực rỡ “*vang bóng một thời*” - một nền văn minh đặc sắc mà ngày nay chúng ta quen gọi là **Văn minh sông Đồng Nai**.

Bằng những cố gắng điền dã và nghiên cứu của các nhà khảo cổ và bảo tàng học từ nhiều thập kỷ nay ở nhiều di sản mang những tên làng, tên đất, tên sông, tên suối, ở đó đây Đồng Nai như: Cầu Sắt, Suối Linh, Phước Tân, Bình Đa, Cái Vạn, Cái Lăng, Rạch Lá, Gò Me, Núi Gốm, Dầu Giây, Suối Chồn, Phú Hòa, Bến Gỗ... đã trở nên quen thuộc và thân thích với các nhà khoa học và với mỗi chúng ta. Vì từ ở đó, ngôn ngữ khảo cổ học và bảo tàng học đã mang từ ngàn xưa về cho hôm nay một vóc dáng cụ thể và hài hòa của đất nước, con người Đồng Nai thời Tiền sử và Sơ sử, với những biểu tượng văn hóa bản địa “*không tiền khoáng hậu*” như những làng làm nông, làm các ngành nghề thủ công và chài lưới trên sông biển, những công xưởng chế tạo trang sức (Đôi Phòng Không) và đàn đá Tiền sử (Lithophone préhistorique), những kho tàng chứa vũ khí đồng thau kiểu “*Qua đồng*” và hình tượng con “*trú*” đồng (Manis Javanica) (Long Giao), những “*cánh đồng chum gốm*” mang hình

hài những nghĩa trang cộng đồng dày đặc thời sơ Sắt và cả quần thể kiến trúc Đá lớn độc đáo Hàng Gòn - di tích khảo cổ học Quốc gia đặc biệt đã được phát hiện chính trong vùng từng là trung tâm sinh tụ và tinh thần Đồng Nai thời sơ Sắt.

Những khám phá khảo cổ học quan trọng ấy là những **“bằng chứng sử đất”** không lời mà vững chãi ghi dấu những bước chân quả cảm của tiền nhân chúng ta trên mảnh đất trung tâm của dòng chảy huyết mạch của toàn Nam Bộ ngay từ thời nguyên thủy đến “ngưỡng cửa” của thời đại mà F. Engels gọi là “Văn minh” (Civilization).

Quyển sách này bước đầu chuyên khảo về một trong những nền văn hóa quan trọng thời Kim khí của nền Văn minh sông Đồng Nai - **“Văn hóa nguyên thủy Cái Vạn”** mà chủ nhân bản xứ cũng chính là những thế hệ người đầu tiên từ vùng cao nguyên đồi núi bazan trẻ thượng nguồn và trung lưu dòng chảy huyết mạch này tràn xuống chế ngự vùng rừng Sác cửa sông cận biển Nam Bộ đương thời. Từ đấy mà hình thành nên những nền văn hóa danh tiếng vùng duyên hải như: Bưng Bạc (Bà Rịa - Vũng Tàu), Giồng Lớn (Long Sơn, Bà Rịa - Vũng Tàu) và Giồng Phệt (Cần Giẻ, Thành phố Hồ Chí Minh) thời Sơ sử và Cổ sử.

Ở Phần thứ nhất, các tác giả giới thiệu đôi nét về điều kiện tự nhiên vùng đất rừng ngập mặn Nhơn Trạch, Đồng Nai, đặt trong khung cảnh chung của môi trường sinh thái toàn miền Đông Nam Bộ, ghi nhận các tổ chức sinh thái dung dưỡng con người và văn hóa nguyên thủy đương thời.

Phần thứ hai, là nội dung chính yếu của công trình, giới thiệu chi tiết về lịch sử khám phá, khai quật và nghiên cứu cuộc sống “ngàn xưa bên dòng sông Thị Vải”, với các hệ thống dẫn liệu khảo cổ liên quan đến hoạt động cư trú và sáng tạo văn hóa của các tập thể người cổ từ buổi đầu “đóng cọc làm nhà sàn” cư trú ở Cái Vạn, Cái Lãng, Rạch Lá, bến Cá Sinh, ngọn Mặt Trời... - những làng cổ làm nông, săn bắn, hái lượm lâm thủy hải sản và hoạt động thủ công, “bến sông” buôn bán theo đường nước ngược xuôi, những nghĩa địa mai táng người chết trong mộ đất - những cứ liệu “sử đất” cùng các kết quả giám định thạch học, thành phần chất liệu đá, gốm, đồng thau và hệ thống niên đại C14, với nhiều minh họa, thống kê chi tiết và hệ thống về các hiện tượng ghi nhận chính trong các hiện trường khảo cổ.

Ở Phần thứ ba, các tác giả nêu lên những nhận định bước đầu về đặc trưng văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần, cả về vị trí lịch sử của nền văn hóa nguyên thủy Cái Vạn đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với

các di tích thuộc nền văn minh Kim khí Đồng Nai và cố gắng phác họa mối quan hệ, giao lưu tiếp xúc văn hóa đặc sắc của cả Nam Bộ trong diễn trình từ nguyên thủy vào văn minh đầu tiên ở vị trí tiền tiêu “Cửa ngõ” (Gateway) hướng biển Thái Bình Dương - “Ngã ba đường của các nghệ thuật” hay “Ngã ba đường của các tộc người và các nền văn minh”.

Hiển nhiên, tập sách khó tránh được các hạn chế, sơ suất, một số ý kiến, luận điểm khoa học cũng như phương pháp thông tin vẫn còn cần tiếp tục thảo luận, rất mong được đón nhận các ý kiến quý báu và chân thành của bạn đọc trong và ngoài tỉnh để kịp thời rút kinh nghiệm, tiếp tục phân tích sâu sắc hơn và bổ sung hoàn chỉnh hơn. Chúng tôi hy vọng tập sách “**VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI LẠN (ĐỒNG NAI)**” đến với bạn đọc gần xa như một nguồn liệu khoa học - văn hóa có những thông tin bổ ích, những tư liệu lý thú và thiết thực, có thể làm tài liệu tham khảo cho giới nghiên cứu, làm tài liệu học tập cho học sinh, sinh viên, giúp cho các thế hệ trẻ thêm hiểu biết về quê hương rặng ngời “*Hào khí Đồng Nai*”, về truyền thống lao động sáng tạo và thông minh của ông cha “*Trên mảnh đất này*”, nâng cao tình yêu quê hương đất nước và vận dụng trong các hoạt động thực tiễn bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo định hướng “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

THÁI BẢO

(Ủy viên Ban TVTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Nai)

Lời cảm tạ

Di tích nguyên thủy Cái Vạn ở vùng đất rừng ngập mặn Nhơn Trạch, Đồng Nai là một trong năm di tích khảo cổ học được **khám phá sớm nhất** ở Nam Bộ và ở cả Việt Nam. Ngay từ cuối thế kỷ XIX đã có công bố của học giả E.T.Hamy (1897) nhắc đến những chiếc rìu đá được phát hiện ở Cái Vạn, Bình Đa và ba điểm khác vùng Biên Hòa mà từ năm 1887-1914, nhà sưu tập J.Chénieux đã gửi 54 công cụ đá tứ giác và có vai tra cán Biên Hòa tặng Bảo tàng Nhân chủng học Paris (*Malleret, L. 1963; Fontain, H. 1971*). Tuy nhiên, tên gọi di tích này khác nhau từ “*Xóm Cai Vàng*”, “*Xóm Cai*”, “*Cây Vạn*”. Nhưng tên gọi di tích “**Cái Vạn**” chỉ được biết tới sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), khi Nhân dân địa phương khám phá trong lòng hệ thống các nhánh sông Thị Vải hàng trăm đồ đá các loại tặng cho Bảo tàng Đồng Nai.

Sau đó, các cuộc khai quật khảo cổ học lớn do Bảo tàng Đồng Nai cùng các nhà khảo cổ học chuyên nghiệp ở Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (Phạm Văn Kinh, TS. Vũ Quốc Hiền) và Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (TS. Nguyễn Văn Long) tiến hành năm 1978 và ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (GS. Trần Quốc Vượng, TS. Lâm Mỹ Dung) cùng Giám đốc Trung tâm Khảo cổ học TS. Phạm Đức Mạnh và TS. Nguyễn Giang Hải (Viện Khảo cổ học) tiến hành vào mùa điền dã năm 1996.

Từ đây, hình hài cụ thể về một làng “nông - chài - thương” Cái Vạn - một “**Di chỉ gốc tên**” (*Site éponyme*) được phát hiện đầu tiên và trên ấn phẩm khoa học sớm nhất, cũng là di tích được khai quật diện rộng đầu tiên và xử lý cẩn trọng khối tư liệu hiện trường phong phú đủ làm cơ sở nền tảng tiêu biểu cho diện mạo các làng cùng thời ở Cái Lăng, Rạch Lá,

Gò Me, ngọn Nhà, ngọn Mặt Trời, bến Cá Sinh... vùng rừng Sác Nam Bộ thuở ấy.

Cũng từ sau đó, khảo cổ học thời đại Kim khí vùng đất ngập mặn ở Đồng Nai được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn với đề tài khoa học *“Văn hoá khảo cổ thời đại Kim khí vùng đất ngập mặn ở Đồng Nai”* do ThS. Trần Quang Toại, Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai làm chủ nhiệm, được triển khai thực hiện trong hai năm, nghiệm thu vào tháng 7/2005 và được Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai xuất bản vào tháng 9/2006. Sau đó, năm 2009, Nguyễn Hồng Ân đã bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ Khảo cổ học nhan đề: *“Di tích khảo cổ học Cái Vạn (Nhơn Trạch - Đồng Nai)”* tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Di tích nguyên thủy Cái Vạn cùng các di chỉ nhà sàn Cái Lãng (Long Thọ), Rạch Lá (Phước An), và di chỉ trên giồng cát Gò Me (Vĩnh Thanh) được khai quật sau đó với các kết quả giám định niên đại tương đối và tuyệt đối ngay từ sơ kỳ đến hậu kỳ thời đại Đồng thau, càng trở nên có ý nghĩa **“khởi thủy”** cho các nền văn hóa từ hậu kỳ Đồng - sơ kỳ Sắt đến Cổ sử khám phá ở vùng sinh lầy Bà Rịa (Bưng Bạc, Bưng Thơm) và giồng cát ven biển Long Sơn (Giồng Lớn) và các giồng đất đỏ vùng vịnh biển Cần Giờ (Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ)... - những vị trí chiến lược “Tiền cảng thị” (Pre-ports) trên con đường giao thoa văn hóa - kinh tế hàng hải khu vực và châu lục - liên châu lục.

Các “làng cổ nguyên thủy” ấy hàm chứa nhiều nội dung thông tin về truyền thống văn hoá, đời sống sinh hoạt của con người và xã hội trong quá khứ mà chúng ta chỉ có thể nhận thức đầy đủ tầm vóc và những lựa chọn sinh tụ cần thiết và thông thái của cư dân cổ Cái Vạn trên vùng đất ngập mặn, khi đặt trong tầm quan sát khoa học biện chứng và logic toàn bộ diễn trình hình thành - triển nở của cả phức hệ văn minh sông Đồng Nai thời kỳ “Tiền nhà nước” ở vị thế “cửa ngõ” vào châu thổ sông Đồng Nai và phía bắc châu thổ sông Cửu Long - hai châu thổ liên quan đến nền tảng văn hóa vật chất của nền văn minh Cổ sử Óc Eo - Phù Nam những thế kỷ đầu Công lịch.

Trong bối cảnh đô thị mới Nhơn Trạch được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể từ tháng 5/1996 đến năm 2020 và Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đánh giá là “Thành phố tương lai, không chỉ bó hẹp trong phạm vi Việt Nam mà có sự giao lưu với các nước”. Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa diễn ra mau chóng với các khu đô thị, các công trình giao thông, các khu công

nghiệp xả thải ra hệ thống sông Đồng Nai - Thị Vải, các phong trào đào ao nuôi tôm thương phẩm đã hủy hoại Cái Vạn và hàng loạt các di tích khảo cổ vùng ngập mặn Nhơn Trạch và vùng cận biển Nam Bộ.

Chuyên khảo **“Văn hóa Tiền sử Cái Vạn (Đồng Nai)”** là hệ thống thông tin rất cần thiết về di sản văn hóa vật thể nguyên thủy và kinh tế nông nghiệp khai thác vùng đất ngập mặn ven biển cổ Thị Vải, hữu ích cho việc xây dựng bản đồ khảo cổ học hoàn chỉnh của nền Văn minh sông Đồng Nai thời đại Kim khí, là tài liệu khoa học hữu ích để sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về “Nam Bộ, đất và người”, thực thi Luật Di sản văn hóa, Nghị quyết số 33- NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”* và Kế hoạch số 257-KH/TU ngày 31/8/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”* trên địa bàn tỉnh.

Trong tương lai, Nhơn Trạch và Long Thành sẽ là thành phố công nghiệp trẻ, năng động trong xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ và kinh tế đối ngoại với những thương cảng lớn, giao lưu buôn bán với các quốc gia trên thế giới. Thành tựu của ngày hôm nay muốn phát triển bền vững cần nghiên cứu và xây dựng trên nền tảng văn hóa tinh thần truyền thống mà cư dân cổ đã dày công tạo dựng và phát triển trong suốt 1.500 năm trước Công nguyên. Sự vận động, giao lưu, hội nhập kinh tế - văn hóa trong thời đại Kim khí đã biến vùng đất sinh lầy hoang vu ngập mặn này trở thành một vùng kinh tế sôi động, đưa xã hội nguyên thủy bước vào thời kỳ Văn minh sơ khởi.

Quyển sách **“Văn hóa Tiền sử Cái Vạn (Đồng Nai)”** về thực chất là công trình mang tính tập thể, có sự đóng góp của rất nhiều người. Các tác giả chân thành cảm ơn chính quyền và Nhân dân xã Long Thọ, đặc biệt là gia đình hai cụ Lưu Văn Còn và Võ Thị Nhục đã tận tình giúp đỡ đoàn khai quật trong những ngày công tác điền dã, khai quật và những chuyến khảo sát sau này tại di tích Cái Vạn và các di tích trong vùng rừng Sác Nhơn Trạch.

Các tác giả trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của đồng nghiệp tại Bảo tàng Đồng Nai, sự góp ý chân tình của các ông Đỗ Bá Nghiệp - nguyên Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai và PGS.TS. Huỳnh Văn Tới -

nguyên Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai; cảm ơn Ban Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Nhà xuất bản Đồng Nai.

Các tác giả muốn tặng quyển sách này tới hương hồn của thầy và các đồng nghiệp đáng kính từng tham gia khám phá và khai quật di tích Cái Vạn đầu tiên (1978) và sau cùng (1996) - Giáo sư Trần Quốc Vượng - Đại học Quốc gia Hà Nội, Phạm Văn Kinh và Vũ Quốc Hiến - Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam, Lưu Văn Du - nguyên Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai, TS. Phạm Quang Sơn - Trung tâm Khảo cổ học đã khai quật di tích Gò Me (2005) và PGS.TS. Nishimura Masanari (University of Tokyo - Japan) từng nhiều lần khảo cứu mảnh đất này.

Các tác giả hy vọng cuốn sách **“Văn hóa Tiền sử Cái Vạn (Đồng Nai)”** đến với bạn đọc gần xa như một nguồn liệu khoa học - văn hóa có những thông tin bổ ích, những tư liệu lý thú và thiết thực, có thể làm tài liệu tham khảo cho giới nghiên cứu, làm tài liệu học tập cho học sinh, sinh viên, giúp cho các thế hệ trẻ thêm hiểu biết về quê hương rạng ngời **“Hào khí Đồng Nai”**, về truyền thống lao động sáng tạo và thông minh của ông cha **“Trên mảnh đất này”**, nâng cao tình yêu quê hương đất nước và vận dụng trong các hoạt động thực tiễn bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu **“Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”**.

Các tác giả rất mong nhận được sự phê bình, góp ý về chất lượng cuốn sách và sự chỉ giáo của bạn đọc gần xa.

Trân trọng!

PGS.TS. PHẠM ĐỨC MẠNH

Giảng viên cao cấp, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG HCM

TS. NGUYỄN HỒNG ÂN

Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai

PHẦN THỨ NHẤT

**TỔNG QUAN VỀ NỀN CẢNH
MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CÁI LẠNG VÀ
VÙNG ĐẤT RỪNG NGẬP MẶN ĐỒNG NAI**

Vùng đất rừng ngập mặn thuộc địa giới tỉnh Đồng Nai, theo thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai, có diện tích rộng hơn 5.000ha, chiếm hầu hết phần đất của huyện Nhơn Trạch và các xã Long Phước, Phước Thái của huyện Long Thành ngày nay. Huyện Nhơn Trạch nằm ở phía tây nam tỉnh Đồng Nai, được tái lập vào tháng 9/1994, có diện tích 409,16km², dân số hơn 279.000 người, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã.

Cảnh quan tự nhiên vùng đất ngập mặn Đồng Nai thể hiện đặc trưng của một vùng đất ngập mặn ven biển miền nhiệt đới, với đất bùn lầy lội, kênh rạch chằng chịt, sông nước có chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy triều lên xuống thường nhật, nguồn nước mặt đa phần là mặn và lợ, với lớp phủ thực vật khá dày và xanh tốt, chủ yếu là những loài cây quen sống trong môi trường ngập mặn như bần, đước, dừa nước, chà là... Những dòng sông mệnh mông bao quanh ba mặt: Ở mặt phía tây và tây nam là sông chính Đồng Nai và sông Nhà Bè nối tiếp nhau chảy ra cửa biển Soài Rạp. Mạn phía nam và đông nam là các dòng sông Lòng Tàu và sông Đồng Tranh cùng các nhánh phụ nối với sông Gò Giã rồi đổ vào sông Cái (Mép) tại vịnh Gành Rái. Về mặt phía đông là hệ thống sông Thị Vải hợp lưu với sông Gò Giã rồi cùng đổ ra sông Cái (Mép) tại vịnh Gành Rái.

Trong miệt vùng này có đường bộ liên tỉnh - huyện số 19 mở từ cầu Rạch Giông (Đại Phước) xuôi theo hướng Tây Bắc - Đông Nam ngang qua cầu Ông Kèo, Vũng Gấm, đến Bà Trường (Phước An) rồi chuyển ngược lên hướng Bắc đến cầu Đồng Môn (Long Thọ). Đây cũng là đường phân hai vùng thành tạo địa chất với cao độ và môi trường tự nhiên sinh thái khác nhau về phía đông nam tỉnh Đồng Nai ngày nay.

Ở phía bắc đường lộ 19 là vùng cao đất phù sa cổ được thành tạo trong thế Cánh Tân, có cao trình dao động trong khoảng 10-25m, thổ nhưỡng thuộc loại đất rắn chắc, khô ráo, màu vàng loang lổ trắng hồng, xen lẫn các hạt sạn sỏi laterit màu nâu đỏ. Ở mạn này, trên bề mặt không có sông suối chảy ngang, chỉ có các bàu nước cạn ở đôi nơi như: Bàu Tranh, bàu Sao, bàu Chai, bàu Điều, bàu Sen, bàu Sơn, bàu Cá, bàu Cạn... là nơi sinh sống các loài cá, tôm nước ngọt với địa mạo tập trung nhiều cây cối.

Ở bên phải đường lộ 19 là vùng đất thấp với cao trình dao động chỉ 1-10m so với mực nước biển ngày nay, thổ nhưỡng thuộc loại phù sa mới được thành tạo trong thời Toàn Tân (Holocene) chỉ vào khoảng 12.000-11.000 năm trở lại đây.

Trong vùng thấp này có thể chia thành ba tiểu vùng với vị trí cảnh quan tự nhiên khác nhau có ảnh hưởng sâu sắc trong quá trình nghiên cứu. Tính từ cao xuống thấp chúng bao gồm:

Tiểu vùng thứ nhất có dạng bậc thềm với các dải đất hẹp chạy dài ven rìa địa hình đồi cao phù sa cổ, ở phía bắc đường ranh giới tương ứng với đường lộ 19, về phía nam đến đường ranh tự nhiên là dòng chảy suối Ông Kèo.

Ở đây, địa hình có độ cao trung bình dao động trong khoảng từ 4-5m đến 10m thuộc dạng trung gian chuyển tiếp giữa vùng cao phù sa cổ phía bắc xuống vùng trầm tích biển - đầm lầy thấp trũng phía nam.

Lớp phù thổ nhưỡng chủ yếu là loại đất phù sa mới khá khô ráo, có tuổi Holocene sớm - giữa. Trên bề mặt địa hình thường thấy những cấu tạo dạng dê hay đụn cát, những cồn đất cát, bãi bồi phân bố thành hàng chạy dài theo dòng chảy suối Ông Kèo, cũng chính là dấu tích những bãi cát ven bờ biển cổ thời Toàn Tân. Đó là kết quả của quá trình thành tạo trầm tích do tác động kết hợp của sông và biển thời biển tiến Holocene trung. Hệ thống sông rạch ở tiểu vùng này tuy ít những con rạch nhỏ chảy hướng Nam chệch Tây đưa nước vào suối Ông Kèo, song rất hiếm khi xảy ra hiện tượng bị ngập nước kéo dài.

Tiểu vùng thứ hai là dải đất về phía bắc giáp với dòng chảy suối Ông Kèo, về phía tây nam có ranh giới là chi lưu của hệ thống các sông chính Đồng Nai và các dòng sông Nhà Bè, Lòng Tàu và Đồng Tranh. Đây cũng là tiểu vùng có diện tích rộng lớn nhất, cao trình dao động trong khoảng từ 1-5m, phổ biến ở độ cao 1,5-2,5m, bề mặt địa hình nhìn chung có xu hướng thấp dần từ tây bắc xuống đông nam về phía các bờ sông rạch.

Ở đây có nhiều sông, rạch nhỏ kết hợp thành mạng lưới với nhiều chi lưu khác nhau và thường thông ra các dòng sông lớn như rạch Ngã Ba ở mạn tây bắc có dòng chảy quanh co uốn khúc đổ ra sông Đồng Nai - Nhà Bè, các rạch Mương, rạch Bàng, rạch Ông Đất, rạch Cái Gò, rạch Tràm, rạch Cái Út, rạch Lá, rạch Man Hoa (Gián Hoa) ở mạn nam có dòng chảy hướng Đông Bắc - Tây Nam như đường phân cách tự nhiên với tiểu vùng ba.

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Về cơ bản, đây là vùng đất thấp song chưa phải là trũng và được thành tạo bởi trầm tích phù sa mới của hệ thống sông Đồng Nai - Nhà Bè, chịu ảnh hưởng gián tiếp của thủy triều biển qua các con sông lớn như: Đồng Tranh, Lòng Tàu, Nhà Bè nên có độ ngập mặn nhưng không cao và thường xuyên. Dọc hai bờ sông thường thấy dày đặc các loài thực vật ưa sống trong môi trường ngập mặn như đước, bần, dừa nước... Địa hình ở đây còn thấy khá nhiều các thành tạo dạng bãi đất bồi hay giống phù sa mới, rộng không quá 100m và dài khoảng 1km, cao hơn mặt nước xung quanh từ 2-3,5m.

Tiểu vùng thứ ba bao gồm toàn bộ phần đất thấp trũng vùng hạ lưu châu thổ sông Thị Vải, thuộc địa bàn bốn xã: Long Phước, Phước Thái (huyện Long Thành) và Long Thọ, Phước An (huyện Nhơn Trạch), tổng diện tích tự nhiên tới gần 5.000ha. Địa hình khu vực này phát triển trực tiếp trên nền trầm tích biển - đầm lầy có tuổi Holocene muộn và thấp hơn từ 1-2m (so với mực nước biển hiện nay) nên thường xuyên bị ngập.

Đây cũng là khu vực được thành tạo chủ yếu bởi phù sa của suối Cả - dòng chảy lớn nhất và dài nhất trong hệ thống sông rạch Thị Vải. Con suối này bắt nguồn từ cao nguyên An Lộc - Cẩm Tiêm, có độ cao trung bình 200m, có dòng chảy theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, dài khoảng 38km; đến điểm chuyển hướng chảy từ Bắc xuống Nam ở rạch Bà Ký thì đổi tên là sông Thị Vải (hàm nghĩa là sông Sư Bà). Diện tích hướng nước của con suối này khoảng 135km², lưu lượng dòng chảy bình quân khoảng 3,1m³/giây. Khối lượng nước do nó sản sinh hàng năm khoảng 0,098 x 10⁹/m³; lượng phù sa được chuyển tải vào hệ thống sông Thị Vải vào khoảng 0,19 x 10⁶/tấn. Với lượng phù sa đáng kể đó trải qua quá trình dài lắng đọng tích tụ đã tạo nên châu thổ thấp của hệ thống sông Thị Vải, mà đỉnh châu thổ chung quanh rạch Bà Ký - Cái Vạn, nơi con suối Cả chuyển dòng chảy theo hướng Bắc Nam. Đây cũng là tiểu vùng có hệ sinh thái chịu ảnh hưởng xâm mặn từ biển nhiều nhất, quần thực vật phong phú, đa dạng với những loại điển hình như đước, bần, mắm trắng, mắm đen... và các quần thể dừa nước, chà là, ô rô, ráng... trong các vùng cửa sông rạch (H1-1-3).

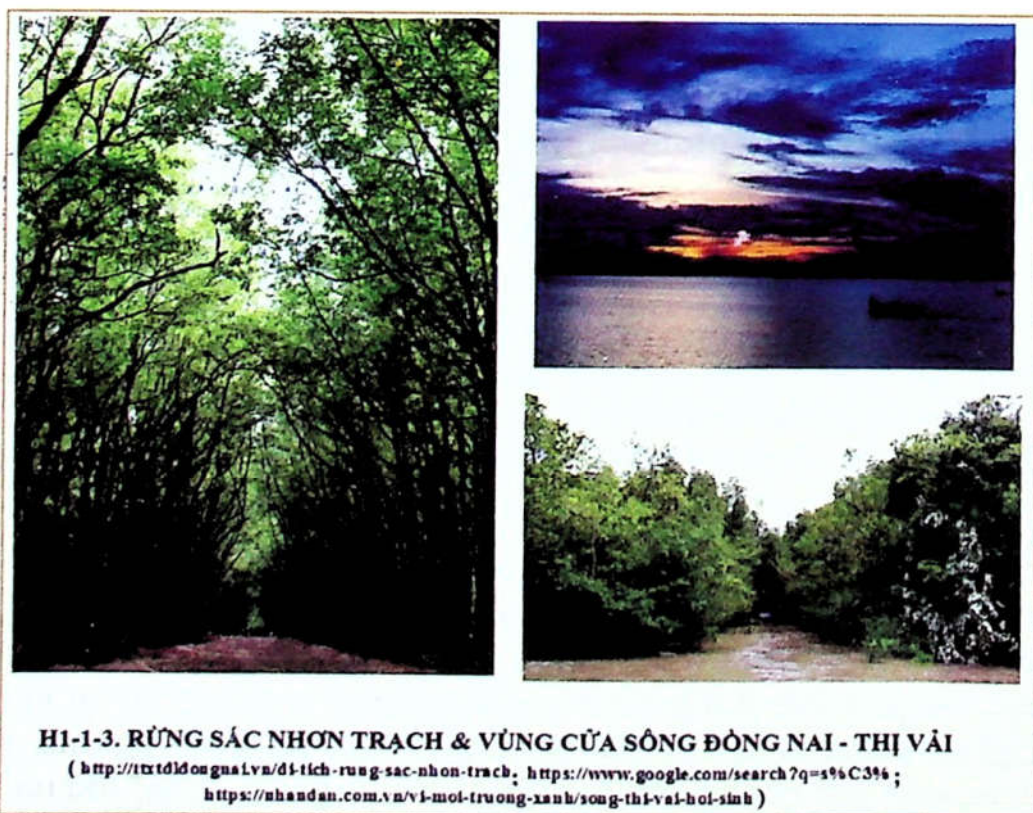
Như trên đã nói, sông Thị Vải thông ra vịnh Gành Rái ở cửa sông Cái (Mép) Cũng từ đó, thủy triều biển từ vịnh vào cửa sông Cái (Mép) trực tiếp xâm nhập vào nội địa, tác động đến dòng chảy của sông Thị Vải - con sông chính trong hệ thống sông rạch ở châu thổ Thị Vải, thủy triều biển ở đây làm cho các dòng suối, con rạch xẻ dòng, chia nhánh, uốn khúc, đan xen chằng chịt mà địa chất học gọi là dạng "tỏa tia" hoặc

dạng “nhánh cây”; nó cũng làm cho phù sa trong các dòng chảy lắng đọng thành những bãi bồi ven bờ, các cù lao nổi giữa sông...

Ngày nay, trên bề mặt châu thổ này, ngoài dòng chảy chính là sông Thị Vải, còn có các con rạch khác như: Rạch Cái Vạn, rạch Vẹp, rạch Nhum, rạch Ông Hỷ, rạch Cây Khô, rạch Bến Lớn, suối Cạn... (thuộc địa phận huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai); rạch Mương, rạch Bàn Thạch, rạch Ông Trinh, sông Mỏ Nhát, rạch Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); lại có các cù lao có tên cụ thể như: Cù lao Cây Cao, cù lao Tài Um và nhiều cù lao “không tên”, bãi bồi “không tiếng”.

Ngoài ra, giáp phía tây hạ lưu sông Thị Vải, trong dải đất mũi phía đông nam Nhơn Trạch có một loạt các con sông, con rạch có dòng chảy đổ vào sông Gò Già ra sông Cái (Mép) đến vịnh Gành Rái. Những dòng sông, con rạch này cũng bị thủy triều biển từ vịnh Gành Rái xâm nhập tạo nên sự “tỏa tia”, “tách nhánh” khá phức tạp.

Trên địa hình thấp trũng này, các dòng chảy quanh co, uốn khúc, đủ mọi hướng đan xen vào nhau. Đó là các sông Bàu Bông, sông Đồng Kho, sông Bà Giỏi...; các con rạch Đôn Vang, Ông Tước, Cam Lao và nhiều con rạch không tên. Ở đây cũng có nhiều cù lao nổi giữa các dòng sông Đồng Kho, Bà Giỏi...



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Cảnh trí tự nhiên ở đây hầu như tương tự như trong châu thổ Thị Vải. Chúng đều có địa hình thấp trũng, cùng chịu tác động trực tiếp của thủy triều biển xâm nhập từ vịnh Gành Rái theo đường sông Cái Mép - sông Gò Già vào nội địa. Do đó, có thể coi hệ thống sông rạch, có dòng chảy chính là Gò Già (Cần Giờ - Thành phố Hồ Chí Minh) cùng nằm trong phạm vi tiểu vùng châu thổ sông Thị Vải.

Dấu tích thủy triều biển tác động đến địa hình ven châu thổ này chính là những bãi bồi đất cát cao độ 4-5m còn sót ở Cái Vạn (Long Thọ), Bà Trường (Phước An), Vũng Gấm... Đó cũng là vết tích những bãi biển cổ thời Toàn Tân, ngăn cách tiểu vùng châu thổ sông Thị Vải thấp trũng với tiểu vùng đất phù sa thấp ven sông lớn Đồng Nai, Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh. Do vậy mà các dòng chảy thuộc châu thổ Thị Vải - Gò Già ở mạn tây đều có hướng từ Tây Bắc chảy xuôi về hướng Đông Nam cùng đổ ra vịnh Gành Rái qua đường sông Cái (Mép). Ngược lại, các con suối, luồng rạch thuộc tiểu vùng thứ hai chủ yếu theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam hoặc từ Tây sang Đông rồi lần lượt đổ nước ra các con sông lớn ở các điểm khác nhau. Chỉ có suối Ông Kèo - con suối dài và thẳng nhất lại có dòng chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, theo ghi nhận quan trắc địa - vật lý là dấu tích của sự đứt gãy, sụt lún cục bộ của mặt đất do hoạt động tân kiến tạo gây nên. Hoạt động tân kiến tạo còn gây nhiều biến đổi địa hình một phần rìa phía nam của thềm phù sa cổ thuộc huyện Nhơn Trạch bị lún sập, hình thành nên các bậc thềm thấp phù sa mới với các cao độ 4-10m, 1-4m ở cả ba tiểu vùng trên; thậm chí cả vùng thấp trũng Cần Giờ - Đồng Tranh chìm sâu dưới mặt nước biển ngày nay (*Bảo tàng Đồng Nai, 2006:18-21*)

Về cơ bản, vùng đất phía nam Nhơn Trạch với ba tiểu vùng khác nhau, từ tiểu vùng ven rìa địa hình cao phù sa cổ là dải đất cát ven bờ biển cổ có địa hình không ngập mặn, ít sông suối hình thành trong giai đoạn biển tiến cực đại thời Toàn Tân cách nay khoảng 6.000-7.000 năm; đến tiểu vùng phù sa mới ven các sông Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh có thể đất thấp nhưng không trũng, tác động thủy triều biển không mạnh, tình trạng ngập mặn chưa lan tỏa rộng; cùng tiểu vùng châu thổ sông Thị Vải thấp trũng nhất, tác động thủy triều mạnh nhất, tình trạng ngập mặn thường xuyên.

Kết quả nghiên cứu trầm tích kỷ Đệ tứ cho thấy, trong Pliocen - Đệ tứ vùng Đồng Nai được nâng hạ phân dị, kèm theo sự hoạt động mạnh

2022/ĐC/VL - 1808

mẽ của phun trào bazan. Khu vực phía bắc và đông bắc, địa hình có xu hướng nâng bóc mòn. Khu vực phía nam, tây nam, địa hình có xu hướng hạ lún tích tụ và nâng lên tương đối tạo thêm.

Phun trào xảy ra trong nhiều đợt thuộc ba giai đoạn Pliocen - Đệ tứ, Pleistocen giữa và Pleistocen muộn. Các miệng núi lửa trẻ xuất hiện dọc theo đứt gãy phương kinh tuyến, á kinh tuyến. Hệ tầng Củ Chi phân bố dọc sông Đồng Nai từ Vĩnh Cửu đến Nhơn Trạch, trên bậc thềm cao 10-15m hoặc trong các lỗ khoan sâu ở vùng trũng thấp dọc sông.

Trên bậc thềm cao 10-15m, mặt cắt của hệ tầng có hai tập: Tập dưới gồm cuội, sỏi sạn gắn kết bởi cát, bột kaolin màu xám trắng; cuội, sỏi sạn chủ yếu là thạch anh; dày 3-5m. Tập trên gồm cát bột pha sét, bị phong hóa có màu loang lổ hoặc thành tạo cát kết hoặc oxyt sắt; dày 2,5-5m, cá biệt có nơi đến 7m.

Trong lỗ khoan sâu LK630 ở xã Phước An, huyện Nhơn Trạch trầm tích gồm hai phần: Phần dưới gồm cát lẫn ít cuội sỏi và sét bột xen kẽ lớp cát bột phân lớp mỏng; thành phần chủ yếu là thạch anh ít mảnh đá, chúng nằm bất chỉnh hợp trên các trầm tích hệ tầng Thủ Đức; dày 13m. Phần trên chủ yếu là sét bột, bột (sét 60-70%, bột 10-15%), phân lớp dày dạng khối, màu xám sẫm phớt nâu vàng, chứa tập hợp bào tử phấn hoa xác định môi trường lục địa cửa sông tuổi Pleistocen muộn; dày 2m.

Đặc điểm chung của hệ tầng: Trầm tích có nguồn gốc sông, gồm hai phần: Phần dưới là các trầm tích hạt thô có khả năng chứa nước dày 3-13m; phần trên là các trầm tích hạt mịn, từng phần bị laterit hóa, dày 2-7m; bề dày chung 5-20m.

Các trầm tích sông (phụ thống Holocen trung, thượng - QIV2-3) thường tạo các bãi bồi cao 1-3m dọc theo các sông suối, rộng vài mét đến vài trăm mét, gián đoạn hoặc kéo dài liên tục 1-2km. Thành phần chủ yếu là bột pha cát mịn ít sét màu nâu vàng. Độ chọn lọc kém. Chúng phủ trên các trầm tích cổ hơn, trên đá gốc và trên các trầm tích thềm I, dày 1,5-5m.

Trầm tích sông - đầm lầy (phụ thống Holocen trung, thượng - QIV2-3) thành tạo dọc theo các phần trũng thấp ven sông từ xã Long Hưng (Thành phố Biên Hòa) đến Long Thành đến bắc Nhơn Trạch. Thành phần gồm bột, sét, mùn thực vật, đôi nơi có than bùn, màu xám tro, xám tối; bề dày thay đổi từ 2-5m.

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Trầm tích sông - biển (phụ thống Holocen trung, thượng - QIV2-3) có mặt không nhiều ở vùng Phú Hữu, Phước Khánh, nam khối nâng Nhơn Trạch. Thành phần gồm bột, sét, ít cát, đôi nơi có mùn thực vật. Trong trầm tích thường chứa di tích các vi sinh vật biển, foraminifera...; bề dày từ 2-3m, có nơi từ 5-10m.

Trầm tích biển đầm lầy (phụ thống Holocen thượng (QIV3) phân bố ở khu vực xã Phước An, huyện Nhơn Trạch. Đây là vùng ngập mặn cửa sông ven biển hiện đại. Thành phần gồm sét, bột cát và các vật chất hữu cơ; bề dày ổn định trong khoảng 2-3m (Vũ Văn Vĩnh, 2001:7-70).

Kết quả phân tích thành phần địa chất của các mẫu trầm tích kỷ Đệ tứ cho thấy tính phức tạp, đa dạng của thành tạo địa chất tại vùng đất ngập nước phía nam Nhơn Trạch. Kết quả này phù hợp với những dữ liệu liên hệ đến địa hình tự nhiên, cảnh trí sông nước tương ứng với ba tiểu vùng đã đề cập, cho phép chúng ta hình dung cụ thể hơn, với cứ liệu rõ ràng về nội hàm vật chất, đặc điểm, nguồn gốc trầm tích trên từng tiểu vùng.

Cụ thể, trong tiểu vùng thứ nhất ven rìa địa hình cao phù sa cổ đến dòng chảy suối Ông Kèo là địa bàn cửa sông ven biển phổ biến loại trầm tích sông biển có tuổi Toàn Tân sớm và Toàn Tân giữa khoảng 7.000-6.000 năm đến 5.000-4.000 năm, trong đó: Trầm tích sông biển có tuổi cổ nhất (am QIII^{3cc}) thấy ở các điểm như cầu Ông Kèo, xóm Xoài Minh, ấp Bàu Sen. Trầm tích sông biển có tuổi muộn hơn (am QIV¹⁻²) phổ biến ở các điểm như đồn điền Thông Ất, xóm Nhà Thờ, xóm Ông Kèo, xóm Quốc Thanh, xóm Vũng Gấm, xóm Ba Bông, phía bắc suối Bàu Bông, xóm Rạch Mới, Ba Trương, Phước An, xóm Bàu Nâu, rạch Bà Ký, kinh Bà Ký. Trầm tích thuộc tương sông biển có tuổi trẻ hơn (am QIV²⁻³) xuất hiện quanh ngọn suối Bàu Bông.

Trong tiểu vùng thấp phù sa mới sông Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh, trầm tích sông biển không nhiều và rải rác ở đồn điền Ban Tiêu, rạch Mương (Phước Khánh), rạch Bàng (Phước Hòa), tả ngạn suối Nước Hôi, hữu ngạn sông Ba Gioi, hai bên bờ Tắc Ruồi có niên đại giữa thời Toàn Tân (am QIV²⁻³). Trầm tích đầm lầy - biển phổ biến hơn ở các điểm như rạch Ông Tất, rạch Cái Gò, rạch Trăm, rạch Cái Út, rạch Vũng Gấm (rạch Lá), xóm Man Hoa (Gian Hoa), rạch Nước Hôi, xóm Ba Gia và có niên đại thời Toàn Tân muộn (bm QIV³).

Trong tiểu vùng châu thổ sông Thị Vải nằm trong vùng thấp nhất Đông Nam Bộ hầu như phổ biến các dải đất có trầm tích đầm lầy - biển, hay trầm tích biển, các đất mặn sú vẹt được - phèn tiềm tàng nông hoặc sâu tập trung vùng trung cửa sông Đồng Nai dày đặc sông rạch (các sông: Thị Vải, Vàm Sầy, Dinh Bà, Tranh Đông, Dừa, Bà Giỏi, Ngã Bảy); các địa điểm phía bắc sông Đồng Kho, cù lao nằm giữa sông Đồng Kho, phía nam bắc Nhà Phương, bắc rạch Ông Tước, bờ sông Thị Vải, tây bắc rạch Nước Lớn, cù lao Cây Cao, rạch Mai Tước, rạch Xương Da Lợn, tắc Dơi, cù lao Tài Um có trầm tích đầm lầy - biển với niên đại Toàn Tân muộn (bm QIV³). Các điểm như gò Ông Tước, phía bắc đầu ngọn rạch Ông Tước có trầm tích biển (bm QIV¹⁻²).

Trong vùng đất ngập mặn kế cận - vùng Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ, Duyên Hải, theo nghiên cứu địa chất - trầm tích học kỷ Đệ tứ, cũng hiện diện ba dạng tướng trầm tích là trầm tích biển (bm QIV²⁻³) phân bố thành dải hẹp ven bờ biển Cần Giờ, trầm tích đầm lầy - biển (bm QIV²⁻³) phân bố chủ yếu trong huyện Duyên Hải và trầm tích hỗn hợp sông biển (am QIV²⁻³) phân bố chủ yếu ở hai huyện: Bình Chánh, Nhà Bè và phần nhỏ ở Duyên Hải. Diện tích đất rừng ngập mặn ở đây chiếm tới 70.000-80.000ha, với đường bờ biển trải dài từ vịnh Gành Rái tới vịnh Đồng Tranh - cửa Soài Rạp.

Vùng đất ngập mặn nam Nhơn Trạch có cửa Cái Mép - Thị Vải đổ ra Biển Đông, với đường ranh giới sông Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh dài xuyên suốt từ tây bắc xuống đông nam, có thành phần và niên đại trầm tích cùng cảnh quan tự nhiên sông nước tương đồng với vùng đất ngập mặn Nhà Bè - Cần Giờ.

Môi trường sinh thái của vùng đất rừng ngập mặn nam Nhơn Trạch (Đồng Nai) và Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) là một chỉnh thể thống nhất, mà dân gian gọi là “**rừng Sác**” - loại rừng đặc trưng độc đáo có chế độ khí hậu đồng bằng ổn định, nước mặn chiếm ưu thế ngập dài hoặc quanh năm, hiện tượng phèn và gley phổ biến, hệ thực vật phát triển mạnh mẽ, cành lá giao nhau nhiều nơi che kín cả mặt trời tạo thành rừng rậm rạp rất phong phú các giống loài chịu mặn, phát triển cùng cây thủy sinh và chịu mặn bao gần như toàn bộ châu thổ sông Thị Vải vùng cửa sông Đồng Nai, với các cửa: Cái Mép, Soài Rạp giáp biển từ vịnh Gành Rái tới vịnh Đồng Tranh... Đó cũng là nơi thuận lợi để nhiều loại động vật trú ngụ như hổ, hươu, nai, chồn, khỉ, heo rừng, trăn,

rắn, nhông, kỳ đà, cá sấu, hoang cầm như cò, mỏ nhát, cu đất, cua, cá, tôm, sò, ốc...

Trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (1826), có viết “*Từ Tam Giang - Nhà Bè, về phía đông đến cửa Cần Giờ, phía bắc đến cửa Tắc Kỳ, phía tây đến Kỳ Giang, trong ấy có đến trăm ngàn bãi cát; bãi cát ấy đều là rừng rậm cả. Rừng ấy có cây trà đước, sô viết (tức sú vẹt) và những cây tạp. Rừng xanh, cây rậm, cành lá giao nhau, che lấp mặt trời, còn có hải vật cá, tôm, cua, sam và ốc xanh bắt dùng không hết mà không có ai ngăn cấm*”.

Trong tác phẩm *Rừng ngập mặn ở Việt Nam* (1972), Lâm Bình Lợi, Nguyễn Văn Thôi còn chỉ ra cụ thể như sau: “*Loại rừng này là tập hợp lớn những loại thực vật như mắm trắng, mắm đen, gió, dò, bần, đước, chà là...*”. “*Phạm vi của chúng mở rộng gần như toàn bộ châu thổ sông Thị Vải vùng cửa sông Đồng Nai đổ ra biển theo sông Soài Rạp, sông Đồng Tranh. Rừng Sác ở miền Đông Nam Bộ có dạng hình tứ giác, đông giáp đường Biên Hòa, Phước Tuy, Long Hải; tây giáp sông Sài Gòn, sông Nhà Bè, sông Soài Rạp; nam giáp vịnh Gành Rái; bắc giáp với đường Phú Cường đi Biên Hòa*.”

Trong vùng rừng, đầm lầy, sông rạch có nhiều loại động vật sinh sống. Động vật có cánh như cò, mỏ nhát, cu; động vật có vú như heo rừng, nai, chồn, khỉ, loài dưới nước có tôm, cá, cua, sò... và xa xưa còn có hổ, cá sấu”.

Trong bộ *Địa chí Đồng Nai*, Lâm Khánh Vinh cũng đề cập đến hệ sinh thái “*Rừng ngập mặn hay còn gọi là “rừng Sác” với ưu thế là loại cây đước (Rhizophora mucronata) là một hệ sinh thái đặc biệt ở vùng cửa sông Đồng Nai chảy ra biển bị các nhánh sông chia cắt thành nhiều đảo nhỏ, dưới ảnh hưởng của thủy triều lên xuống là vùng bùn lầy lội mặn nhiều, nên chỉ có rừng ngập mặn phát triển...*”. Thành phần thực vật ở rừng ngập mặn cũng phong phú, nhưng cây đước ở đây không lớn như rừng đước Cà Mau hoặc Bến Tre. Nó bao gồm những tổ hợp chính như:

- Tổ hợp đước (rhizophora sp.) - bần (rhizophora - sonneratia sp.).
- Tổ hợp đước - vẹt - mắm (rhizophora - bruguiera - avicennia).
- Tổ hợp đước - dà vôi - mắm (rhizophora - ceriops - avicennia).

Ngoài ra, còn một số tổ hợp thực vật ở vùng bán ngập như chà là (*phoenix paludosa*), dừa nước (*nypa fructicans*), sù (*aegiceras*), giá (*excoecaria*), mọc xen cỏ chịu mặn sậy (*scirpus*), ô rô (*acanthus*), cói lác (*cyperus*), gió, dò... Trong các tổ hợp ấy, cây đước luôn có mặt ở vị trí hàng đầu, là loại cây phát triển mạnh ở những nơi đất bùn đã cố định, chặt hoặc sét mềm. Trong khi đó, cây dừa nước phổ biến trên đất phù sa ven các rạch ngập nước lợ có thủy triều lên xuống với độ mặn dưới 18%, nhưng không sống được ở nơi nước bị tù hãm hoặc vùng nước ngọt. Chính đước và dừa nước là hai loại thực vật đặc trưng cho hai tiểu vùng sinh thái, môi trường mặn và nước lợ thường xuyên có thủy triều lên xuống.

Thủy triều biến - yếu tố quan trọng cho sự hình thành quần thể đặc thù của rừng Sác ngập mặn từng được Trịnh Hoài Đức ghi nhận trong *Gia Định thành thông chí* (1826): *"Thủy triều ở Gia Định khác hơn các chỗ, mỗi tháng có hơn 2, 3 ngày không có triều lịch, mùa đông thì đến 3, 4 ngày không có. Tháng 8, 9 thủy triều lớn khác thường, tiết hạ chí lớn ban ngày, tiết đông chí lớn ban đêm; ngày 25-28 mới bắt đầu lên, đến mồng 1 đã mạnh, qua mồng 3 lại mạnh nữa; rồi sau lần lần nhỏ đi; mãi đến ngày 11, 12 thì nước lại lên, đến ngày rằm đã mạnh, qua ngày 18 mạnh nữa, sau đó lại nhỏ dần... Thế rồi trong bốn sông khô cạn, người ta đo được mực nước rút lui lên xuống đến 13 thước (ta), vào khoảng 3-4 mét"*.

Một cuộc khảo sát tại chỗ ở Cần Giờ (năm 1978) cũng ghi nhận: *"Trong năm thì cuối tháng 2, đầu tháng 3 âm lịch (tiết hạ chí) bắt đầu có cơn mưa đầu mùa là lúc nước sông thấp nhất. Trong một tháng thì các ngày 19-21 là khoảng thời gian nước sông thấp nhất. Trong một ngày thì theo chế độ bán nhật triều, khoảng 7-8 giờ sáng nước bắt đầu lên, đến 11-12 giờ trưa nước lớn nhất; sau đó nước xuống và thấp nhất là 5-6 giờ chiều; rồi bắt đầu lên và cao nhất vào 11-12 giờ đêm; mức nước lại xuống từ 12 giờ đêm đến 7 giờ sáng là lúc thấp nhất. Mức nước lên xuống chênh lệch nhau 3-3,5 mét kỳ triều cường, 1,5-2,0 mét kỳ triều kém. Cùng với nước lên là gió đông nam thổi từ biển vào, khi nước rút thì dừng gió, cho nên ở vùng rừng Sác, vào buổi sáng từ 7-8 giờ đến 10-11 giờ có gió đông nam thổi mạnh"* (Bảo tàng Đồng Nai, 2006:24-25).

Với biên độ thủy triều dâng cao khoảng 2,3-2,8m ở Biên Hòa và 3,0-3,5m ở Cần Giờ vào kỳ triều cường, lại với hai lần triều lên trong

ngày, nước mặn từ vịnh Gành Rái - Đồng Tranh dễ dàng theo hàng chục con suối, dòng sông tràn vào vùng thấp nam Nhơn Trạch (Đồng Nai) và xâm nhập cả vùng Bình Chánh - Nhà Bè. Độ mặn trong nước ngập tăng dần từ đầu mùa khô năm trước đến đầu mùa mưa năm sau, thời kỳ nước sông cạn kiệt nhất cũng là thời kỳ nước mặn tiến sâu nhất vào nội địa.

Trong điều kiện dòng chảy tự nhiên nguyên thủy, các nhà nghiên cứu đã ghi nhận được đoạn sông bên phà Cát Lái nước có độ mặn 4‰ duy trì trong thời gian khoảng 5 tháng, từ đầu tháng 1 đến cuối tháng 5; ở Nhà Bè là 6 tháng, từ đầu tháng 12 đến giữa tháng 6. Đó là thời gian mà độ mặn quy định có thể thích hợp cho cây trồng.

Riêng khu vực thấp trũng châu thổ hạ lưu sông Thị Vải (Nhơn Trạch, Đồng Nai), với hệ thống kênh rạch chằng chịt, tiếp giáp vịnh biển Gành Rái, nước mặn của biển thường xuyên xâm nhập, có độ mặn khá cao, từ 10-15‰ hoàn toàn không thể sản xuất nông nghiệp. Vùng đất thấp Cần Giờ còn có độ nhiễm mặn phèn cao hơn nữa vì nước biển thường xuyên tràn ngập làm mặn cả nước sông và nước ngầm đất ở tầng nông với độ mặn vượt quá giới hạn cho phép của nước ăn uống.

Trong bối cảnh chung của rừng Sác nam Nhơn Trạch - Cần Giờ, địa bàn phía tây châu thổ sông Thị Vải ở hai tiểu vùng 1-2 có nhiều yếu tố thuận lợi hơn đối với sinh hoạt con người. Nơi đây có nguồn nước ngọt từ sông Cái phía đông bắc thường xuyên đổ vào và cả nguồn suối Cả và dòng sông lớn Đồng Nai "*trong mà ngọt*" phía tây, cùng các dòng sông Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh bao quanh hòa loăng, ngăn chặn bớt độ mặn của thủy triều biển tràn tới.

Đây cũng là tiểu vùng có hệ động vật trong môi trường nước rất đa dạng và phong phú, nhiều loài có giá trị kinh tế cao. Kết quả khảo sát các thủy vực trong tỉnh Đồng Nai hiện nay cho thấy có 164 loài cá thuộc 27 bộ và 85 họ sống trong nước ngọt đến nước lợ và nước mặn. Trong đó có 61 loài cá sống hoàn toàn trong nước ngọt (khảo sát thủy vực hồ Trị An và huyện Tân Phú), 93 loài sống trong nước mặn (khảo sát thủy vực xã Phước An, huyện Nhơn Trạch).

Các giống loài giáp xác ăn được có khoảng 19 loài tôm, cua biển loại lớn, ghẹ ba chấm, ghẹ xanh, còng... đặc biệt là các loài tôm nước mặn. Ngoài ra còn có các loài nhuyễn thể hai mảnh; riêng hến trên sông Đồng

Nai với sản lượng khai thác ước tính 200 tấn/năm là nguồn thức ăn tự nhiên quan trọng cho các loài cá ăn đáy như cá chép, cá lăng, cá ngát... (*Lê Thanh Hùng, Phạm Văn Nhỏ, Nguyễn Phú Hòa, Lê Thị Bình, Đặng Thị Thanh Hòa, 2001*).

Ở Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ được Ủy ban MAB (UNESCO) công nhận đầu tiên trong mạng lưới 368 Khu dự trữ sinh quyển Thế giới, có hơn 150 loài thực vật quần hợp được đôi - bản trắng, mắm trắng, cùng xu ổi, trang, dưng và các loài thực vật nước lợ như bần chua, ô rô, ráng, dừa lá... Thảm cỏ biển với các loài ưu thế *Halophyla* sp., *Halodule* sp., *Thalassia* sp.; bên cạnh các vườn cây ăn trái, dừa và lúa, khoai mỡ, đậu trên đất canh tác nông nghiệp nay.

Trong môi trường thực vật này, thời xưa còn có cả hổ và cá sấu, nhiều loài động vật có vú như heo rừng, nai, chồn, khỉ; động vật có cánh như cò, mỏ nhát, cu; dưới nước có cá, tôm, cua, sò. Hiện theo thống kê khu hệ động vật có xương sống trên cạn còn 9 loài lưỡng thê, 4 loài có vú, 31 loài bò sát, với 11 loài trong Sách đỏ Việt Nam như tắc kè (*gekko gekko*), kỳ đà nước (*varanus salvator*), trăn đất (*python molurus*), trăn gấm (*python reticulatus*), rắn cạp nong (*bungarus fasciatus*), rắn hổ mang (*naja naja*), rắn hổ chúa (*ophiophagus hannah*), vích (*chelonina mydas*), cá sấu hoa cà (*crocodylus porosus*); khu hệ chim có ≈ 130 loài thuộc 47 họ, 17 bộ, với 51 loài chim nước và 79 loài chim sống nhiều sinh cảnh; khu hệ cá có >137 loài thuộc 39 họ, 13 bộ; khu hệ động vật thủy sinh không xương sống có >700 loài thuộc 44 họ, 19 bộ, 6 lớp, 5 ngành (*Lê Công Khanh, 1986*).

Chính vì lựa chọn vị trí đặc thù đệm giữa hai hệ sinh thái tự nhiên vùng cao phù sa cổ có mạch ngầm, suối phun nước ngọt và vùng thấp trũng ngập mặn phù sa mới, cộng đồng cư dân bản địa từ Tiền sử có thể dễ dàng cùng lúc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên vô tận, lượng sản vật dồi dào, đa dạng của hai hệ sinh thái rừng già cổ thụ, của rừng Sác rậm rạp; của đồi cao, đồng bằng thấp; của sông lớn, suối nhỏ và biển cả mênh mông.

Khảo cổ học đã khám phá nhiều di tích cư trú ở cả ba tiểu vùng địa - sinh thái kể trên. Đó là di tích Phước Tân trên gò đất nhỏ bên bờ sông Lá Buông - nơi H.Fontaine từng hơn 30 lần khảo sát từ năm 1969-1975 và thu tới 2.596 đồ đá (1.043 rìu vai, 411 mảnh lưỡi, 168 mảnh chuôi, 214 rìu tứ giác, 176 đục, 6 dao, 14 dao hái, 24 mũi lao, mũi nhọn, 2 chày, 8 bàn

nghiên, 258 bàn mài, 4 bàn xoa, 2 mảnh vòng đĩa, 1 thẻ đeo, 123 phác và phế vật), 2 bi đất nung cùng 615 mảnh gốm ở độ sâu 20-50cm trên nền đất nâu đỏ tiếp giáp nền đá bazan và đề xuất tên gọi: “**Văn hóa Phước Tân**” chung cho “*Thời đại Đá mới trong tỉnh Biên Hòa*”, với niên đại 3.500-3.000 năm BP. (Fontaine, H. 1970, 1975). Về sau, TS. Phạm Quang Sơn còn về điều tra thám sát hai lần năm 1977, thu thêm 2 cuốc đá có vai, 3 rìu vai và 1 đục đá (Phạm Quang Sơn, 1977:76-78).

Năm 1979, Đỗ Bá Nghiệp và Phạm Đức Mạnh phúc tra Phước Tân thu thêm 1 cuốc vai nhọn, 1 rìu tứ giác (Đỗ Bá Nghiệp, Phạm Đức Mạnh, 1979:137-140). Năm 2005, Nguyễn Công Chuyên cùng cộng sự điều tra thám sát Phước Tân, thu thêm 14 đồ đá (2 mai, 1 cuốc tứ giác, 8 rìu vai, 1 đục, 2 phác vật) và 302 mảnh gốm trong địa tầng mỏng (Nguyễn Công Chuyên, 2005). Đồ đá của Phước Tân có thể đại diện cho các công cụ nham thạch tìm thấy ở tiểu vùng này như Bàu Cạn (1 rìu vai), Bến Gỗ (năm 1897, E.T.Hamy ghi nhận có 1 rìu đồng và một số rìu đá), Phước Long, Phước Mỹ cách Cái Vạn khoảng 1-4,5km về phía bắc (năm 1971, H.Fontaine tìm thấy 3 rìu vai đá, 1 rìu đồng), Phước Nguyên (3 rìu đá, 1 đục, 1 phế vật), Suối Quýt (1 rìu đá vai ngang, phế liệu công cụ), Vũng Gấm (Phước An) (2 rìu đá), Xã Hoàng (2 rìu vai, 1 chày), Suối Quýt (2 rìu đá), Suối Đục (1 rìu đá) (Cẩm Đường), Suối Cả (Bàu Cạn) (3 cuốc, 16 rìu bốn tứ giác và có vai, 3 đục, 1 phế vật), Suối Trầu (8 rìu bốn tứ giác và có vai, 1 đục, 1 mảnh lưỡi (Phạm Đức Mạnh, 2019).

Ở các tiểu vùng thấp hơn, với những ưu thế vượt trội về tài nguyên sinh thái mà thiên nhiên ban tặng là điều kiện để cư dân Đồng Nai vượt qua trở ngại của môi trường khắc nghiệt để định cư dài ngày tạo lập hàng loạt các di tích cư trú - xưởng thủ công trong thời đại Kim khí, xây dựng các kiến trúc đóng cọc làm nhà sàn để bám sông bám biển có phạm vi rộng lớn nơi đất bùn và sinh lầy, với nội hàm vật chất đa dạng, nhiều chủng loại và nhiều chất liệu mà các nhà khảo cổ học đã khám phá từ hàng thế kỷ nay trên vùng đất rừng ngập mặn nam Nhơn Trạch - Cần Giuộc và kế cận: “**Nền văn hóa nguyên thủy Cái Vạn**”.

Đó là những di chỉ cư trú, di chỉ - xưởng (workshop-site) ở Cái Vạn, Cái Lăng (Long Thọ), Rạch Lá, ngọn Nhà, ngọn Mặt Trời (Phước An), Gò Me (Vĩnh Thanh) trên vùng đất ngập mặn nam Nhơn Trạch; cùng những cộng đồng cư dân trên các gò nổi quanh năm suốt tháng “bập bênh” trên mặt biển thuộc “**văn hóa Giồng Phệt**” ở Giồng Phệt, Giồng

Cá Vồ, các giồng Cây Keo, Đất Đỏ, Cá Trắng, Gốc Tre Lớn, Bao Đồng vùng Cần Giờ và các chủ nhân “**văn hóa Bưng Bạc**” trên vùng sinh lầy Bà Rịa ở Bưng Bạc, Bưng Thơm và “**văn hóa Giồng Lớn**” trên các “gò nổi” thời Kim khí ở Bến Đình (Mỹ Xuân), Gò Me (Phước Hòa và Hội Bài) và chuỗi gò thời Cổ sử Long Sơn như Cá Sỏi, Quát Ngoài, Quát Trong, Ông Kiểng, Ông Lâm, Bảy Mộ, Cây Mai, Phước Lộc, Long Thạnh...

Việc xuất hiện hàng chục làng cổ cư trú trên cọc nhà sàn và trên các “gò nổi” duyên hải của cộng đồng cư dân thời đại Kim khí và Kim khí phát triển trong môi trường ngập mặn khắc nghiệt của rừng Sác Thị Vải - Cần Giờ và kế cận là chứng tích của các sự nghiệp lao động và lao động sáng tạo từ Tiền sử thực sự “*gian lao mà anh dũng*” mà nền văn hóa nguyên thủy Cái Vạn hiện biết có niên đại thuộc loại sớm nhất trong vùng đất rừng ngập mặn Nam Bộ. Chúng có vị trí quan trọng trong công cuộc phục sử, tái dựng đời sống chủ nhân nền văn minh mệnh danh dòng chảy huyết mạch cả vùng này - **NỀN VĂN MINH SÔNG ĐỒNG NAI**, vào thời đoạn lịch sử mở đầu khai phá vùng đất rừng ngập mặn nam Nhơn Trạch, Thị Vải - Cần Giờ, địa bàn mà trước đó, khoảng 6.000-4.000 năm cách nay còn là vịnh biển lớn rộng với mực nước cao hơn hiện nay tới 4,5m (khoảng 6.000 năm BP), thấp dần đến mức nước 0-0,8m (khoảng 3.000 năm BP) và ngang bằng nước biển ngày nay (vào khoảng 2.000 năm BP) (*Bảo tàng Đồng Nai, 2006:26-27*).

PHẦN THỨ HAI

NGÀN XƯA BÊN ĐÔI BỜ SÔNG THỊ VẢI

Chương I.

CÁI VẠN - DI SẢN NGUYÊN THỦY ĐẦU TIÊN PHÁT HIỆN TRONG RỪNG NGẬP MẶN NHƠN TRẠCH

Trong khoa học khảo cổ (Archaeology, Archéologie) ở Việt Nam và thế giới, các học giả thường lấy tên một di tích phát hiện đầu tiên và công bố trên ấn phẩm khoa học sớm nhất, cũng là di tích được các chuyên gia khảo cổ học khai quật diện rộng đầu tiên và xử lý cẩn trọng khối tư liệu hiện trường phong phú đủ làm cơ sở nền tảng cho việc xác định đặc trưng di sản trong một **“Vùng - miền văn hóa”** (Kulturprovinz) cụ thể. Đó là một nền **“Văn hóa khảo cổ học”** hội nguyên mọi sắc thái văn hóa tộc người, phương ngữ và sinh thái trong một thời đại lịch sử có giới hạn, là hợp thể các di tích đồng nhất và thống nhất trong một cương vực liên khoảnh, biểu trưng thời gian sinh tồn và vận động của một cộng đồng người kết gắn nhau về nguồn cội và số phận lịch sử, chung sức sáng tạo bản sắc văn hóa độc lập và khác biệt với láng giềng cùng thời (Phạm Đức Mạnh, 1994:17).

Xuất phát từ cách hiểu như vậy về **“Nền văn hóa khảo cổ học”**, chúng ta thử tìm hiểu chi tiết di sản chung và riêng của Cái Vạn - di sản nguyên thủy đầu tiên cùng các làng cổ đồng chất văn hóa sinh thái trong vùng đất rừng Sác ngập mặn Nhơn Trạch và Nam Bộ. Từ đấy, mong muốn giải mã những lựa chọn cần thiết và thông thái của chủ nhân văn minh Kim khí Đồng Nai khi “đóng cọc làm nhà sàn” định cư lâu năm vùng đất rừng ngập mặn cửa sông - cận biển Nam Bộ đương thời - nơi **“Cửa ngõ”** (Gateway) của các luồng văn minh hàng hải thế giới - **“Ngã ba đường của các nghệ thuật”** (Carrefour des Arts) (Groslier, B.P.1961), hay **“Ngã ba đường của các tộc người và các nền văn minh”** (Carrefour de peuple et de civilisation) (Jansé, O. 1961),

1.1. Quá trình phát hiện và nghiên cứu khảo cổ học

Di tích khảo cổ học Cái Vạn trong vùng ngập nước thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ngày nay là một trong các di tích được biết đến sớm nhất ở Nam Bộ và ở cả Việt Nam, nhờ công bố ban đầu của Giáo sư E.T. Hamy ngay từ cuối thế kỷ XIX với một số di vật đá lượn ở **“Xóm Cai Vàng”** (E.T.Hamy, 1897; Fontaine, H. 1971:54). Thông tin ban

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

dầu về di tích này khá mơ hồ và không đồng nhất tên gọi nên đã bị lãng quên trong suốt một thời gian dài, lúc này hoạt động tìm kiếm, nghiên cứu khảo cổ học Tiền sử của người Pháp và phương Tây chỉ triển khai trên vùng đất có địa hình cao ở các thềm phù sa cổ, thềm đất xám, đồi gò đất đỏ bazan và đồng bằng cao phù sa mới trong châu thổ sông Đồng Nai - Sài Gòn.

Vào cuối năm 1976, đầu năm 1977, Nhân dân địa phương trong quá trình canh tác ở Cái Vạn đã thu nhặt được sưu tập bao gồm: 67 rìu bôn có vai, 26 rìu bôn tứ giác, 8 đục, 1 vòng tay, 2 phác vật vòng, 5 dao gặt, 4 bi gốm và gửi tặng Bảo tàng Đồng Nai.

Ngay sau đó, vào tháng 3 và tháng 6/1977, hai cuộc khảo sát do Đỗ Bá Nghiệp (Bảo tàng Đồng Nai) cùng Phạm Văn Kinh (Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam), Nguyễn Văn Long (Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh) tiến hành điều tra di tích trải rộng khoảng 100.000-250.000m², nằm ở phía đông nam khu rừng Sác, giáp đoạn cuối rạch Cây Cỏ - một nhánh sông Thị Vải ăn thông ra biển. Đoàn công tác đào hai hố thám sát (2m²/hố) cách bờ hữu ngạn rạch 3m, ghi nhận tầng văn hóa dày khoảng 40-85cm màu đất nâu lẫn than tro đen sẫm nằm trên lớp sét pha cát mịn màu xám ngả vàng nhạt. Đoàn thu được 6 rìu chữ nhật, 35 rìu vai, 2 đục, 1 dao, 3 phác vật và 3 phế vật công cụ, 1 phác vật vòng, 1 dọi se chỉ đá, các bàn mài, một số bi gốm, 14 gốm giống sừng bò và nhiều mảnh gốm thô của đồ đựng và đồ đun nấu hình cầu, nồi tròn, bình có vành chân đế, bát bồng với mật độ 70-80 mảnh/m². Di chỉ Cái Vạn được ghi nhận có tuổi tương đồng với Bến Đò nằm bên bờ sông Đồng Nai (*Nguyễn Văn Long, Đỗ Bá Nghiệp, 1977:79-80; Phạm Văn Kinh, 1977:80-82*).

Cuộc khai quật lần đầu di chỉ Cái Vạn do Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (Nguyễn Mạnh Lợi, Vũ Quốc Hiền, Trịnh Căn) cùng Bảo tàng Đồng Nai (Đỗ Bá Nghiệp) và Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nguyễn Văn Long) tổ chức vào tháng 4/1978 (*Vũ Quốc Hiền, 1991; Vũ Quốc Hiền, Đỗ Bá Nghiệp, Nguyễn Văn Long, 1978:155-177*). Các nhà khảo cổ đã mở hai hố khai quật nằm cách nhau 20m ở phía bắc khu di chỉ "trên một bãi phù sa biển cổ khá bằng phẳng" có tọa độ: 10°42'14" vĩ bắc - 106°58'00" kinh đông, với tổng diện tích 100m².

Trong địa tầng văn hóa đất cát pha ít mùn đen nhạt dày trung bình 50-90cm, các nhà khảo cổ thu được: 1 mảnh khuôn đúc rìu 2 mang bằng sa thạch, 182 đồ đá (85 rìu có vai với 60 vai xuôi, 16 vai ngang, 9 vai nhọn; 3 rìu tam giác, 22 rìu tứ giác với 10 hình thang, 12 gân vuông; 19 đục, 23

PGS.TS. Phạm Đức Mạnh - TS. Nguyễn Hồng Ân

bàn mài, 8 chày nghiền và hòn kê, 24 mảnh vỡ công cụ. Đồ gốm có 1.069 mảnh, 1 bi, 45 gốm sừng bò, 8 chân bát bông lớn. “*Dựa vào tổng thể hiện vật và nhất là mảnh khuôn đúc thu được trong tầng văn hóa*”, các nhà khai quật xếp “*di chỉ Cái Vạn thuộc thời đại Đồng thau và đã bước qua giai đoạn phát triển ban đầu, có niên đại Thiên niên kỷ II BC*” (Vũ Quốc Hiền, Đỗ Bá Nghiệp, Nguyễn Văn Long, 1978:155-165). Từ sau đợt khai quật này, hình ảnh về một di tích cổ xưa được tái hiện sau nhiều ngàn năm bị chôn vùi trong lòng đất ngập nước, đã thu hút thêm hơn 20 lần khảo sát từ năm 1979-1995 của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, với hàng trăm đồ đá thu được, đặc biệt nhất là 1 giáo đá được mài nhẵn khá giống giáo đá ghè dềo ở di tích thành đất đắp hình tròn Bình Phước và chiếc khuôn đúc đồng bằng sa thạch dùng đúc rìu và lưỡi câu chưa từng thấy ở Việt Nam (Phạm Đức Mạnh, 1996).

Vào mùa khô năm 1983-1984, Đỗ Bá Nghiệp, Lưu Văn Du, Lê Phú Vinh (Bảo tàng Đồng Nai) cùng Phạm Quang Sơn, Phạm Đức Mạnh (Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh), Lê Công Tâm và các sinh viên (Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh) đã khảo sát lại di tích và thu thêm 38 rìu bôn có vai, 12 rìu bôn tứ giác với 1 bôn lưỡi xòe hình tam giác, 10 đục, 7 dao gặt, 1 giáo đá mài nhẵn, 2 khuôn sa thạch dùng đúc rìu, rìu - lưỡi câu (Phạm Quang Sơn, Phạm Đức Mạnh và CTV, 1984:120-129). Năm 1990, Lưu Văn Du (Bảo tàng Đồng Nai) và Nguyễn Giang Hải (Viện Khảo cổ học) trở lại Cái Vạn, nhặt thêm 17 rìu bôn có vai nhọn - vai xuôi - vai ngang, 8 rìu tứ giác với 1 chiếc bằng đá silic đen, 1 đục, 1 hòn ghè (Lưu Văn Du, Nguyễn Giang Hải, 1991:19-21).

Tháng 10/1994, Phạm Đức Mạnh (Trung tâm Khảo cổ học), Đỗ Bá Nghiệp, Lưu Văn Du (Bảo tàng Đồng Nai) cùng nhà khảo cổ Đức Dr. A. Reinecke (Viện Khảo cổ học Bonn, Germany) thăm lại Cái Vạn. Họ đã thu được 4 cuốc (1 tứ giác và 3 có vai), 17 rìu bôn có vai (10 vai xuôi, 5 vai ngang và 2 vai nhọn), 8 rìu bôn không vai (6 hình thang và 2 hình tam giác), 5 phế vật rìu bôn, 4 đục (3 có vai và 1 tứ giác), 1 dao hái, 1 nạo bằng mảnh tước, 1 chày, 2 bàn mài lớn, 1 đá hình bầu dục có 2 lỗ khoan, 2 mảnh vòng mặt cắt chữ nhật, 3 khuôn đúc rìu và mũi nhọn. Đồ gốm có 3 bàn xoa, 3 bi gốm (Phạm Đức Mạnh, 1995:26-29).

Vào tháng 5/1996, cuộc khai quật lần thứ hai do GS. Trần Quốc Vượng chủ trì cùng các học trò Lâm Mỹ Dung (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội), Phạm Đức Mạnh (Giám đốc Trung tâm Khảo cổ học) và Lưu Văn Du, Nguyễn Hồng Ân, Trần Minh Trí, Nguyễn Hữu Lộc, Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Nguyễn Vinh Huy,

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Trần Hữu Hạnh (Bảo tàng Đồng Nai) tiến hành đào bốn hố với tổng diện tích 118m² trên bờ và dưới cù lao Cái Vạn.

Ngoài việc khai quật Cái Vạn, đoàn công tác còn tiến hành điều tra bằng đường bộ và đường sông rạch từ Phước Thọ về Phước An, phát hiện thêm nhiều làng cổ khác giống Cái Vạn (Cái Lãng, Rạch Lá, bến Cá Sinh, ngọn Nhà, ngọn Mặt Trời, miếu Bà Tám...).

Trong địa tầng sâu 1,2-1,6m, đoàn thu được 1.809 di vật đá, 867 di vật đất nung (1 dọi se sợi, 70 bi gốm, 28 gốm ghè tròn, 1 khuôn đúc riu, 32 núm - bàn xoa, 736 mảnh chân cà ràng) và 45.953 mảnh đồ dụng, 2 đồ đồng (1 riu và 1 giáo) và vài mảnh xỉ, 1 thuổng sắt, cùng di cốt thú (trâu bò, hươu nai, voi), nhựa cây, vỏ hột cho dầu và đạm thực vật, 92 cọc - ván nhà sàn, 282 vật dụng bằng gỗ sao, gỗ hay cầm xe đồ gốm kiếm, suốt đan lưới, mũi nhọn, cán dao hay kiếm, cùng 2.074 mảnh gỗ có vết gia công. Riêng đồ đá rất phong phú gồm: 38 cuốc (20 không vai và 18 có vai), 296 riu bôn (91 tứ giác, 13 tam giác và 192 có vai), 82 đục (27 tứ giác, 12 có vai, 13 đục mũi nhọn, 30 phác - phế), 4 công cụ lưới tà (1 tứ giác và 3 có vai), 14 chày, 21 công cụ cắt khía kiểu dao - nạo, 459 mảnh lưới, 6 di vật giống bùa đeo hay hình bánh xe, 3 mảnh vòng và 4 lõi vòng, 154 mảnh tước - tách, 486 đá nguyên liệu và phế liệu, 232 bàn mài, 10 phác vật và phế vật khuôn đúc đồng.

Trong đợt khai quật lần hai này, có sự tham gia ngăn ngày của các học giả đến từ Nhật Bản (PGS.TS. Nishimura Masanari, TS. Mariko Yamagata ở Trường Đại học Tokyo) và Nguyễn Giang Hải (Viện Khảo cổ học) trong quá trình sưu tầm tư liệu kỹ thuật đúc đồng Đồng Nai làm luận án Tiến sĩ của ông. Ngoài một mẫu gốm Cái Vạn do PGS.TS. Diệp Đình Hoa đã phân tích quang phổ tại Viện Hóa nghiệm (*Diệp Đình Hoa, 1978:31-42*) và hai mẫu đồng do Phạm Đức Mạnh gửi phân tích tại Viện Địa chất (Viện Khoa học và Công nghệ Quốc gia Việt Nam) bằng phương pháp quang phổ cho kết quả Cu+Pb+Sn (mẫu giáo) và Cu+Sn+Pb (mẫu riu), một cọc nhà sàn và một cán dao gửi Trung tâm Hạt nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh phân tích C14 cho kết quả 3.360 ± 80 và 3.195 ± 70 BP (*Trần Quốc Vượng, Lâm Mỹ Dung, Phạm Đức Mạnh, Lưu Văn Du, Nguyễn Đăng Hiệp Phố, 1996:228-230*).

Từ sau cuộc khai quật năm 1996, di tích Cái Vạn còn có nhiều cuộc khảo sát, phúc tra của các nhà khảo cổ học Việt Nam và nước ngoài khác. Đáng kể nhất là các đợt công tác của Lưu Văn Du, Nguyễn Hồng Ân, Nguyễn Đăng Hiệp Phố (Bảo tàng Đồng Nai) cùng các cán bộ của Viện Khảo cổ học (Hà Văn Phụng, Nguyễn Giang Hải, Lại Văn Tới,

Trịnh Sinh, Trần Quý Thịnh), Trung tâm Khảo cổ học và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Phạm Đức Mạnh) cũng tiến hành nghiên cứu các “*dao đá*” Cái Vạn (Trần Quý Thịnh, 2000:281-282) và tổ chức nhiều cuộc điều tra thám sát di chỉ, nhật thêm 21 tiêu bản, gồm: 25 đồ đá (7 rìu tứ giác hình chữ nhật hay hình thang cân, 7 rìu bôn có vai xuôi và vai ngang, 1 phác vật rìu - cuốc thân ngắn, 2 phế vật rìu - bôn, 1 rìu vai xuôi và 2 phế vật, 1 phác vật đục, 1 công cụ mảnh tước, 2 bàn mài phẳng và mài trong, 1 thanh đá nguyên liệu). Ngoài ra, còn có 1 bôn tứ giác bằng gỗ dừa, 4 chân cà ràng, 2 đế, 1 vôi ấm (Hà Văn Phụng, Nguyễn Giang Hải, Phạm Đức Mạnh, 2003:157-160; Lại Văn Tới, Hà Văn Phụng, 2002:285-287; Lưu Văn Du, Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Trịnh Sinh, Trần Quý Thịnh, 1999:284).

Đặc biệt nhất là công trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về đề tài: “*Văn hoá khảo cổ thời đại kim khí vùng đất ngập mặn ở Đồng Nai*” do ThS. Trần Quang Toại - Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai làm chủ nhiệm, được triển khai thực hiện trong hai năm, nghiệm thu vào tháng 7/2005 và xuất bản vào tháng 9/2006 (175 trang) đã cung ứng nhiều tư liệu quý không chỉ ở di tích Cái Vạn mà cả các di tích cùng chung nội hàm văn hóa kế cận như: Cái Lăng, Rạch Lá, ngọn Nhà, ngọn Mặt Trời, Gò Me... Sau công trình này, luận văn Thạc sĩ chuyên ngành khảo cổ học của học viên cao học Nguyễn Hồng Ân nhan đề: “*Di tích khảo cổ học Cái Vạn (Nhơn Trạch, Đồng Nai)*” (321 trang) bảo vệ thành công tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2009.

Thật đáng tiếc là sau đó cả vùng này khai triển phong trào đào ao nuôi tôm làm thương phẩm nên đa phần di chỉ cư trú trên cọc nhà sàn ở Cái Vạn đã bị xâm phạm. Những tri thức khảo cổ học căn bản ở di tích phát hiện đầu tiên này chủ yếu dựa vào các báo cáo khoa học về hai đợt đào lần I do TS. Vũ Quốc Hiền chủ biên và lần II do PGS.TS. Phạm Đức Mạnh chủ biên. Các báo cáo này cùng các công trình của Bảo tàng Đồng Nai xuất bản năm 2006 và luận văn Thạc sĩ công bố năm 2009, các báo cáo khoa học về khai quật Rạch Lá (Phước An) năm 2002, Cái Lăng (Long Thọ) năm 2003, Gò Me (Vĩnh Thanh) năm 2004 xây dựng bởi Lưu Văn Du, Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Nguyễn Hữu Lộc, Lâm Thị Vân Thoa, Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Lê Thị Tuyết (Bảo tàng Đồng Nai) cùng các nhà khảo cổ học (TS. Nguyễn Văn Long, TS. Phạm Quang Sơn, TS. Nguyễn Thị Hoài Hương, TS. Nguyễn Quốc Mạnh (Trung tâm Khảo

cổ học), PGS.TS. Nguyễn Giang Hải, GS.TS. Trịnh Sinh, Nguyễn Sơn Ka (Viện Khảo cổ học) chính là các nguồn tư liệu chính để chúng tôi biên soạn chuyên khảo này.

Tư liệu thu được qua các đợt điều tra và khai quật đã chứng tỏ Cái Vạn là một di tích cư trú khá rộng lớn, thuộc loại hình di tích vùng thấp ven biển, khác với các dạng cư trú trên gò đồi cao đất đỏ ở Đồng Nai. Các sưu tập hiện vật đá và gốm ở Cái Vạn mang đặc trưng chung của truyền thống “*văn hóa Đồng Nai*”. Di tích khảo cổ học này có những mối liên hệ rất gần gũi với các di tích vùng đầm lầy khác như: Bưng Bạc, Bưng Thơm (Bà Rịa - Vũng Tàu)... Tổng thể tồn tích vật chất thu nhận từ những di tích này là chứng tích của những hoạt động sống tương hợp một thời ở miền rừng ngập mặn ven hệ thống sông Thị Vải và các đầm lầy cận biển. Đó là diện mạo của các làng “*chài nông*” hay “*nông chài*” cỡ lớn, hình thành tiểu vùng kinh tế - dân cư này từ hơn 3.000 năm trước.

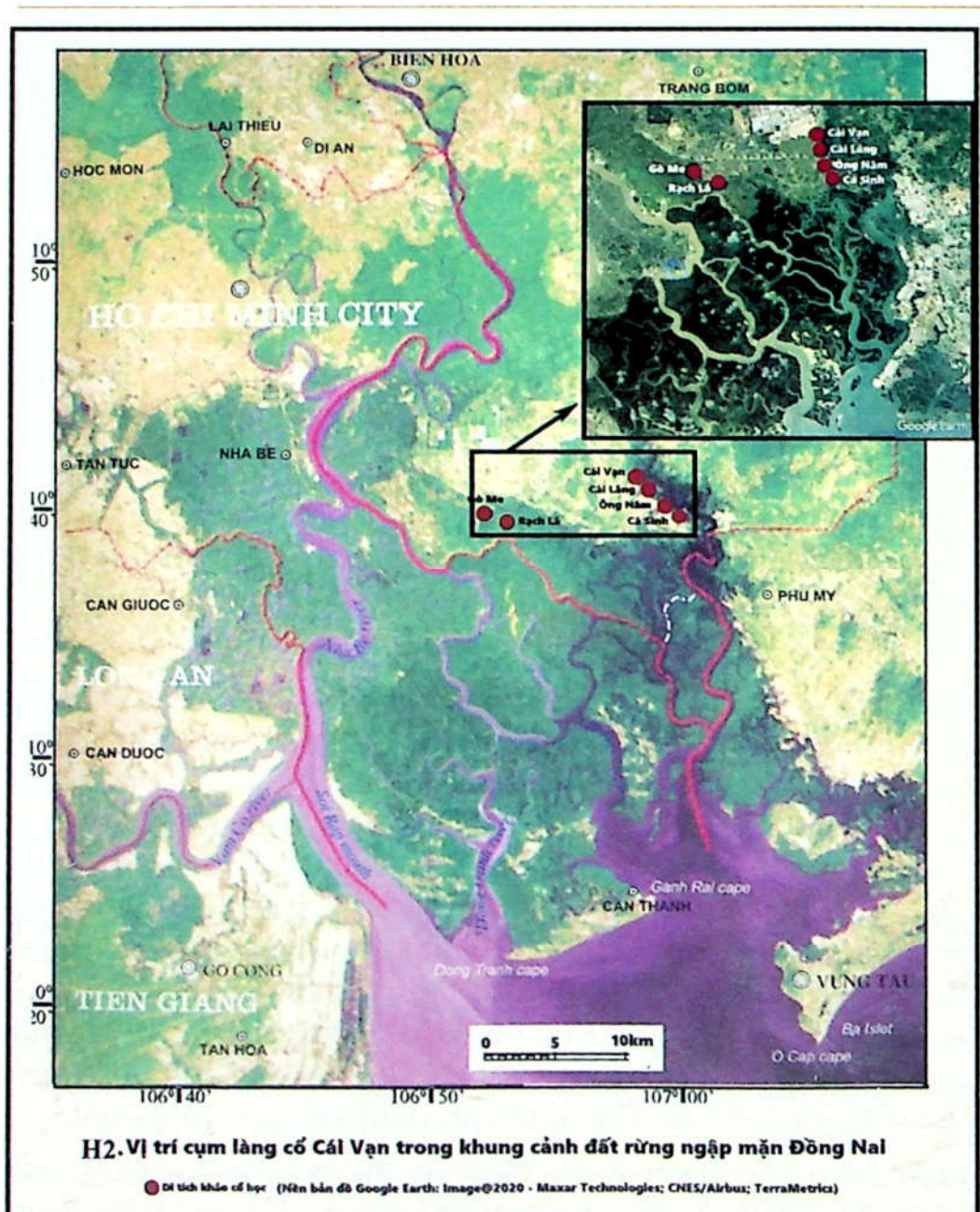
Trong tình hình hiểu biết hiện nay, Cái Vạn chính là một trong bảy di tích được biết đến sớm nhất không chỉ ở Nam Bộ mà còn trên toàn cõi Việt Nam. Đây cũng là địa điểm đầu tiên ở vùng đất rừng ngập mặn Nhơn Trạch và Nam Bộ được khai quật đầu tiên và được công bố sớm nhất kể từ sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất (30/4/1975).

Tiện đây cũng nói thêm về xu thế “đặt tên” di sản tiêu biểu cho một nền văn hóa khảo cổ học ở vùng rừng ngập mặn và cả miền Đông Nam Bộ nói chung. Trước năm 1975, H.Fontaine đã đề nghị đặt tên chung cho các di tích Tiền sử vùng Biên Hòa là “*Văn hóa Phước Tân*” do ông phát hiện và hơn 30 lần khảo sát từ cuối thập kỷ 1960.

Nhưng di tích Phước Tân ở Biên Hòa không tiêu biểu vì phát hiện sau, lại chưa từng được khai quật, có lẽ chỉ vì do chính tác giả là người phát hiện thôi. Theo GS. Hà Văn Tấn (1977), nếu cần đặt tên thì di tích Cù Lao Rùa nằm giữa sông Đồng Nai xứng đáng hơn vì phát hiện và khai quật, công bố khoa học đầu tiên ở vùng này từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Những khiếm khuyết kiểu này vẫn còn về sau ở chính vùng rừng Sác ngập mặn, ví như, nhà khảo cổ Phạm Văn Kinh chính là người cùng ông Đỗ Bá Nghiệp tái phát hiện Cái Vạn và tìm ra di tích nhà sàn Cái Lãng ngay Long Thọ nhưng ông lại đề xuất các văn hóa “*văn hóa Bến Dò*” ven sông Đồng Nai do mình khai quật hoặc cả “*văn hóa Rạch Núi*” có nhiều sông rạch ở Cần Giuộc (Phạm Văn Kinh, 1978:41-45).

Quan điểm này về sau được TS. Ngô Thế Phong (2002:355-357) ủng hộ khi ông đề xuất “*văn hóa Rạch Núi*” bao gồm các di tích cư trú phân

bố trên những gò đất cao gần cửa sông vịnh biển và những đầm lầy ngập mặn chịu ảnh hưởng của thủy triều, với môi trường cư trú quy định phương thức sống chủ yếu dựa vào kinh tế khai thác nguồn thủy sản dọc các rạch nước, sông nhỏ và cả nguồn lợi biển. Thậm chí có người mãi đến đầu thập kỷ 2000 mới đến khai quật Cái Lãng do Phạm Văn Kinh phát hiện từ năm 1977 đã muốn công bố ngay: “*Có một nền văn hóa Cái Lãng*” (Trịnh Sinh, 2002) dù chỉ đào 152m² thấy trong tầng văn hóa mỏng 20-40cm có 3 rìu vai, 4 phác vật, 6 chày, 22 hòn ghè, 21 bàn mài, 9



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

khuôn đúc, 4 hạt chuỗi, 1 vòng tai, 13 công cụ gỗ, 1 dọi chỉ, 7 bi gốm, 2 đồ đựng... Trong khi đó, di tích Cái Vạn bên cạnh phát hiện trước cả thế kỷ, lại đã qua hai lần khai quật với tổng số 218m² phát giác trầm tích văn hóa sâu tới 120-160cm chứa tới 2.032 đồ đá các loại cùng hơn 50.000 di sản khác, có cả đồ đồng, sắt, gốm và đất nung, với hơn 3.300 đồ gỗ và thực vật, có cả răng voi và di cốt thú rừng, vỏ cua hóa thạch.

Rõ ràng chỉ di tích Cái Vạn mới có đủ tư cách là một di tích “**gốc tên**” (**site éponyme**) cho cả nền văn hóa Tiền sử vùng đất ngập mặn Đồng Nai và Nam Bộ ở thời kỳ tiền nhà nước (Pre-state period).

Di tích Cái Vạn (Nhơn Trạch, Đồng Nai) thuộc địa phận ấp 3, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Nhìn trên bản đồ Việt Nam, địa điểm Cái Vạn có tọa độ địa lý 10°42'14" vĩ tuyến Bắc, 106°58'00" kinh độ Đông (*bản đồ*).

Địa điểm này cách thành phố Biên Hòa khoảng 40km về phía bắc - tây bắc, cách thị trấn Long Thành khoảng 8km về phía nam, cách UBND huyện Nhơn Trạch khoảng 5km về phía đông, cách UBND xã Long Thọ khoảng 2km về phía đông bắc và cách hạ lưu sông Đồng Nai nơi gần nhất khoảng 20km theo đường chim bay (**H2**).

Di tích nằm trên một bãi phù sa biển cổ khá bằng phẳng của một vịnh biển cổ, ven theo con rạch Cái Vạn và rạch Ông Hỷ - chi nhánh sông Thị Vải chảy ra vịnh Gành Rái, bên rìa phía bắc của khu rừng ngập mặn, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thủy triều (**H3-1-2**).



H3-1. Di tích khảo cổ học tiền sử Cái Vạn qua không ảnh
(2006 Europa Technologies Image @ 2006 DigitalGlobe-Google)



H3-2. Cái Vạn và các làng cổ nhà sàn tiền sử ở Long Thọ (Nhơn Trạch - Đồng Nai)

Di tích chia thành hai khu vực cao thấp khác nhau.

Khu vực cao nằm trong khu vườn cây ăn trái, là dải đất phù sa pha cát bằng phẳng, bên rìa vùng ngập mặn do thủy triều biển lên xuống hằng ngày. Thế đất ở đây chỉ cao hơn vùng ngập nước khoảng 1m, nhưng ít khi bị thủy triều tràn ngập. Trên khu vực này có nhiều cây nước ngọt chịu được độ chua mặn như dừa, me và nhiều cây tạp khác thuộc hệ sinh thái nước ngọt và những loại cây chịu được trên vùng nước lợ. Dấu vết của gổm cổ, công cụ đá phát hiện được trên khu vực có chiều dài bắc nam khoảng 150m; chiều rộng đông tây khoảng trên 50m.

Khu vực thấp trải dài về phía đông, bị ngập mặn khi nước thủy triều xuống. Khu vực này bị dòng chảy của các con rạch và thủy triều bào mòn phá hủy. Bởi vậy, dưới lòng rạch, ven bờ rừng Sác có thể nhặt được nhiều công cụ đá (rìu, bàn mài...) và gổm cổ. Phạm vi khu vực này khá rộng, có chiều bắc nam khoảng trên 150m; chiều rộng đông tây trên 150m. Sinh thái của khu vực này bao gồm các loại cây sinh trưởng ở vùng ngập mặn như bần, đước, sú, vẹt... Giữa khu di tích rộng lớn có một con rạch cắt chảy từ tây sang đông, thông ra rạch Ông Hỷ, con rạch chỉ dài chừng 200m. Đầu phía tây của rạch cắt có một mạch nước ngọt lớn trồi lên dưới lòng rạch, những khi nước triều xuống, mạch nước chảy ra như một con suối nhỏ. Có lẽ chính vì mạch nước ngọt này mà nhóm cư dân cổ tập trung tại đây khá đông đúc, trải rộng trên một diện tích khoảng 25.000-100.000m². Tầng văn hóa qua hai đợt khai quật dày dao động từ 0,50-1,60m (*Phạm Đức Mạnh, 1996; Trần Quang Toại, 2006; Nguyễn Hồng Ân, 2009*).

1.1. Khai quật lần thứ nhất (năm 1978)

- Bình diện

Cuộc khai quật được tiến hành vào đầu tháng 4/1978, do Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (chủ trì), Trung tâm Khảo cổ học thuộc Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bảo tàng Đồng Nai thực hiện. Cuộc khai quật này gồm hai hố đào, với tổng diện tích khai quật là 100m². Các hố khai quật nằm ở phía bắc của khu di tích, trên phần đất cao của vườn cây ăn trái, phía sau miếu Cái Vạn, cách miếu về phía tây khoảng 30m, cách hố thám sát năm 1977 khoảng 40m; nằm phía bờ phải của con rạch cắt, cách bờ rạch khoảng 40m. Hố 1 có diện tích 84m² (14 x 6m); hố 2 có diện tích 16m² (4 x 4m). Hai hố cách nhau khoảng 20m (*Vũ Quốc Hiền, 1978, 1991; Vũ Quốc Hiền, Đỗ Bá Nghiệp, Nguyễn Văn Long, 1978*).

- Trắc diện

Dưới lớp đất trồng trọt cát pha có nhiều mùn, xốp, màu đen, lẫn nhiều rễ cây, dày khoảng 0,15-0,25m là tầng văn hóa. Đây cũng là tầng đất cát pha, nhưng lẫn ít mùn hơn so với lớp đất canh tác, vì vậy có màu đen nhạt hơn. Tầng văn hóa hố 1 có độ dày trung bình từ 0,50-0,60m. Gốm vỡ nằm rải rác nhưng tập trung hơn ở góc đông nam, hiện vật đá thường tập trung ở lớp trên. Hố 2 tầng văn hóa dày hơn hố 1, khoảng từ 0,50-0,90m. Sát tầng đất canh tác có lớp gốm mỏng. Gần đất cái có lớp than tro dày khoảng 0,25m, sinh thổ là loại đất sét màu trắng pha nâu, không chứa hiện vật khảo cổ. Nhìn chung, tầng văn hóa không phức tạp. Tuy độ dày của tầng văn hóa ở hai hố khác nhau nhưng không có sự khác nhau về mặt địa tầng, cũng như diễn biến văn hóa. Sự diễn biến theo trình tự từ trên xuống dưới gồm:

- + Lớp mặt là lớp cát nhuyển có nhiều mùn rác, rễ cây, mà nhiều nhất là rễ cây dừa nước gần như ken dày khắp bề mặt. Lớp đất này có màu đen sẫm, dày từ 0,15-0,25m.

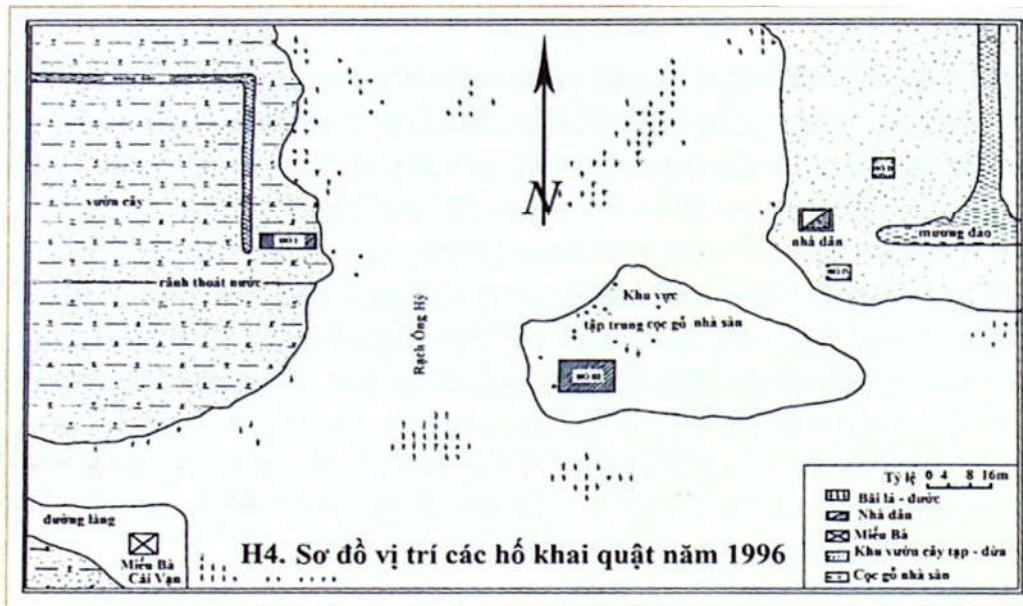
- + Tiếp đến là lớp đất cát pha, màu nâu xám, ít rễ cây. Đây là lớp đất văn hoá có chứa nhiều công cụ bằng đá và mảnh gốm.

- + Dưới cùng là lớp đất sét pha cát mịn màu nâu xám hoặc trắng pha nâu có độ dẻo hơn lớp trên. Đây là tầng đất sinh thổ trong di tích, xuất hiện ở độ sâu khoảng 0,65m, không có di vật văn hoá.

Nhìn chung, lớp đất văn hoá trong hố khai quật khá đơn giản và thuần nhất, có độ dày từ 0,50-0,90m (*Vũ Quốc Hiền, 1978, 1991; Vũ Quốc Hiền, Đỗ Bá Nghiệp, Nguyễn Văn Long, 1978*).

1.2. Khai quật lần thứ hai (năm 1996)

Cuộc khai quật được tiến hành vào đầu tháng 5 đến cuối tháng 6/1996. Trưởng đoàn khai quật là GS. Trần Quốc Vượng, các phó trưởng đoàn là ông Lưu Văn Du (Phó Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai) và TS. Phạm Đức Mạnh (Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ học). Tham gia cuộc khai quật gồm có: TS. Nguyễn Văn Long (Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ học thuộc Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh), TS. Lâm Mỹ Dung (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội) và Nguyễn Hồng Ân, Trần Minh Trí, Nguyễn Hữu Lộc, Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Nguyễn Vĩnh Huy, Trần Hữu Hạnh (Bảo tàng Đồng Nai). Trong quá trình khai quật, các ông Huỳnh Tới (Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Đồng Nai), Đỗ Bá Nghiệp (Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai) thường xuyên đến thị sát hiện trường. Ông Nguyễn



Giang Hải (Viện Khảo cổ học) cùng các nhà khảo cổ học Nishimura Masanari và Mariko Yamagata (University of Tokyo - Japan) cũng đến thăm các hố đào Cái Vặn (H4). Ngoài việc điều tra bằng đường bộ và đường thủy sông rạch từ Phước Thọ và Phước An khám phá thêm hàng loạt làng cổ nhà sàn kiểu Cái Vặn như: Cái Lãng, Rạch Lá, bến Cá Sinh, miếu Bà Tám, Gò Ông Năm, ngọn Nhà, ngọn Mặt Trời..., công việc lớn nhất của đoàn trong mùa khai quật của GS. Trần Quốc Vượng ở Nam Bộ nói chung chính lại là khai quật Cái Vặn (Đồng Nai).

Thoạt đầu chúng tôi dự tính thực hiện theo giấy phép của Bộ Văn hóa - Thông tin cho phép khai quật 600m² để mở nhiều điểm hố đào Cái Vặn để tìm hiểu thực chất dân cư trú của tiền nhân nơi rừng Sác ngập mặn phức tạp và vô cùng phong phú này. Đương nhiên, do hạn chế của thời tiết đã chuyển sang mùa mưa ở Đồng Nai và do các điểm đào ban đầu tích tụ quá nhiều hiện vật trong địa hình cát pha bị thủy triều thường xuyên lên xuống, chúng tôi quyết định mở bốn hố quy mô vừa và nhỏ sát bờ đông sông Thị Vải, trên bờ viên của rạch Ông Hỷ và rạch Cái Vặn và trên cù lao hiện nổi cao giữa rạch Cây Khô.

Cuộc khai quật tiến hành trong khu vực thấp, nằm về phía đông nam của khu di tích, trong khu rừng ngập mặn chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy triều lên xuống hàng ngày. Quần thể thực vật ở đây bao gồm các loại cây chịu mặn như đước, sú, vẹt, dừa nước...

Khi thủy triều lên cao, khu vực này gần như bị ngập nước hoàn toàn, do vậy các hố khai quật không thể tập trung thành những hố lớn, mà

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

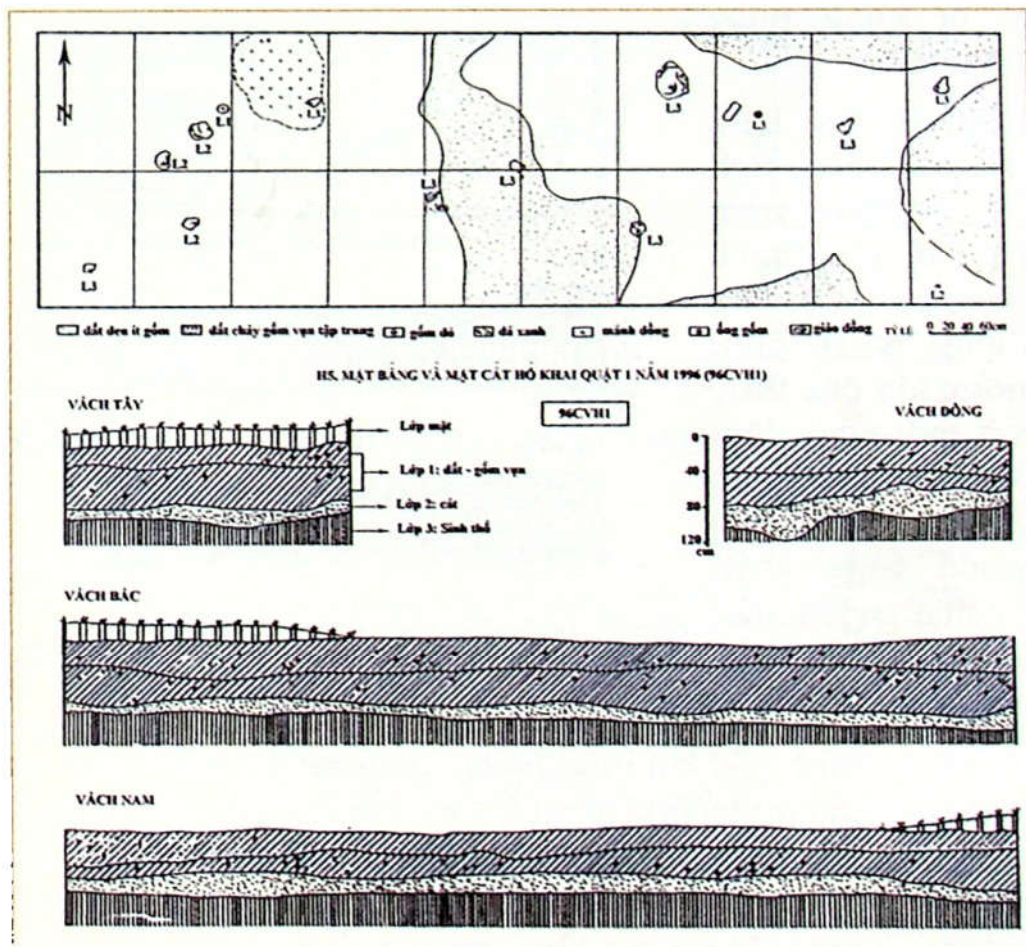
phải chia thành 4 hố với qui mô vừa và nhỏ, trên bờ viền của rạch Ông Hỷ, rạch Cái Vạn và trên cù lao hiện nổi giữa rạch Cây Khô, là những khu vực tương đối cao, ít chịu ảnh hưởng của thủy triều hàng ngày. Tổng diện tích khai quật là 118m², gồm bốn hố (H4) (Phạm Đức Mạnh, 1996).

- Bình diện

Tổng số diện tích khai quật ở Cái Vạn là 118m², trong đó:

+ Hố 1 (ký hiệu 96CVH1) có diện tích 30m² (3x10m), nằm ven bờ rạch Ông Hỷ hiện tại, theo hướng Đông Tây, trong khu vườn trồng cây ăn trái và hoa màu, phần giáp rạch có nhiều dừa nước, chà là, bần và đước. Hố khai quật cách miếu Cái Vạn khoảng 56m về phía nam và ngăn cách miếu bằng một con rạch nhỏ. Ngoài ra, trên khu đất mở hố khai quật này còn có nhiều mương và rãnh thoát nước sâu khoảng 0,5-1,2m (do chủ vườn đào).

Ở hố 1, vách tây nằm sâu trong vườn cây, gần như song song với bờ mương đào, vách phía đông nằm sát mép rạch. Các điểm góc hố được ký

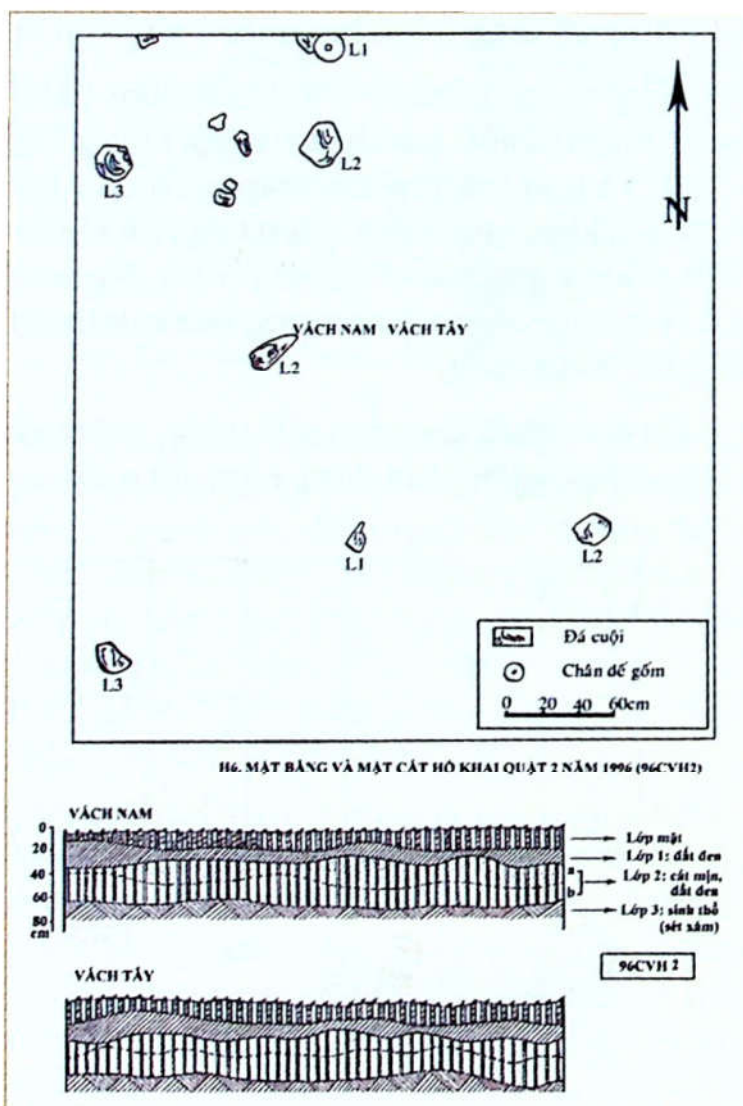


hiệu theo mẫu tự A, B, C, D; trong đó: A - góc tây bắc, B - góc đông bắc, C - góc đông nam và D - góc tây nam. Từ tây sang đông, hố được chia thành 5 ô với ký hiệu: A, B, C, D, E; quy mô mỗi ô là $6m^2$ ($2 \times 3m$). Căn cứ vào những mương, rãnh này ước đoán di chỉ khảo cổ học nằm trải ở đây khoảng $8.000m^2$ (80×100) (H5).

+ Hố 2 (ký hiệu 96CVH2) có diện tích $16m^2$ ($4 \times 4m$), nằm trên cù lao, đối diện với hố 1 qua rạch Ông Hỷ, cách hố 1 khoảng 100m về phía đông, ở đây cũng có 1 mương đào khá rộng ($4-6m$) sâu $0,8-1,7m$ và 1 nhà dân ở gần chính giữa. Trong những ngày thủy triều lên cao, khu cù lao bị ngập nước hoàn toàn (H6).

+ Hố 3 (ký hiệu 96CVH3) có diện tích $60m^2$ ($6 \times 10m$), nằm giữa cù lao, giữa rạch Ông Hỷ và rạch Cái Vạn và thường nhật chịu ảnh hưởng lớn của thủy triều, với mỗi ngày đêm (24 giờ) có hai con nước lớn và hai con nước ròng (khi nước ròng thấp nhất, bề mặt cù lao hiện tại nơi khai đào hố 3 nước hoàn toàn cạn kiệt, các doi đất được nối liền; nhưng khi nước lớn nhất, cù lao bị ngập nước sâu từ $1-1,2m$).

Mục đích chính yếu khi mở hố khai quật tại địa điểm này (cho dù chỉ có $1/2$ ngày cạn nước) là vì phần lớn diện tích của cù lao này còn bảo tồn khá nguyên vẹn địa tầng dày đặc gồm và di tích cọc nhà sàn (do thủy triều bào mòn, trên bề mặt xuất lộ rất nhiều gốm cổ và cọc gỗ cắm sâu vào lòng đất). Trong khi các nơi khác, bề mặt di tích thường bị xáo trộn,

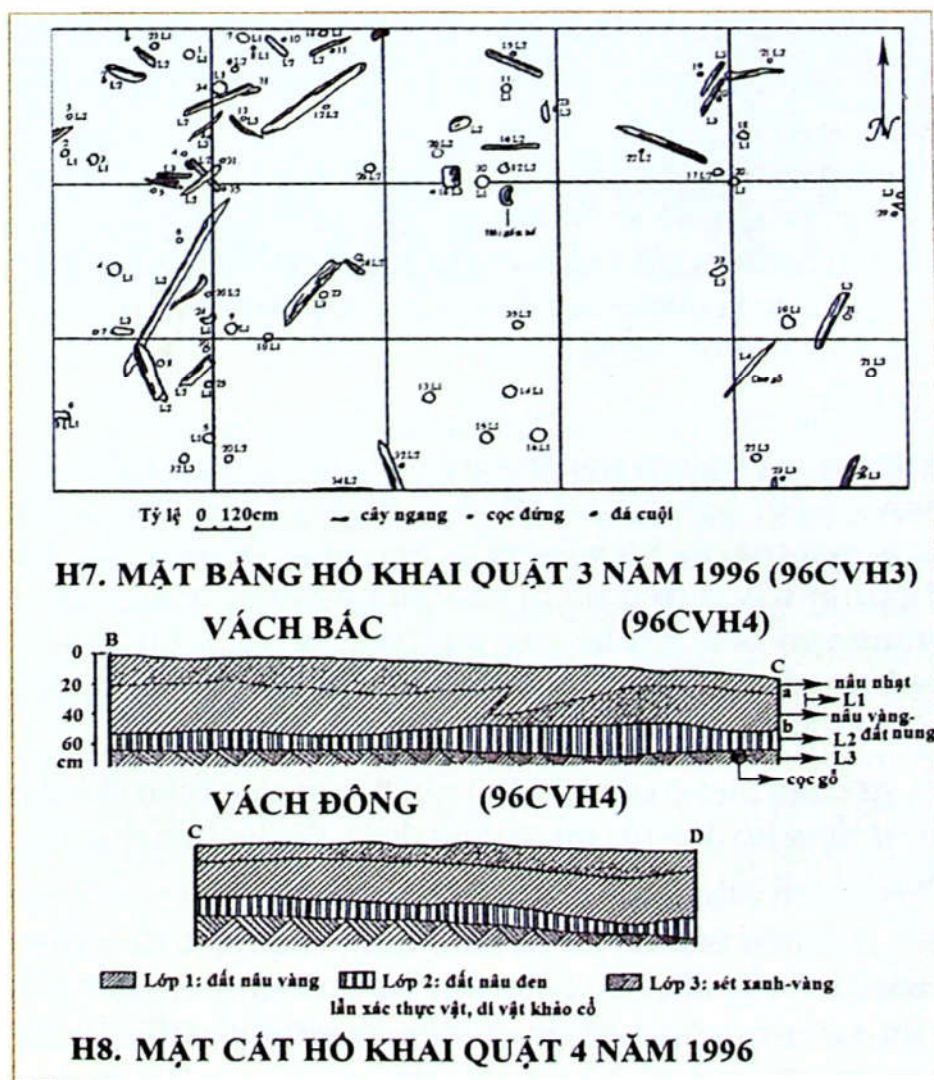


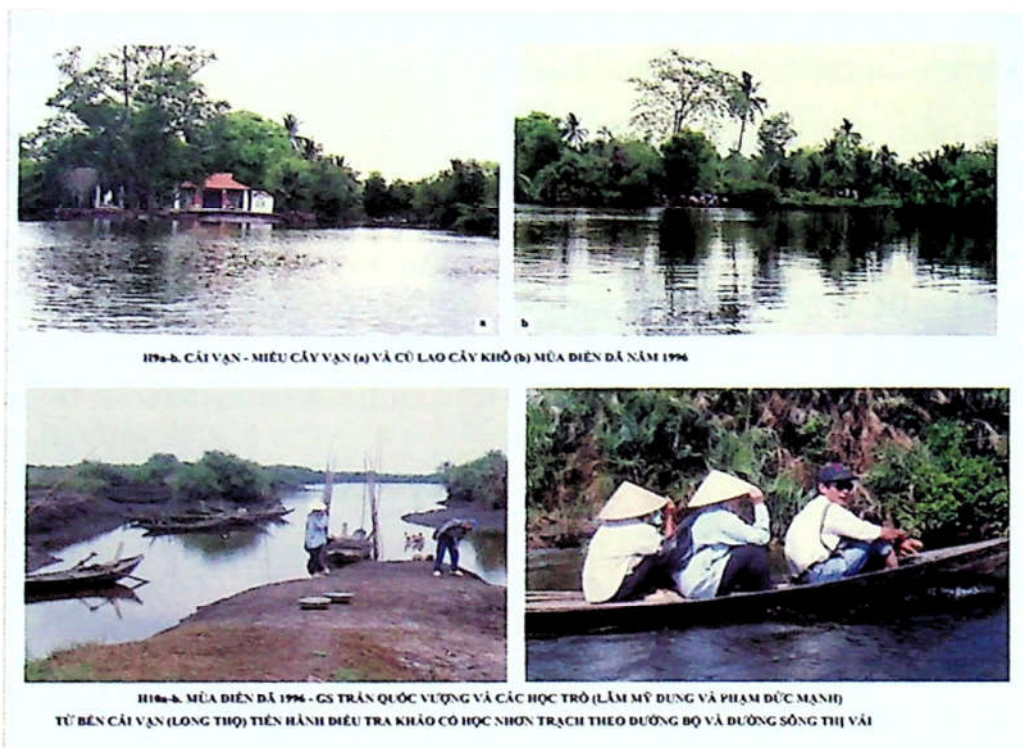
VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

các di tích cọc gỗ bị nhỏ gần hết, thậm chí bề mặt phần diện tích mở hố 2 và hố 4 còn bị người dân đào mất vài lớp đất để đắp bờ ao nuôi tôm.

Hố 3 nằm cùng hướng Đông Tây như hố 1, cách hố 1 khoảng 50m về phía đông nam, chiều dài đông tây là 10m, chiều rộng bắc nam là 6m. Các điểm góc hố được ký hiệu theo mẫu tự A, B, C, D; trong đó A - góc tây bắc, B - góc đông bắc, C - góc đông nam và D - góc tây nam ($AB = CD = 10m$, $AD = BC = 6m$). Từ tây sang đông, các ô được ký hiệu: A, B, C, D, E; từ nam đến bắc các ô vuông được ký hiệu: 1, 2, 3; mỗi ô vuông nhỏ có diện tích $4m^2$ (2×2). Quy mô đào trải dấu tích văn hóa cổ trên bề mặt cù lao khoảng $1.000m^2$ ($20 \times 50m$) (H7).

+ Hố 4 (ký hiệu 96CVH4) có diện tích $12m^2$ ($3 \times 4m$), nằm trên cù lao nơi khai quật hố 2, cách hố 2 khoảng 18m về phía tây nam và cách hố 1 khoảng 92m về phía đông. Ở hố 2 và hố 4 do bị bào mất vài lớp đất trên





cùng và di vật ít, nên đoàn khai quật chỉ ghi nhận các ký hiệu: A, B, C, D tương ứng với các góc đã ký hiệu ở hố 1 và hố 3. Ngoài ra, một số di vật đá quan trọng thu được gần nhà ông Hai Bé ở cù lao này, do ở sát bề mặt của hố 4 nên được xếp vào các hiện vật ở lớp mặt của hố 4 để khảo tả (H8) (Phạm Đức Mạnh, 1996).

- Trắc diện

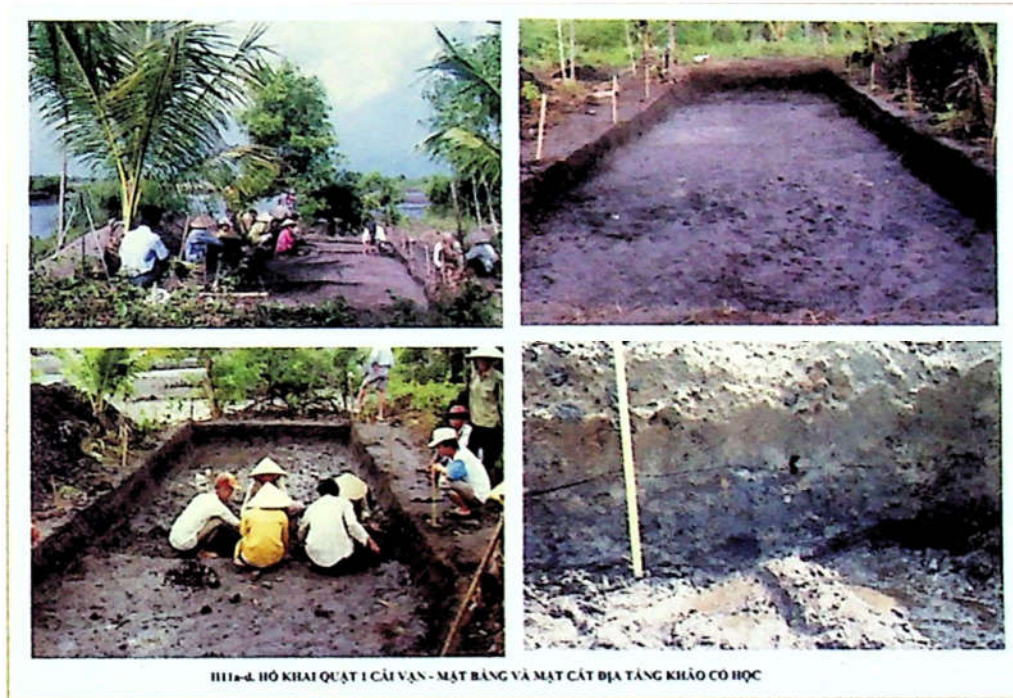
Tầng văn hoá khảo cổ học trong bốn hố khai quật ở Cái Vặn khá rõ ràng và đơn giản về màu sắc và kết cấu, nhưng lại rất khác nhau ở từng điểm đào. Ngoại trừ các hố nằm xa di tích nhất về phía bắc (hố 2 và hố 4), như đã trình bày ở trên đã bị bào phá nghiêm trọng toàn bộ phần trên của tầng văn hóa, hai hố còn lại (hố 1 và hố 3) được bảo tồn khá nguyên vẹn lát cắt địa tầng và có thể xem đây là cột địa tầng tiêu biểu của di chỉ Cái Vặn trong mùa điền dã này.

Do có sự khác biệt ở các hố khai quật, nên trắc diện được trình bày theo trình tự từng hố đào từ trên xuống dưới, để dễ theo dõi trên toàn bộ hiện trường khai quật.

+ Hố 1 (ký hiệu 96CVH1): Cột địa tầng của hố 1 từ trên cùng, khi bắt đầu xuất lộ di vật văn hóa cổ xuống bề mặt sinh thổ dao động trong khoảng 0,80-1,25m và hơi nghiêng từ tây sang đông (H5). Từ trên xuống có thể quan sát mặt cắt địa tầng như sau:

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

+ Lớp mặt (ký hiệu 96CVH1LM) chỉ xuất lộ non nửa hố khai quật phía tây (phần đầu phía đông đã bị thủy triều bào mòn), trong khoảng 3,0 x 4,0-4,5m, dày từ 0,15-0,25m, đất màu nâu, hơi ngả màu đỏ sẫm, kết cấu bờ rời và dễ đào tuy mịn xốp, sỏi sạn gần như không có và thành phần cát cũng không đáng kể.



Đây là lớp đất trồng hoa màu có lẫn nhiều rễ cây cỏ và tạp chất khác. Trong lớp đất này, hiện vật Tiền sử chỉ ghi nhận một số mảnh gốm vỡ và đá dùng làm nguyên liệu ở bề mặt; ở phần sâu hơn, nhất là nơi tiếp giáp với tầng văn hóa khảo cổ học thực thụ, tìm được gốm với mật độ dày hơn, các bàn mài bề nhỏ tập trung ở góc hố phía tây bắc và một số công cụ đá hoàn chỉnh cùng mảnh vỡ của chúng (có thể do bị đào bởi từ lớp dưới lên).

+ Lớp 1 (ký hiệu 96CVH1L1) dày từ 0,20-0,32m, có màu đen ngả sang màu nâu đỏ, nhìn chung trên toàn mặt hố có kết cấu bờ rời, mịn và dễ đào. Ở một vài nơi, từ lớp này, xuất lộ những khoảnh đất pha sét và cát nóng chảy ở nhiệt độ cao, với gốm ken rất dày, cùng không ít tảng cục kết chặt mảnh gốm và đá lại với nhau. Những khoảnh đất cháy này tập trung ở chính giữa và phía đông - đông bắc của hố khai quật. Tuy nhiên, ngoại trừ đá và gốm vụn kết trong lớp đất cháy, trong lớp này gần như không có sỏi sạn. Hiện vật bằng đá gồm bốn tứ giác và có vai, mảnh

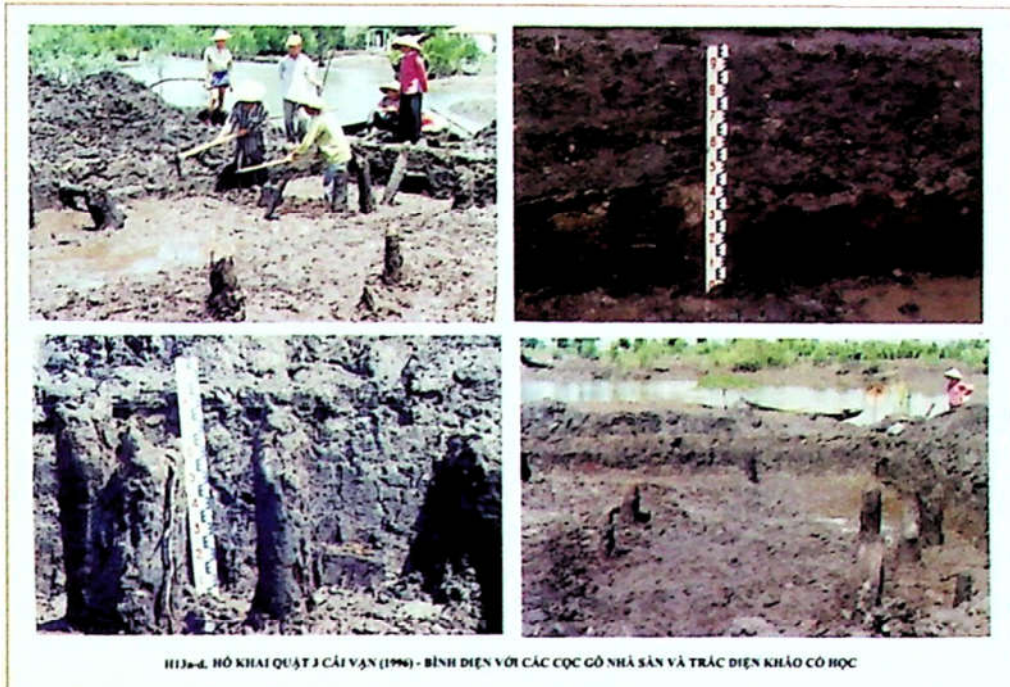
công cụ và bàn mài, chúng tập trung ở các ô: A, C, D, 2 mảnh sa thạch có thể là mảnh khuôn đúc đồng được tìm thấy ở các ô: A, E. Gốm vỡ tập trung dày đặc nhất ở hai đầu hố phía đông và tây, trong đó gốm xốp có tỷ lệ cao. Mảnh cà ràng dồn tụ ở các ô thuộc nửa phía đông của hố tại các độ sâu của lớp này.



+ Lớp 2 (ký hiệu 96CVH1L2) dày từ 0,40-0,50m, là đất sét đen ngà màu nâu sẫm, có nhiều chỗ còn lẫn đất cục màu vàng, xác thực vật phân hủy hoàn toàn hoặc bán phân hủy màu xám nhạt. Kết cấu của đất nhìn chung dẻo và hơi dính, dù có không ít hiện vật khảo cổ học trong lớp này, nhất là gốm vụn. Gốm tập trung với số lượng lớn ở các ô: B, C, E cùng với một số viên bị gốm, mảnh gốm ghè hay mài tròn. Ngoài ra, còn phát hiện được một số mảnh gốm bôi và vẽ màu ở hai đầu hố khai quật, cùng các di vật quan trọng khác như: 2 mảnh khuôn đúc rìu bằng sa thạch, rìu bốn tứ giác và có vai (nguyên hoặc mẻ lưỡi). Ngoài ra còn phát hiện được 1 rìu đồng gắn chặt trong khối đất nung, có thể là 1 khuôn đúc làm bằng đất sét chịu lửa, nằm ở góc đông nam, gần sát vách nam của hố khai quật.

+ Lớp 3 (ký hiệu 96CVH1L3) dày từ 0,15-0,40m, đất đen lẫn sét nâu sẫm và đất bột màu nâu vàng, cùng xác thực vật bị phân hủy hoặc bán phân hủy.

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)



Gốm và mảnh cà ràng bám đất sét dẻo dính hay trong các khoảnh đất cháy xuất lộ từ lớp trên thường bị vỡ vụn và ken khá dày ở các khu vực thuộc đầu hố khai quật phía đông và phần giữa hố, trong đó có lẫn một số mảnh gốm được tô màu. Trong lớp 3, còn một số phân lớp mỏng là cát thuần màu vàng thẫm lẫn ít sét dẻo ở các đường tiếp xúc khá lồi lõm, lớp cát này dày nhất khoảng từ 0,20-0,36m của lớp văn hóa này. Hiện vật tìm thấy ít hơn so với các lớp trên, nhưng cũng có một số di vật đáng chú ý gồm: 1 giáo đồng bị mẻ chuôi tra cán và gãy mất mũi nhọn (ô B); các tích tụ đá ghi nhận ở các ô: B, C, D có 1 mảnh khuôn đúc đồng bằng sa thạch, cùng không ít hạt cây kơnia còn nguyên hay đã bị tách đôi để lấy nhân (khoảng 50gr).

+ Lớp sinh thổ là lớp sét kết dính cùng xác thực vật các loại, nhưng nhìn chung là khá thuần nhất về thành phần và kết cấu, hoàn toàn không còn hiện vật khảo cổ học. Trong sinh thổ có 5 lỗ tròn, bên trong lỗ chứa đầy cát màu xám đen hoặc vàng nhạt, các lỗ có đường kính từ 0,12-0,28m. Đây rất có thể là những chân cột nhà sàn mà thân cột đã bị con người hiện nay nhổ mất. Có thể nhận diện ở tầng sinh thổ lớp trên với sét xám đen hoặc xanh lục, kết dính ít xác thực vật bán phân hủy với phân lớp cát mỏng còn chứa gốm vụn ở rìa tiếp xúc; ở lớp dưới là sét nâu vàng ngả màu xám nhạt, lẫn nhiều xác thực vật bán phân hủy hơn nên ngả màu đen nâu loang lổ và giảm bớt độ kết dính so với phần trên. Các lỗ cột cắm thẳng hoặc hơi xiên xuống tầng này với độ sâu từ 1,2-1,25m.

+ Hố 2 (ký hiệu 96CVH2) do lớp đất mặt đã bị đào mất một lớp khoảng 0,20m để đắp bờ ao nuôi tôm nên tầng văn hoá khảo cổ đã xuất lộ ngay từ bề mặt, khá bằng phẳng, có độ dày từ 0,60-0,65m (H6). Từ trên xuống có thể theo dõi các lớp như sau:

+ Lớp mặt (ký hiệu 96CVH2LM) dày từ 0,10-0,20m, lẫn nhiều rễ thực vật ngập mặn và cỏ, đất có kết cấu rời rạc, dễ đào do pha cát và xác thực vật, có màu nâu vàng hoặc xám nhạt. Tại góc tây nam của hố đào phát hiện được 3 mảnh răng voi; ở vách phía nam phát hiện công cụ bằng đá gồm có rìu có vai và tứ giác, cùng mảnh công cụ và bàn mài. Gốm không nhiều, gốm xốp rất ít, trong đó có một số mảnh gốm tô màu.

+ Lớp 1 (ký hiệu 96CVH2L1) dày từ 0,10-0,25m, đất đen hoặc nâu sẫm, pha nhiều cát hạt lớn, kết cấu rời rạc, dễ đào. Gốm tìm thấy nhiều hơn lớp trên, trong đó những tiêu bản có bôi màu ghi nhận ở gần chính giữa hố đào, giữa đồng đá nguyên liệu hay phế liệu. Ngoài ra, một số rìu bôn và đục tứ giác hay có vai thu nhọn ở góc hố đông nam, vài tiêu bản bằng gỗ có vết cưa, đục phát hiện dọc vách phía nam.

+ Lớp 2 (ký hiệu 96CVH2L2) dày từ 0,07-0,30m, đất pha sét và cát mịn, cùng xác thực vật nhỏ và than tro, kết cấu dẻo và hơi dính, màu nâu hoặc đen sẫm. Gốm giảm mật độ so với lớp trên, với một số tiêu bản vẽ màu ở góc hố đông bắc. Hiện vật đá gồm các mảnh công cụ, đá vỡ và bàn mài tập trung ở góc hố tây bắc. Ở góc hố tây nam tìm thấy vài mảnh gỗ nhỏ có vết gia công cùng 2 cục nhựa thực vật màu nâu thẫm (có khả năng là dầu chai).

+ Lớp sinh thổ là lớp đất sét có màu nâu xám hoặc vàng nhạt, phần trên lẫn nhiều rễ cây lớn màu nâu, phần dưới lẫn ít khoảng đất màu nâu đỏ. Hiện vật hoàn toàn hết hẳn (kể cả gốm và đá vỡ).

+ Hố 3 (ký hiệu 96CVH3) tầng văn hoá khảo cổ học có thể tính từ bề mặt cù lao do vết tích xuất lộ dày các di vật văn hóa cổ như gốm, hiện vật đá, mặt đất dốc dần từ bắc về nam. Tầng văn hoá dày từ 1,20-1,60m. Đáng chú ý nhất trong địa tầng là các di tích gỗ, đặc biệt là cột và dấu vết sàn ván của nhà sàn cổ nằm xuất lộ ngay từ bề mặt. Từ trên xuống, có thể quan sát diễn biến của cột địa tầng như:

+ Lớp mặt (ký hiệu 96CVH3LM) dày từ 0,15-0,40m, đất sét lầy có kết cấu hơi dẻo nhưng dễ đào, lẫn nhiều rễ thực vật. Lượng cát xám trắng ít, đất có màu nâu hay vàng sẫm. Gốm rải khá nhiều trên nửa phần phía đông của hố. Tại khu vực giữa hố tìm thấy 3 rìu có vai nằm xung quanh 1 bàn mài khá lớn; ở giữa ô A1 tìm thấy 2 mảnh sa thạch có khả năng là khuôn đúc đồng.

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

+ Lớp 1 (ký hiệu 96CVH3L1) dày từ 0,25-0,35m, đất có màu đen hoặc nâu vàng, lẫn nhiều rễ thực vật, đặc biệt ở khoảng giữa hố khai quật (các ô: C1-2, D1-2), ngoài ra, còn nhiều khoảng nhỏ tích tụ khá nhiều than tro (các ô: B1, C2, E2-3). Hiện vật đá gồm nguyên liệu, phế liệu, bàn mài, mảnh tước thu thập khá nhiều (các ô: D2-3, A1, B1). Gốm tích tụ ở khu vực gần giữa hố đào (các ô: D2-3, C1, C3, B2-3), với một số mảnh cà ràng (ô D2), gốm màu (các ô: A1-2, B2-3, C2-3, D1, D3, E1) và bi gốm (ô D1). Một số cọc gỗ nhà sàn và ván lát sàn đã xuất lộ từ lớp này (các ô: A1-3, B2-3, C1, C3, E2-3), một vài cọc lớn đóng thẳng xuống đất sinh khá chụm thành cụm (các ô: A2-3, C1, C3); cùng nhiều công cụ bằng gỗ sao màu vàng nhạt hoặc gỗ hay căm xe đỏ và mảnh có vết gia công, đèo gọt khá cẩn thận (các ô: A3, B2, D2-3, E3). Ở phần phía đông của hố khai quật, thu nhặt được khá nhiều hạt nguyên và vỏ hạt cây kơnia (khoảng 600gr) (H7).

+ Lớp 2 (ký hiệu 96CVH3L2) dày từ 0,40-0,50m, đất pha nhiều cát có màu nâu ngả sang đen, lẫn nhiều vệt than tro và một số khoảng ken dày rễ thực vật ngập mặn rất khó đào (ở các ô C1-2, D1-2). Hiện vật đá tập trung nhiều ở các ô: A3, E3, D2-3; trong khi gốm vỡ tích tụ nhiều ở các ô: B1-3, C1-3, với một số gốm màu (các ô: C1-3, D1-3, E1, E3). Đặc biệt, ở ô C2 tìm được 2 cục xỉ đồng (hoặc mảnh đồng) đã rỉ xanh. Nhựa thực vật và xương động vật tìm thấy ở gần vách hố phía đông. Cọc, ván nhà sàn xuất lộ nhiều hơn cùng với những hiện vật bằng gỗ khác (các ô: D2-3, C3, A1, E3). Ngoài ra còn tìm được khá nhiều vỏ hạt cây kơnia ở đầu hố phía tây, trong các kiến trúc gỗ.

+ Lớp 3 (ký hiệu 96CVH3L3) dày từ 0,20-0,30m, đất pha sét kết dính, lẫn nhiều than tro và ít cát cỡ hạt lớn, có màu đen hoặc xám nâu. Giữa hố đào vẫn còn ken dày rễ thực vật ngập mặn rất khó đào. Hiện vật đá tập trung ở các ô: A1-2, B3, C2-3, trong khi gốm tích tụ dày ở ô C1-3, bi gốm ở ô A2, chân cà ràng ở các ô: A3, B2-3, C2, D2, E2. Gốm vẽ màu hiếm thấy, nhưng gốm bôi màu khá nhiều, đặc biệt dày ở các ô: C1-3, D3. Ngoài 2 mảnh sa thạch có khả năng là khuôn đúc đồng (ở các ô: A2, D2), các di tích hữu cơ đáng chú ý là vỏ hạt cây kơnia khá nhiều (các ô: A2, C1-2, E1-2) và di tích gỗ liên hệ tới các kiến trúc gỗ và đồ dùng Tiền sử (các ô: A1, B1, E2).

+ Lớp 4 (ký hiệu 96CVH3L4) dày từ 0,10-0,20m, đất pha sét màu xám đen ngả xanh lục, chen lẫn những vĩa cát mỏng màu nâu sáng. Hiện vật khảo cổ học thưa thớt hơn so với các lớp trên, gốm ở lớp này thường vỡ thành mảnh lớn (có ít mảnh tô màu) tập trung ở các ô: B2-3, E2, cùng

một số mảnh chân cà ràng các cỡ (các ô: B1-2, E2). Vò hạt cây koria còn khá nhiều (ở các ô: A1, A3, B3, E3), nhưng di tích gỗ không nhiều như lớp trên (còn ghi nhận trong các ô: B1, C1, D1-2).

+ Lớp sinh thổ là lớp đất sét màu xám xanh hoặc màu rêu sẫm, kết cấu dẻo và nhuyễn khá thuần nhất, ngoại trừ một vài chỗ có lẫn đất đóm nâu ngả vàng. Các cọc gỗ còn cắm sâu xuống sinh thổ, có nơi từ 1,80-2,00m (các ô: A2-3, 4 cọc thuộc C3). Hiện vật khảo cổ học, nhất là di tích gỗ có vết gia công, rìu bôn, đục và dao đá mài nhẵn đôi chỗ còn lọt xuống phần trên của tầng sinh thổ này (H7).

+ Hố 4 (ký hiệu 96CVH4) quá trình khai quật được chia thành hai lớp từ bề mặt xuống, nhận thấy cột địa tầng về cơ bản gần gũi với hố 2 từ kết cấu cơ bản đến bề dày. Tuy nhiên, ở lớp văn hóa 2 (ký hiệu 96CVH4L2) bề mặt tầng văn hoá của hố 4 bằng phẳng hơn, trong khi ở lớp văn hóa 1 (ký hiệu 96CVH4L1) chứa nhiều đất nung nên ngả màu nâu, vàng sẫm và dày hơn hố 2 (0,30-0,40m). Hố 4 cũng giống như hố 2 chứa ít gốm xốp. Hiện vật Tiền sử cần ghi nhận nhất ở đây là một vài dụng cụ gỗ cắm xe màu nâu sẫm tìm thấy ở góc hố đông bắc có hình mũi nhọn, hoặc được chuốt gần nhọn (L1) hay có hình gần như mũi dao bầu bên 2 cọc nhà sàn và 2 bàn mài khá lớn ở gần chính giữa hố đào (L2). Ngoài ra, còn một số tiêu bản miệng gốm khá lớn được tô màu ghi nhận ở giữa hố (L1) hay phần tây bắc hố (L2). Nhìn chung, tầng văn hóa hố 4 có độ dày dao động từ 0,50-0,70m, đường tiếp xúc giữa các phân lớp địa tầng khá bằng phẳng.

Tóm lại, toàn bộ các cột địa tầng ở di tích khảo cổ học Cái Vạn, như khảo tả ở trên, đã phản ánh những cương vực cư trú dày đặc nhất của di tích này. Nhiều khả năng đây chính là tồn tích vật chất của loại hình cư trú kiểu nhà sàn, trên mặt nước hoặc sinh lầy, bằng chứng là những dấu tích cột cây và ván sàn được ghi nhận rõ ràng trong hố 3, hố 4 và 5 lỗ cột còn bảo lưu trong hố 1. Đây là những địa tầng dày thuộc loại trung bình ở Đông Nam Bộ, chúng dao động trong khoảng 0,80-1,25m (hố 1) và 1,20-1,60m (hố 3), được cấu thành từ 3 đến 4 phân lớp cơ bản, ngoại trừ lớp mặt có sự xáo trộn nhiều và sinh thổ có nguồn gốc tích tụ hỗn hợp sông - biển là sét xanh đóm vàng hay xám sáng rất chuẩn mực màu đất chung ở tất cả các phân lớp địa tầng từ hố 1 đến hố 4 (H8-13).

1.2. Di vật khảo cổ học

Theo thống kê chung của chúng tôi, cùng với các “**Di chỉ - xưởng**” (*Manu facture Workshops; Workshop-Sites*) từng được các học giả coi như những “nhà máy sản xuất công cụ đá” thời Tiền sử như Phước Tân, Bình Đa (Biên Hòa), Suối Linh (Vĩnh Cửu), Cầu Sắt (Long Khánh) và cả Cù Lao Rùa giữa lòng sông và Gò Đá, Dốc Chùa bên bờ tả ngạn sông Đồng Nai thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Cái Vạn cũng là di tích khảo cổ học có số lượng di vật thu thập được rất lớn về số lượng và đa dạng về kiểu dáng. Nhưng đây cũng là một trong những địa điểm được khảo sát nhiều nhất Nam Bộ nên hiện vật cũng phân tán ở nhiều sưu tập. Hiển nhiên, ngoài Bảo tàng Đồng Nai là chủ yếu, các sưu tập đáng kể nhất thuộc Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ở Hà Nội và Bảo tàng Lịch sử Văn hóa thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Gần đây, các nhà khảo cổ học thuộc Viện Khảo cổ học khi viếng thăm di tích Cái Vạn, Cái Lãng, Rạch Lá cũng sưu tầm ít công cụ và mẫu vật. Ví như, TS. Viện trưởng Hà Văn Phụng, PGS.TS. Lại Văn Tới (Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu kinh thành) khi ghé thăm di tích này năm 2002 đã nhặt được trong khuôn viên gần bờ sông nhánh Thị Vải 10 hiện vật đá (1 rìu tứ giác quy mô: 11,6 x 5,4 x 1,5cm và 2 phế vật quy mô: 8,2 x 4,6 x 2,8cm và 7 x 4 x 2,9cm, 4 rìu bôn vai xuôi quy mô từ 11,6 x 4,9 x 2,8cm đến 12,4 x 5,1 x 2,9cm, dốt từ 2,9 x 3,5 x 1,7cm đến 3,9 x 3 x 1,2cm, 4 rìu vai vuông quy mô từ 8,5 x 6,1 x 2,6cm đến 13,4 x 4,4 x 3cm; 2 bàn mài phẳng (8,8 x 4,2 x 2cm) và mài lõm vòng (10 x 5,9cm), 1 chân cà ràng (11 x 3,3-4,9cm) và 2 đế bát và bình gốm, cùng 1 công cụ bôn bằng gỗ dừa gần hình chữ nhật rất đẹp (*Lại Văn Tới, Hà Văn Phụng, 2002:285-287; Bùi Thu Phương, Hà Văn Phụng, 2003*).

Trong chuyên khảo này, với tổng số hiện vật thu thập ở di tích Cái Vạn là 6.702 tiêu bản, chúng tôi tập trung chỉnh lý ba sưu tập lớn nhất của Bảo tàng Đồng Nai liên quan đến hai cuộc khai quật lớn năm 1978 (276 di vật = 4,1%) và chủ yếu là năm 1996 (5.942 di vật = 88,7%), cùng sưu tập điều tra chung của Bảo tàng Đồng Nai từ những năm 1977, 1984, 1988, 1990, 1994 (167 di vật = 2,5%) và sưu tập của Bảo tàng Lịch sử Văn hóa thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong các đợt hướng dẫn sinh viên thực tập từ đầu thập kỷ 1980 đến năm 2013 (311 di vật = 4,7%).

Dương nhiên, tính từ mùa diên dã năm 2002 khi Lưu Văn Du (Giám đốc Bảo tàng Đồng Nai) hướng dẫn Đoàn điều tra khảo cổ học - môi

trường của Viện Khảo cổ học đến Nhơn Trạch đã ghi nhận các di tích Cái Vạn, Cái Lăng và Rạch Lá đã bị hủy hoại nhiều khi nhân dân đào ao nuôi tôm thương phẩm (*Lưu Văn Du, Nguyễn Đăng Hiệp Phố, Nguyễn Kim Thủy, Nguyễn Thị Mai Hương, Trương Hữu Nghĩa, 2002:213-215*).

Trong tổng số 6.702 hiện vật thu thập ở di tích Cái Vạn, đồ đá có 2.501 di vật = 37,3%, đồ kim loại chỉ có 6 tiêu bản = 0,08%), đồ gốm và đất nung có 883 tiêu bản = 13,2%), đồ gỗ và di vật hữu cơ chiếm đa số với 3.300 tiêu bản = 49,2%, di cốt xương răng thú và vỏ nhuyễn thể có 12 tiêu bản = 0,17% di vật Cái Vạn hiện biết.

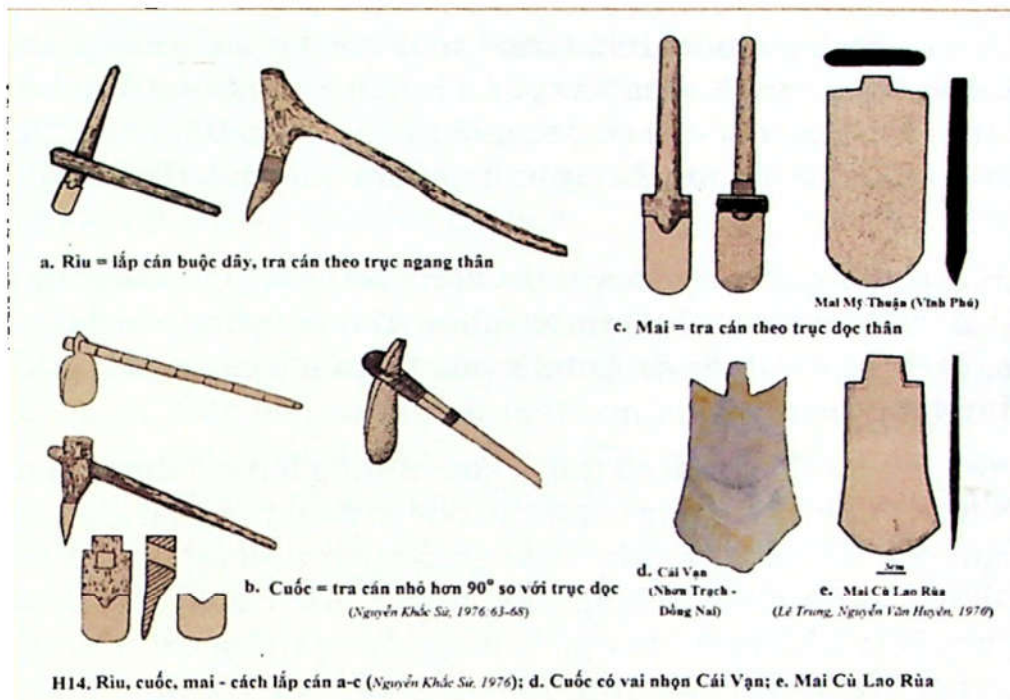
- Đồ đá

Về cơ bản, các công cụ, thuật ngữ thường dùng trong công trình này phân theo chức năng khả dĩ được chủ nhân Tiền sử Đồng Nai sử dụng lao động trong quá khứ chỉ là tương đối. Ví như, các nhà nghiên cứu kỹ thuật học thăm niên như TS. Nguyễn Kim Dung (Viện Khảo cổ học) quan tâm đến miền Đông Nam Bộ như “*một trung tâm lớn không chỉ về văn hóa mà cả kỹ thuật cổ, kỹ thuật sản xuất và sử dụng và kỹ thuật phi sản xuất*”, với các “*dấu vết thổ hoàng*” in trên rìa lưỡi công cụ đá Bình Đa - An Sơn để nghĩ về tính “*đa năng*” của chúng. Bà quan tâm từ các sưu tập đá ở Suối Chồn (Đồng Nai) với “*toàn bộ mảnh tước đầy dấu bóng sử dụng*” cho đến dạng nguyên liệu cát kết phun trào từ núi lửa hình thành được người thợ Đồi Phòng Không, Bưng Bạc dùng làm đồ trang sức và cả khả năng người Đồng Nai cuối thời đại Đồng bị “*cuốn vào quỹ đạo văn hóa tiếp xúc sớm Tây Á*”, với sự hiện diện của chuỗi mã não hình thoi đan xen với ngọc Sa Huỳnh (khuyên tai hai đầu thú - hoa tai ba máu) “*biến đổi thói quen truyền thống của người phương Nam về đá quý và trang sức bằng đá*” (*Nguyễn Kim Dung, 1994, 1998; Nguyễn Kim Dung, Lưu Văn Du, 1996:250-251*).

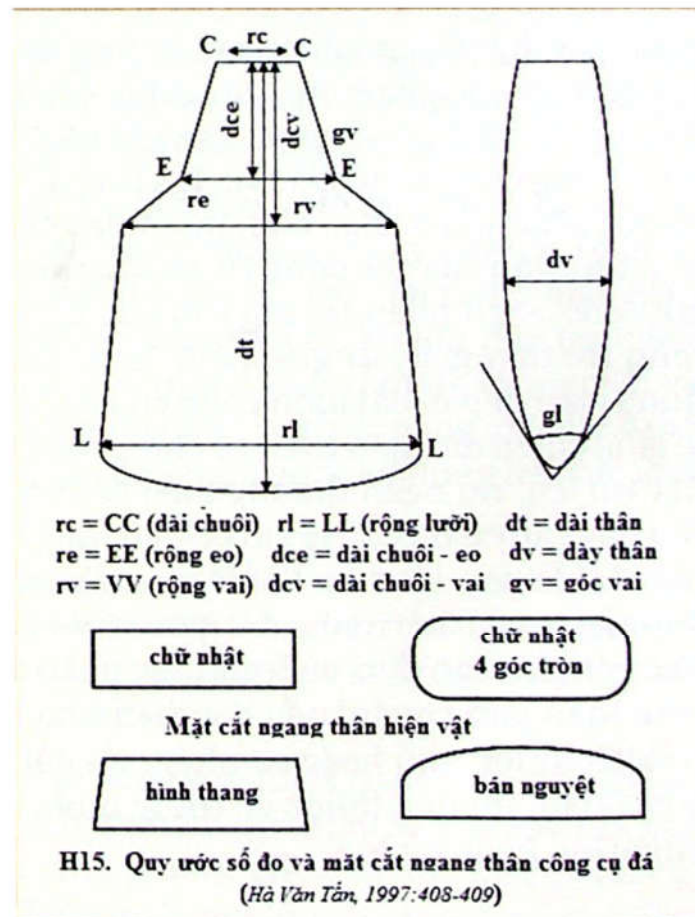
Nhà khảo cổ học Nguyễn Khắc Sử (1976:63-68) từng thực nghiệm kiểm tra giả thuyết của M.Colani (1935:334) và S.A.Seminov (*Boriscovski, 1966:166-170*) cách tra cán công cụ có chuôi phải buộc dây và cố gắng phân giải chức năng đích thực của rìu (Shouldered Axes) hay bôn (Shouldered Adzes) có vai theo cách thức tra cán truyền thống theo trục ngang thân, mai (Pick) tra cán theo trục dọc thân, còn cuốc (Hoe) tra cán nhỏ hơn 90° so với trục dọc thân (H14).

Nhưng có khi công cụ tứ giác dài ở Draixi mà ông từng gọi là “*dao đá*”, theo PGS.TS. Đỗ Văn Ninh (1977:8-11) lại cần gọi là “*dầm đá*” vì thân “*xoắn hình vỏ ốc*” không lắp được cán mà chỉ thích hợp khi trục

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)



tiếp cầm tay đào rãnh chọc lỗ tra hạt, xới đào nhặt cỏ hay vun đất cho những loại cây ngắn ngày như lúa nương, rau đậu; hoặc khai thác thu hoạch cây cho củ như khoai, lạc (đậu phộng) giống các xương sườn trâu bò mà đồng bào thiểu số sử dụng gọi là “dầm” vậy. Còn đa phần công cụ có vai ấy thường là vai ngang (hay vai vuông) để bẻ lấp cán và sử dụng kiểu “mai” (pick) là đập chân vào vai ngang để sấn đất. Với nhiều công cụ lớn của Cái Ván và Đồng Nai rất giống “mai” nhưng lại có vai nhọn cần lý giải thêm về cách thức lắp cán tương thích hơn (H15).



Các công cụ đá Cái Vạng cũng như ở các làng xưởng tằm vóc như Phước Tân, Cầu Sắt, Suối Linh, Bình Đa và bên kia sông Đồng Nai ở Gò Đá, Cù Lao Rùa hay bờ sông Vàm Cỏ như An Sơn phong phú bậc nhất Việt Nam về lượng loại cần có các phân tích kỹ thuật học chi tiết thấu đáo hơn. Chúng tạm được chúng tôi tạm thời quy định theo các tiêu chí phân loại như sau:

+ *Rìu*: thường gồm hai loại hình chính, rìu có vai và rìu không có vai. Rìu có vai có thể gồm các loại rìu vai nhọn, rìu vai ngang, rìu vai xuôi, rìu một vai và được xác định tên gọi theo dáng vai mà chủ yếu là góc tạo ra giữa chuôi và vai.

Trong nhóm rìu có vai có thể đi kèm những tên gọi theo đó như vai xuôi lệch, vai nhọn lệch hoặc lưỡi vát... đều căn cứ vào sai khác của các phần công cụ so với "*rìu mẫu*". Các thuật ngữ thường dùng như hình chiếu thẳng, hình chiếu ngang (dọc thân), mặt cắt ngang thân hoặc ngang chuôi là những thuật ngữ thường dùng trong các văn bản của khảo cổ học (H15 - Hà Văn Tấn, 1997:408-409), để xác định hình chiếu thẳng (tam giác, hình thang hoặc hình chữ nhật) và chiếu dọc nhằm tìm góc lưỡi công cụ vát đều hay lệch. Khái niệm công cụ tam giác sẽ được dùng rất linh động, nhằm chỉ những hiện vật rìu, cuốc hoặc bôn hình tam giác (hoặc gần hình tam giác). Các công cụ này không có vai, một đầu thuôn nhỏ hoặc nhọn. Hai chỉ số để phân biệt những công cụ này với những công cụ tứ giác và đục là tỷ lệ chiều rộng của lưỡi và rộng đốc không nhỏ hơn 3. Đặc biệt, thuật ngữ "*chuôi*" hoặc "*phần chuôi*" là chỉ phần tra cán của các công cụ có vai (rìu, cuốc...), được phân biệt với tên gọi "*đốc*" - chỉ phần tra lắp cán của công cụ không có vai như các loại hình rìu tam giác, tứ giác hoặc hình thang, hay chỉ phần thao tác tác dụng gián tiếp ở loại hình công cụ đục. Rìu sẽ được gọi là rìu dài, nếu tỷ lệ giữa chiều dài toàn thân và chiều rộng nhất (thường ở lưỡi) khoảng từ 2/1 trở lên, rìu ngắn thường theo tỷ lệ dài thân/rộng lưỡi nhỏ hơn 2/1. Rìu dày căn cứ theo tỷ lệ giữa chiều rộng lưỡi và chiều dày nhất, nếu nhỏ hơn 2/1 là dày, lớn hơn 5/1 là mỏng hoặc rất mỏng. Vai rộng và vai hẹp được gọi một cách tương đối giữa số đo kích thước rộng vai và rộng lưỡi. Các công cụ rìu, đục, cuốc... được phân loại theo kích thước, lấy độ dài toàn thân làm chuẩn: nếu dài thân nhỏ hơn 6cm, sẽ thuộc nhóm công cụ kích thước nhỏ hoặc cỡ nhỏ; nếu dài thân lớn hơn 6cm nhưng nhỏ hơn 12cm, thường thuộc cỡ trung bình; dài thân hơn 12cm là loại kích thước lớn hoặc rất lớn.

+ *Bôn, cuốc*: bón khá giống rìu về hình dáng nhưng cách lắp cán giống cuốc (cán vuông góc với rìu lưỡi) và chức năng của bón là đào gọt gỗ, còn rìu dùng để chặt cây. Do đó, cách tác dụng và sử dụng rìu và bón khác nhau. Bón và cuốc thường được phân biệt với rìu ở hình chiếu ngang thân hiện vật. Góc lưỡi rìu thường vát cân xứng hình chữ V, còn bón thường vát không đều giữa hai bên.

Cuốc khá giống rìu hoặc bón nhưng dáng cuốc thường cong, dài thon hoặc kích thước lớn (khá nặng). Riêng cuốc ở Cái Vạn và vùng rừng ngập mặn Đồng Nai, chúng tôi quy định chiều dài tối thiểu của công cụ lớn hơn 12cm. Đặc biệt, với thuật ngữ tạm gọi là “mai”, chúng tôi ghi nhận công cụ duy nhất tìm thấy ở Cái Vạn năm 1984 có hai vai nhọn nhô cao, bản lưỡi khá rộng mang hình chiếc mai hay xẻng hiện đại vậy, có thể được người thợ xưa dùng sấn đất sét chẳng hạn. Ngoài ra, bón thường có vai cân xứng (cả vai nhọn, vai xuôi và không vai) để có thể thao tác hình vòng cung, còn rìu có thể có vai cân xứng và vai lệch; công cụ vai lệch rất khó hoặc không thể thao tác tác dụng như bón.

+ *Đục (chisel)*: là những công cụ có dáng thon dài phù hợp với vai trò tác dụng lực gián tiếp trong chế tác đá. Thường thì tỷ lệ giữa chiều dài toàn thân và chiều rộng nhất (thường ở lưỡi) khoảng từ 2/1 trở lên là tiêu chí của đục (rất giống tiêu chí phân loại rìu dài). Đục cũng được phân nhóm tùy theo hình dáng lưỡi hoặc kích thước của lưỡi và thân.

Các loại hiện vật khác như dao hái hay dao gặt (Rice harvesting tools), công cụ cắt (tranchant) hay nạo (racloir), chày nghiền (pilon), bàn mài (polissoir), vòng đeo tay (bracelet), lao (javelot), dao găm (poignard), mũi tên (flèche), đàn đá (lithophone), khuôn đúc (moule), bùa (Amulette), mảnh tước (éclair) hay phiến tước (lame), cả nguyên và phế liệu, phế và phác vật... sẽ theo hình dạng và chức năng mà nó có thể đảm nhiệm. Về căn bản, các tiêu chí đưa ra sẽ được sử dụng hết sức linh động đối với từng hiện vật.

+ *Cuốc, mai*: 63 tiêu bản còn nguyên hay bị mẻ hoặc có thể là phác vật, chiếm tỷ lệ hơn 2,5% so với tổng số hiện vật chất liệu đá, với hai loại cơ bản: Công cụ tứ giác và công cụ có vai (gồm các kiểu cuốc, mai có vai xuôi, vai ngang (hay vai vuông) và vai nhọn).

Nhìn chung, cuốc, mai các loại được làm từ đá có kết cấu mịn, cứng, mặt ngoài bị phủ lớp phong hoá bột phấn mịn màu xám trắng hơi ngả xanh hoặc xám trắng ngả vàng, chúng được ghè đẽo, tạo hình, mài các mặt, nhưng vết mài còn sơ sài. Trên thân còn lưu lại những vết ghè đẽo,

tu chỉnh; các vết mài nhẵn được thực hiện chủ yếu ở phần rìa lưỡi, tại rìa lưỡi có nhiều vết mẻ lớn nhỏ khác nhau, chứng tỏ chúng đã được người nông dân Cái Vạng xưa sử dụng nhiều.

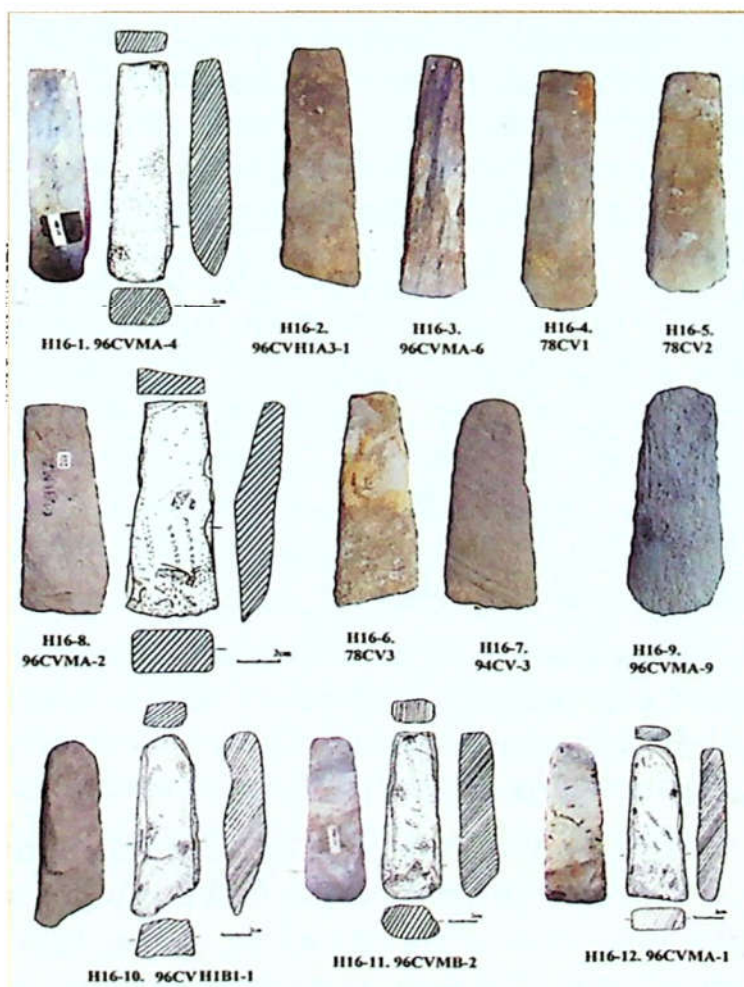
+ *Cuốc, mai tứ giác*: 34 tiêu bản, chưa tính các tiêu bản bị gãy lưỡi hoặc có thể là phác vật chưa được gia công ghè hoặc mài phần lưỡi. Chúng gồm hai kiểu thân hẹp và thân rộng.

+ *Cuốc, mai tứ giác thân hẹp*: 27 tiêu bản, thân hẹp so với chiều dài của thân, phần chuôi hẹp, lưỡi hơi xòe rộng, rìa lưỡi cong tròn, trên thân còn nhiều vết ghè đẽo, các mặt được ghè đẽo và mài, nhưng chủ yếu được mài nhẵn ở phần lưỡi, tạo dáng khỏe mạnh, chắc chắn. Kích thước toàn nhóm trung bình dao động từ 12,1-15,0cm chiều dài, 2,5-3,4cm chiều rộng đốc, 4,0-5,4cm chiều rộng lưỡi, 2,0-3,5cm bề dày.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-4** bị phong hóa phủ màu xám nâu, thùng lỗ chỗ trên thân, dáng thô, lưỡi mẻ và hơi lệch hẳn về một bên, kích thước: 12,1 x 2,9-4,3 x 2,9cm, nặng 150gr (**H16-1**).

Công cụ ký hiệu **96CVH1A3-1** chịu phong hóa phủ dày màu xám đen, toàn thân được mài nhẵn, lưỡi vát cong hình vòng cung ở một mặt, kích thước: 12,1 x 3,0-5,0 x 3,3cm, nặng 310gr. (**H16-2**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-6** được mài nhẵn ở cả hai mặt thân, đốc hoàn chỉnh có thiết diện gần hình chữ nhật, chỉ có vài vết chỉnh mỏng ở dọc các rìa di vật, lưỡi vát cân xứng, rìa lưỡi bị mẻ gần ngang, kích thước: 12,8 x 3,0-5,4 x 3,2cm, nặng 400gr. (**H16-3**).



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Trong bốn cuộc tứ giác phát hiện năm 1978, ba chiếc cuộc còn lại đều có dạng hình thang dài, lớp phủ patine màu vàng và xanh lục, đốc gần thẳng ngắn và thẳng rộng đều xuống phần lưỡi. Chỉ có chiếc cuộc ký hiệu **78CV2** còn nguyên rìa lưỡi cong vòng cung khá sắc, quy mô: 14,5 x 4,5 x 3,1cm (**H16-5**). Hai chiếc còn lại ký hiệu **78CV1** (**H16-4**) và **78CV3** (**H16-6**) lưỡi vát xéo thẳng hoặc bị mẻ một góc, quy mô tương ứng: 15,5 x 4,3 x 3,2cm và 14,5 x 5,0 x 3,3cm.

Công cụ ký hiệu **94CV-3** toàn thân phủ dày lớp phấn phong hóa màu xám nâu, bề mặt có các rãnh xiên chéo, đốc gần tròn, lưỡi rộng và gần thẳng, kích thước: 12,2 x 4,5 x 2,5cm (**H16-7**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-2** bị phong hóa phủ màu xám trắng, dáng hình thang, nhưng ngắn hơn cuộc H1BL1-1, phần lưỡi và chuôi vát nhiều, diện vát lớn, một bên thân được mài nhẵn, bên còn lại còn vết ghè đéo, rìa lưỡi cong hình vòng cung, kích thước: 12,7 x 3,6-4,7 x 2,7cm, nặng 200gr (**H16-8**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-9** bị phong hóa phủ màu xám xanh, thùng lỗ chỗ trên thân, lưỡi vát hẵn một mặt, diện vát lớn (tới 6cm), kích thước: 13,5 x 4,0-4,9 x 3,3cm (**H16-9**).

Công cụ ký hiệu **96CVH1B1-1** được làm từ đá xám đen, phong hóa phủ dày màu xám trắng, bề mặt rõ lỗ chỗ, dáng gần như hình thang, lưỡi bị mẻ một bên, phần còn lại nếu sử dụng sẽ giống như một cái đục, kích thước: 14,2 x 3,3 (đốc) - 4,7 (lưỡi) x 3cm (dày nhất), nặng 300gr (**H16-10**).

Công cụ ký hiệu **96CVMB-2** bị phong hóa nhiều, phủ màu đen và rõ thùng trên thân, phần lưỡi bị vát lệch về một mặt, mặt đối diện gần phẳng, đầu đốc bị mẻ một phần, kích thước: 15,0 x 2,5-4,0 x 2,4cm, nặng 200gr (**H16-11**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-1** toàn thân bị phong hóa có màu xám trắng lẫn nâu đen, quy mô: 14,5 x 3,1-4,7 x 3,1cm, nặng 300gr (**H16-12**).

Công cụ ký hiệu **96CVMB1** bị phong hóa phủ màu xanh lục, hai rìa hông còn vài vết ghè lớn làm một bên thẳng và một bên hơi lõm vào, một mặt thân hơi cong ở chính giữa, lưỡi vát không cân xứng ở cả hai mặt, kích thước: 12,8 x 3,5-4,5 x 2cm (**H16-13**).

Công cụ ký hiệu **96CVMB4** bị phong hóa phủ màu xám lục, thân gần hình chữ nhật với đốc hơi xiên vát, rìa lưỡi mài vát kỹ nên sắc mỏng, kích thước: 12,5 x 4,4 x 2,2cm (**H16-14**).

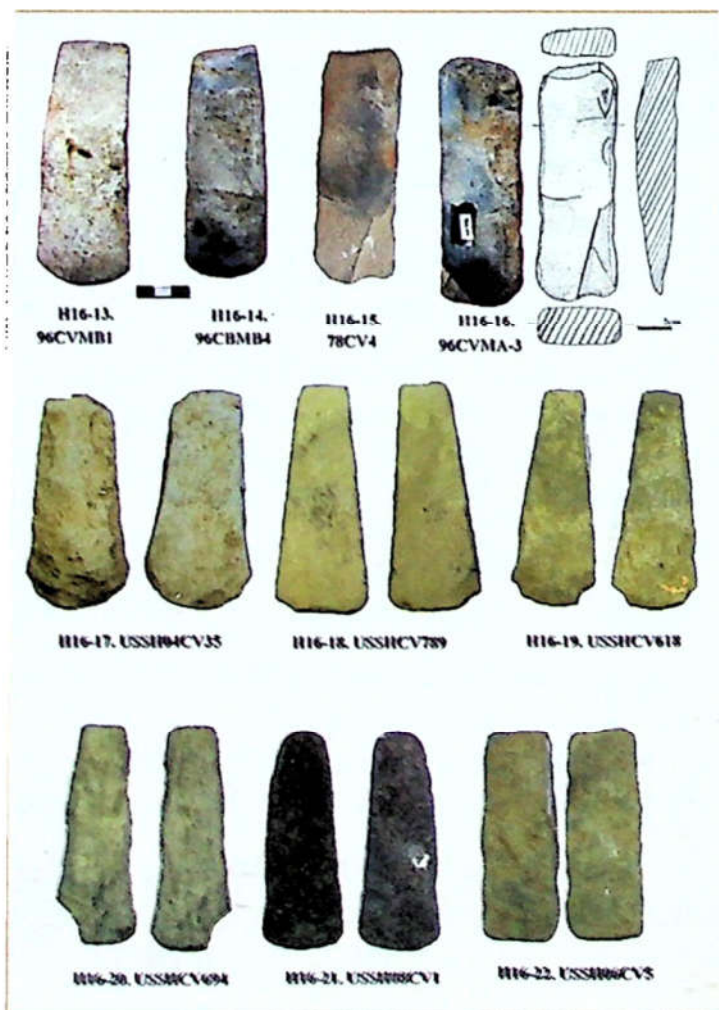
Công cụ ký hiệu **78CV4** có hình gần chữ nhật dài, với đốc hơi lõm giữa, hai thành bên gần thẳng, lưỡi cong vòng cung nhưng còn vết ghe vát chéo rất lớn ở một góc, đá bị phong hóa phủ màu nâu sẫm loang lổ màu đen nhạt, kích thước: 15,0 x 5,0 x 3,0cm (H16-15).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-3** khá nặng (370gr) và dáng thô, lưỡi vát nhiều ở một mặt, diện vát lớn (tới 6-7cm), bị phong hóa mạnh thủng lỗ chỗ trên thân ở cả hai mặt, kích thước: 13,5 x 3,8-5,0 x 3,5cm (H16-16).

Ở sưu tập cuộc Cái Vạng hình thang của Bảo tàng Lịch sử Văn hóa (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), chiếc cuộc ký hiệu **USSH04CV35** có lưỡi xòe khá rộng (rộng lưỡi/rộng đốc: 8,9 x 3,1cm). Hiện vật làm từ loại đá màu xám lấm chấm những khoang trắng, một mặt tạo rìa lưỡi được mài tương đối nhẵn phẳng, mặt còn lại được mài cong trên 2/5 độ dài thân (12,5cm), phần lưỡi tạo ra do mài gập, lưỡi xòe, mặt cắt ngang đốc tạo hình chữ nhật có một cạnh lớn cong lồi, patine phủ đều màu vàng nâu khá đẹp (H16-17).

Cuộc ký hiệu **USSHCV789** có lưỡi vát khá lớn, được mài tương đối kỹ, chịu patine phủ màu xám vàng, hai thành bên mài khá thẳng từ đốc xuống góc lưỡi, lưỡi cong gần hình vòng cung, quy mô: 12,5 x 8,8 x 2,5cm và nặng 265gr (H16-18).

Cuộc ký hiệu **USSHCV618** phủ lớp patine màu vàng nhạt bên ngoài, toàn thân nhám có những hạt to, đốc khá nhỏ và thẳng xiên về dưới góc lưỡi, một mặt cong hình mu rùa, mặt kia mài phẳng vát tạo rìa lưỡi, lưỡi cong vòng cung, ở một góc lưỡi bị sút mẻ một miếng, quy mô: 12,2 x 6,3 x 3,0cm và nặng 375gr (H16-19).



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Cuốc ký hiệu **USSHCV694** có hình thang dài với hai thành bên không thẳng do mài không nhẵn còn nhiều vết ghe, lưỡi bị mẻ lớn ở một góc lưỡi, quy mô: 13,3 x 4,7 x 2,2cm và nặng 220gr (**H16-20**).

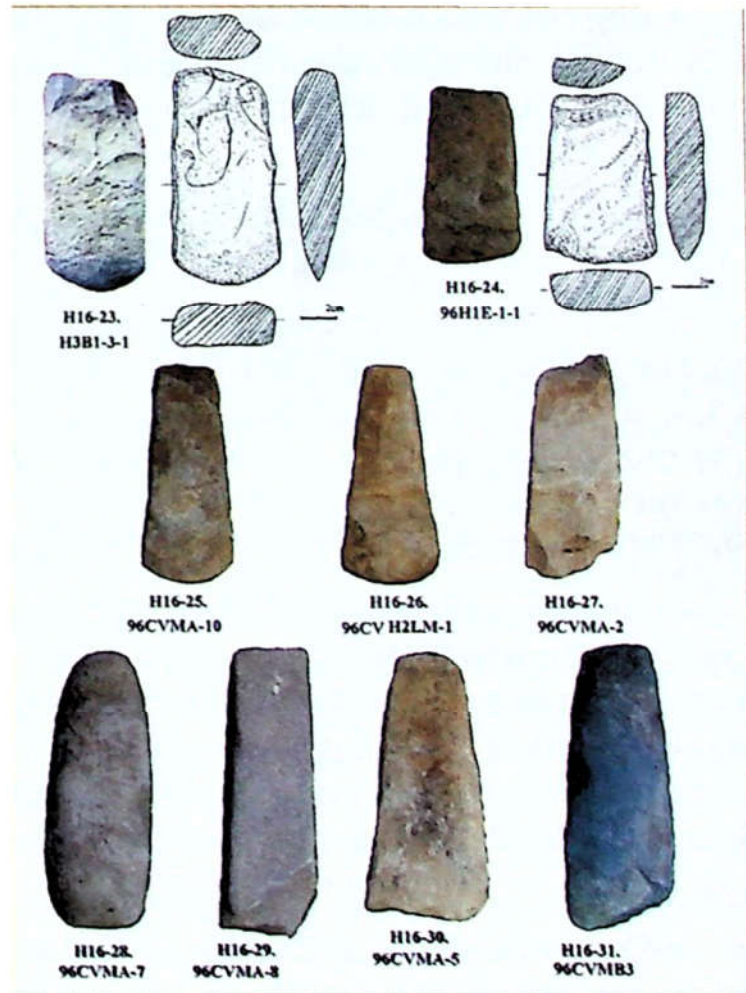
Cuốc ký hiệu **USSH08CV1** có đốc nhỏ mài tròn hai góc đầu, hai cạnh bên gần thẳng xiên xuống góc lưỡi, lưỡi cong hình gần vòng cung, đá xám đen hạt mịn, quy mô: 12,5 x 3,8 x 3,1cm (**H16-21**).

Cuốc tứ giác ký hiệu **USSH06CV5** được mài không nhẵn tạo hình gần chữ nhật, quy mô: 12,2 x 4,0 x 2,7cm, bên ngoài phủ lớp patine màu nâu xám vàng nhạt (**H16-22**).

+ *Cuốc, mai tứ giác thân rộng*: 7 tiêu bản, về cấu tạo hình dáng, thân chuôi, rìa lưỡi không khác so với loại thân hẹp. Kích thước toàn nhóm trung bình dao động từ 12,1-13,5cm chiều dài, 4,2-5,9cm chiều rộng đốc, 5,4- 6,5cm chiều rộng lưỡi, 1,9-4,0cm bề dày.

Công cụ ký hiệu **96CVH3B1-3-1** (**H3B1-3-1**) bị phong hóa phủ màu xám đen, ở phần đốc còn nhiều vết ghe đeo lớn và rộng, một mặt phẳng, mặt đối diện cong lồi và vát đều về đáy, phần lưỡi được mài nhẵn bóng với rìa cong đều hình vòng cung và rất sắc, kích thước: 13,5 x 5,9 - 6,3 x 2,7cm, nặng 380gr (**H16-23**).

Công cụ ký hiệu **96CVH1E-1-1** (**96H1E-1-1**) bị phong hóa nặng song không phủ hết những dấu vết ghe đeo rộng và mỏng trên mặt thân, dáng gần hình chữ nhật, lưỡi cong vòng cung và vát nhiều ở một mặt, kích thước: 10,5 x 5,0-6,2 x 2,5cm, nặng 290gr (**H16-24**).



Công cụ ký hiệu **96CVMA-10** có dáng hoàn chỉnh hình tứ giác, lưỡi vát nhiều ở một mặt, đầu chuôi không phẳng mà vát ở đầu, trên thân còn nhiều vết ghe mỏng và rộng, với những lỗ thủng do bị phong hóa phủ màu xám đen, lưỡi cong rộng hình vòng cung, kích thước: 11,5 x 4,2-6,0 x 1,9cm, nặng 200gr (**H16-25**).

Công cụ ký hiệu **96CVH2LM-1** bị phong hóa phủ màu xám đen, có dáng tương tự như di vật H3B1L3-1, nhưng ngắn hơn (có thể đã bị gãy hoặc cố ý làm gãy phần trên) nên phần chuôi giống như bị chặt vát xiên, diện vát của lưỡi lớn với rìa cong rộng hình vòng cung, kích thước: 12,3 x 5,6-6,5 x 4cm, nặng 200gr (**H16-26**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-2** bị phong hóa phủ màu vàng nhạt, phần đốc hơi bị mẻ và vát lệch về một bên, với thiết diện cắt ngang có hình gần vuông, một mặt thân phẳng, mặt đối diện cong lồi và vát hẳn về rìa lưỡi, lưỡi cong đều hình vòng cung với diện vát lớn hơn 1/2 chiều dài hiện vật, kích thước: 12,1 x 4,2-5,4 x 3,5cm (**H16-27**).

Công cụ ký hiệu **96CVMB-4** có lớp phủ phong hóa màu xám trắng, một mặt có nhiều vết ghe đeo mỏng và rộng, mặt còn lại khá phẳng, phần lưỡi vát không đều nhau với rìa lưỡi khá dày, kích thước: 12,1 x 2,9-5,0 x 2,7cm.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-1** màu xám trắng lẫn nâu đen, quy mô: 14,5 x 3,1-4,7 x 3,1cm, nặng 300gr.

Các phác vật thuộc kiểu cuốc, mai thân hẹp có bốn tiêu bản, trong đó: Hiện vật ký hiệu **96CVMA-7** màu đen nhạt, quy mô: 13,9 x 3,4-4,4 x 3,3cm, nặng 350gr (**H16-28**). Hiện vật ký hiệu **96CVMA-8** màu đen, quy mô: 14,2 x 3,5-4,4 x 3,4cm (**H16-29**). Hiện vật ký hiệu **96CVMA-5** quy mô: 15,0 x 3,2-4,1 x 3,0cm, nặng 300gr (**H16-30**). Hiện vật ký hiệu **96CVMB3** màu xám nâu, quy mô: 12,2 x 3,0-5,3 x 3,2cm (**H16-31**).

Trong sưu tập hiện vật ở Bảo tàng Lịch sử Văn hóa, có hai tiêu bản: Cuốc ký hiệu **USSH738** toàn thân phủ một lớp patine dày màu nâu xám, một mặt phẳng, mặt kia cong hình mu rùa vát tạo lưỡi, lưỡi khá sắc, hai bên vát tạo đầu nhọn ở giữa, toàn thân khá gồ ghề, quy mô: 13,5 x 8,8 x 3,3cm và nặng 580gr. Cuốc ký hiệu **USSH705** hình thang dài, lưỡi vát, được mài tương đối nhẵn, phần chuôi và nửa phần thân đã bị mất, quy mô: 12,4 x 8,8 x 2,5cm và nặng 265gr.

+ *Cuốc, mai có vai*: 27 tiêu bản, gồm ba loại vai xuôi, vai ngang (hay vai vuông), vai nhọn cùng với các kiểu và phụ kiểu, kích cỡ khác nhau.

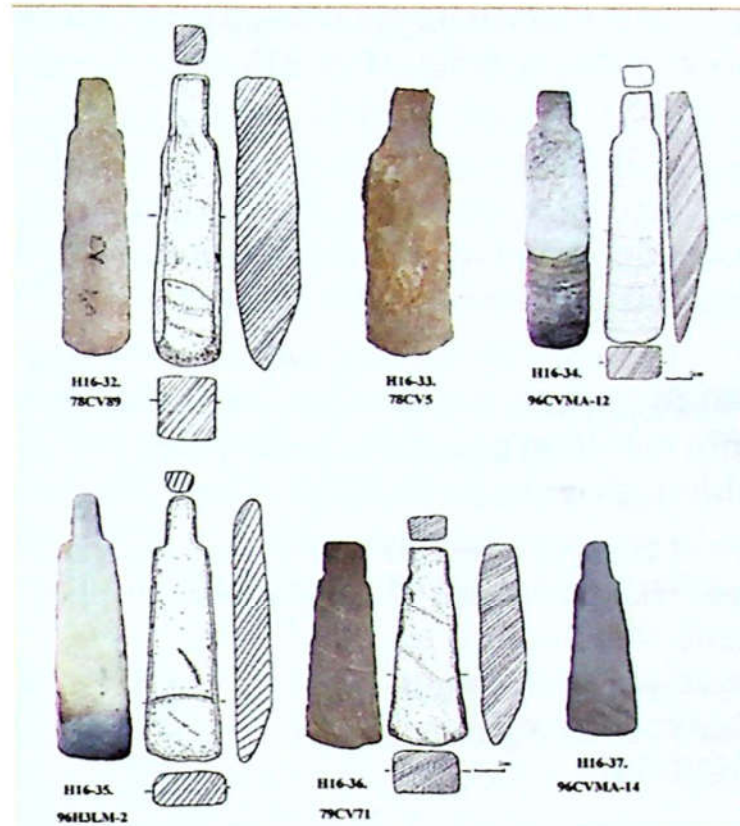
+ *Cuốc, mai có vai xuôi - thân hẹp*: 16 tiêu bản với kích thước toàn nhóm trung bình dao động từ 12,1 - 15,1cm chiều dài, 3,5 - 5,0cm chiều rộng giữa hai vai, 4,5-5,8cm chiều rộng lưỡi, 1,8-3,3cm bề dày.

Trong sáu chiếc cuốc có vai phát hiện năm 1978, có ba tiêu bản cuốc vai xuôi thân hẹp. Chiếc có thân hẹp nhất ký hiệu **78CV89** được mài nhẵn toàn thân ở cả hai mặt, phủ phần patine màu xám nhạt, đốc gần hình thang ngắn, đầu đốc hơi vo tròn, hai thành bên mở rộng dần xuống góc lưỡi, thiết diện lưỡi vát rộng ở một mặt, rìa mỏng sắc cong vòng cung, quy mô: 21,1 x 5,0 x 4,0cm (**H16-32**).

Chiếc ký hiệu **78CV5** phủ dày lớp phần patine màu xám loang lổ vàng đậm, đốc gần hình chữ nhật nhưng đầu hơi nghiêng về một bên, hai thành bên gần thẳng song song nhau, lưỡi vát rộng ở một mặt, rìa mỏng sắc cong vòng cung, quy mô: 19 x 5,6 x 3,2cm (**H16-33**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-12** là tiêu bản lớn nhất của kiểu này, bị phong hóa phủ màu xám trắng, có hình gần như chữ nhật dài, với chuôi nhỏ (3,8 x 2,5-2,9 x 1,8cm), thân dài với diện vát lưỡi chiếm gần 1/2 hiện vật, một mặt phẳng, mặt đối diện hơi gấp khúc ở giữa và vát về đầu đốc và rìa lưỡi, hai vai xuôi ngắn gần bằng nhau, hiện vật có kích thước: 22,5 x 4,0 (chiều rộng giữa hai vai) - 4,8 (chiều rộng giữa hai rìa lưỡi) x 3,3cm, nặng 600gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,8 x 2,5-2,9 x 1,8cm (**H16-34**).

Công cụ ký hiệu **96CVH3LM-2** (96H3LM-2) bị phong hóa màu xám trắng loang lổ đen, có một mặt thân gần phẳng, mặt bên cong đều, hai vai xuôi ngắn nhưng không đều nhau, lưỡi bị mẻ khá lớn và vát lệch về



một đầu, mặt cắt ngang thân có hình chữ nhật, kích thước: 12,6 x 4,3-4,7 x 3,2cm, nặng 300gr (H16-35).

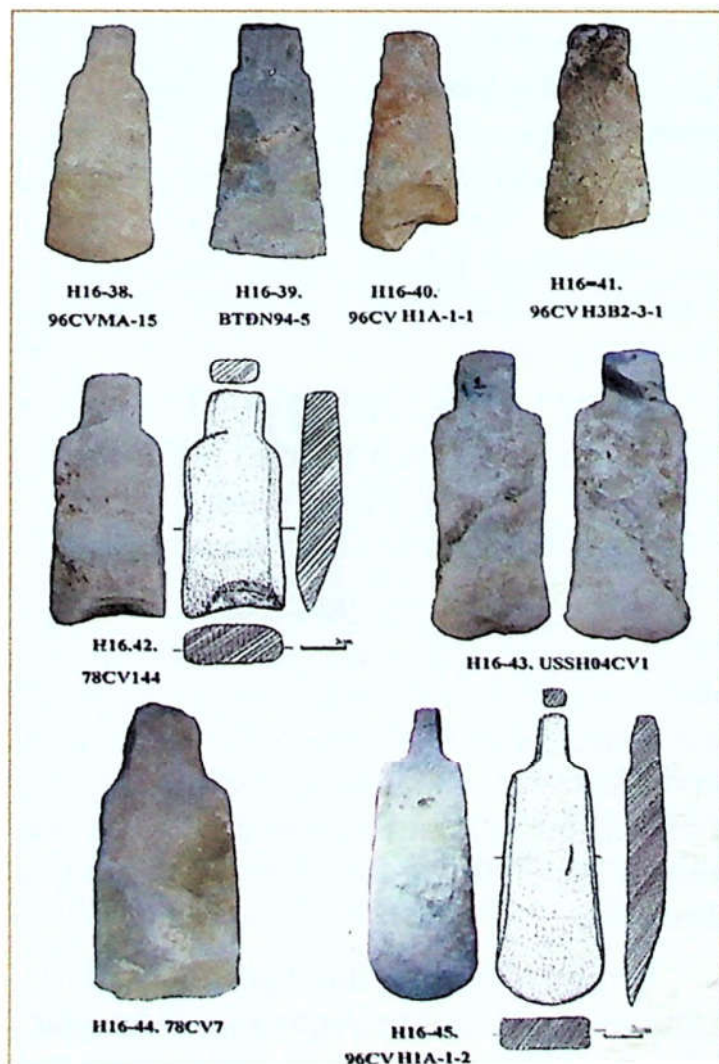
Chiếc ký hiệu **79CV71** có thân dài, bề ngang hẹp, bị phong hóa phủ patine màu xám sẫm, chuôi tra cán ngắn gần hình vuông, lưỡi xòe rộng vát lệch, thiết diện ngang hình chữ nhật, thiết diện dọc hơi cong, bị mẻ một góc, trên thân còn một số vết ghe dẽo, kích thước: 14,9 x 3,5-5,2cm, quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 2,8 x 2,7 x 3cm (H16-36).

Hai công cụ ký hiệu **96CVMA-14 (H16-37)** và **96CVMA-15 (H16-38)** thuộc kích cỡ nhỏ nhất với hai vai ngắn và mờ, bản lưỡi xòe rộng, một mặt thân phẳng và mặt đối diện cong lồi, trên thân còn vài vết ghe chĩnh, kích thước: 12,2 x 3,5-4,7 x 1,8cm và 12,1 x 3,6-4,8 x 2,0cm.

Chiếc ký hiệu **BTĐN94-5** có thân dài gần hình thang, nhưng rìa lưỡi thẳng hơi xiên chéo một bên, bị phong hóa phủ patine màu xám xanh lục, chuôi tra cán ngắn gần hình vuông, kích thước: 12,6 x 5,2 x 3,1cm (H16-39).

Công cụ ký hiệu **96CVH1A-1-1** bị phong hóa phủ màu xám trắng, được làm từ đá có màu xám đen, có dạng hình thang dài, trên thân có vài vết mẻ, rìa lưỡi bị vỡ mất 1/2, hai vai xuôi rất ngắn, đầu đốc gần tròn (3,0 x 2,4-2,8 x 1,4cm), kích thước: 13,5 x 3,6-4,5 x 2,8cm, nặng 250gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 2,4-2,8 x 1,4cm (H16-40).

Công cụ ký hiệu **96CVH3B2L3-1 (96CVH3B2-3-1)** bị phong hóa màu xám trắng, hai vai xuôi bằng nhau, chuôi nhỏ (2,8 x 2,0-2,3 x 1,4cm), lưỡi vát hẳn



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

về một mặt với diện vát lớn và rìa mỏng sắc, kích thước: 13,9 x 3,5-5,1 x 2,5cm, nặng 290gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 2,8 x 2,0-2,3 x 1,4cm (**H16-41**).

Chiếc mang ký hiệu **78CVI44** cũng có thân dài, đốc ngắn gần hình vuông với đầu góc vo tròn, thân lưỡi gần hình chữ nhật, thiết diện dọc hơi cong, rìa lưỡi bị mẻ miếng lớn ở mặt vát mỏng, kích thước: dài toàn thân 13,1 x 4,3-4,8cm, quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 2,5 x 2,4cm (**H16-42**).

Công cụ ký hiệu **96CVH2L1-1** với lớp phủ phong hóa màu xám trắng, có dáng tương tự di vật MA-12 nhưng kích thước ngắn hơn (15,1 x 4,5-5,0 x 2,8cm), chuôi thon nhỏ với mặt cắt gần hình chữ nhật (3,8 x 2,4-2,7 x 1,4cm), một mặt mài nhẵn, mặt bên còn nhiều vết đẽo nhỏ, lưỡi vát cong vòng cung với diện vát lớn, nặng 350gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,8 x 2,4-2,7 x 1,4cm.

Công cụ ký hiệu **96CVMB-5** cũng bị phong hóa màu xám trắng, với một vai xuôi và một vai gần ngang, lưỡi vát khá cân xứng ở cả hai mặt, chuôi nhỏ (3,7 x 2,5-2,7 x 1,7cm), kích thước: 14,2 x 5-5,3 x 3cm, nặng 350gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,7 x 2,5-2,7 x 1,7cm.

Công cụ ký hiệu **96CVH3LM-3** có lớp phủ phong hóa màu xám đen, trên thân có một vài vết mẻ lớn, lưỡi vát cân xứng ở cả hai mặt và cũng bị mẻ tương tự như H3LM-2, hai vai ngắn nhưng lệch nhau, chuôi gần hình chữ nhật (3,0 x 2,7-2,8 x 1,8cm), kích thước: 12,1 x 4,3-5,8 x 2,9cm, nặng 250gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 2,7 - 2,8 x 1,8cm.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-13** còn mang khá nhiều vết ghè đẽo trên thân ở cả hai mặt, phần lưỡi vát mỏng song gần như chưa gia công mài ở một mặt, chuôi tra cán nhỏ với đầu đốc gần tròn (3,5 x 2,0-2,9 x 1,5cm), kích thước: 13,6 x 5,0-5,3 x 2,5cm. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,5 x 2,0-2,9 x 1,5cm.

Di vật còn lại ký hiệu **96CVH3A3L3-1** bị bể hết phần lưỡi, bị phủ phong hóa màu xanh lục, hai vai xuôi ngắn, kích thước hiện còn: 10,5 x 4,5-4,7 x 3cm.

+ *Cuốc, mai có vai xuôi - thân rộng*: 7 tiêu bản, kích thước toàn nhóm trung bình dao động từ 12,5-19,3cm chiều dài, 5,3-6,2cm chiều rộng giữa hai vai, 5,5-7,2cm chiều rộng lưỡi, 2,9-3,0cm bề dày.

Chiếc cuốc có vai xuôi ký hiệu **USSH04CV1** có lớp phủ patine màu xám, có chuôi tra cán ngắn nhưng rộng, hai vai xuôi ngắn hơi lệch nhau, thân gần hình chữ nhật khá dài với hai cạnh thành bên hơi lõm giữa, lưỡi xòe rộng và cong vòng cung, chính giữa đầu lưỡi bị mẻ lõm, quy mô 19,3 x 7,1 x 3,3cm (**H16-43**).

Chiếc ký hiệu **78CV7** có thân gần hình chữ nhật nhưng ngắn và rộng hơn chiếc trên, bị phong hóa phủ patine màu xám xanh lục, chuôi tra cán ngắn nhỏ với đầu vát lệch, trên thân dấu mài không phủ hết các vết ghe đèo lớn ở mặt vát và cả phần lưỡi, kích thước: 18,1 x 7,2 x 2,9cm (**H16-44**).

Chiếc ký hiệu **96CVH1A-1-2** chỉ có một mặt được mài nhẵn và vát đều về rìa lưỡi, mặt đối diện còn nguyên dấu ghe đèo trên mình, lớp phủ phong hóa màu xám đen, chuôi tra cán nhỏ, đầu đốc bằng, quy mô (3,0 x 2,2-3,1 x 1,3cm), diện vát của lưỡi lớn (tới 6,4cm), kích thước: 13,2 x 6,0-5,5 x 2,9cm, nặng 400gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 2,2-3,1 x 1,3cm (**H16-45**).

Công cụ ký hiệu **96CVMB-6** bị phong hóa phủ màu xám vàng nhạt, có chuôi tra cán ngắn, đầu đốc gần tròn với vài vết ghe mỏng nhưng rộng ở trên rìa, lưỡi vát cân xứng ở cả hai mặt, rìa lưỡi cong vòng cung mỏng và sắc, chuôi có quy mô (3,2 x 2,8-3,7 x 1,6cm), kích thước: 13,9 x 6,0-7,2 x 3,0cm, nặng 420gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,2 x 2,8-3,7 x 1,6cm.

Công cụ ký hiệu **96CVMB-7** bị phong hóa phủ màu xám trắng, dáng lưỡi gần tương tự như MB-6, nhưng ở một mặt thân còn nhiều vết ghe nhỏ, đầu đốc thu nhỏ, quy mô (3,2 x 2,8-3,5 x 1,7cm), kích thước: 12,5 x 6,2-7,1 x 3,0cm, nặng 350gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,2 x 2,8-3,5 x 1,7cm.

Công cụ ký hiệu **96CVH3E2L2-1** bị phong hóa phủ màu xám đen, dáng lưỡi tương tự các di vật 96CVMB-6 và 96CVMB-7, ở một mặt thân còn nhiều vết ghe và chình nhỏ, đầu đốc gần tròn, quy mô (3,0 x 1,8-3,2 x 1,9cm), kích thước: 13,0 x 5,3-5,9 x 2,9cm, nặng 240gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 1,8-3,2 x 1,9cm.

Chiếc ký hiệu **78CV5** có thân dài gần hình chữ nhật, bị phong hóa phủ patine màu xám nâu vàng khá dày, chuôi tra cán ngắn gần hình chữ nhật nhưng hơi lệch về một bên, rìa lưỡi xòe cong hình vòng cung, kích thước: 19,0 x 5,6 x 3,0cm.

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

+ *Vai ngang*: 5 tiêu bản, về hình dáng không khác loại vai xuôi, chỉ khác ở chỗ hai vai bằng nhau do ghe đẽo, mài hoặc cưa.

Ở sưu tập hiện vật Cái Vạn của Bảo tàng Lịch sử Văn hóa (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), chiếc cuốc ký hiệu **USSH04CV3** là cuốc vai ngang, chuôi tra cán nhỏ và dài, thân hình chữ nhật mài nhẵn hơn, lưỡi vát lớn về một mặt và cong vòng cung cân xứng, mặt ngoài phủ lớp patine màu vàng đậm, quy mô: 18,1 x 5,2 x 3,1cm (**H16-46**).

Trong sưu tập cuốc phát hiện năm 1978, tiêu bản ký hiệu **78CV93** được làm từ đá đen nhạt, phủ patine màu xám nâu đậm, có chuôi gắn hình thang, hai ngang ngang cân đối, thân dài và rộng dần xuống lưỡi, thiết diện dọc vát lệch ở một mặt, rìa lưỡi hơi vát một góc và có ít mẻ ở chính giữa, kích thước: 12,2 x 4,5 x 2,7cm (**H16-47**).

Công cụ ký hiệu **96CV MB9** bị phủ lớp phong hóa màu xám trắng, cũng có một mặt phẳng và một mặt gấp khúc giữa thân trên và bản lưỡi, nhưng chuôi tra cán dài và nhỏ hơn, hai vai ngang ngắn chỉ rộng 1,1cm (3,5 x 1,1-1,8 x 1,0cm), lưỡi có diện vát lớn, rìa lưỡi rất trũng và được mài khá nhẵn, kích thước: 19,0 x 4,1-5,9 x 2,2cm, nặng 350gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,5 x 1,1-1,8 x 1,0cm (**H16-48**).

Chiếc ký hiệu **96CV MA-16** bị phong hóa màu xám trắng, có vai ngang và thân lưỡi rộng hơn, chuôi gắn hình chữ nhật (3,0 x 2,0-2,1 x 1,2cm), kích



thước: 14,0 x 6,0-8,2 x 2,1cm, nặng 300gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 2,0-2,1 x 1,2cm (**H16-50**).

Công cụ ký hiệu **BTĐN94CV4** (BTĐN94-4) bị phủ lớp phong hóa dày màu xám xanh bị vỡ mất phần đốc khá giống chiếc trên nhưng lưỡi mài vát lớn hơn, cong vòng cung khá sắc bén, quy mô còn: 13,2 x 6,6 x 4,1cm (**H16-51**).

Công cụ ký hiệu **96CVMB8** có một mặt khá phẳng, mặt còn lại nổi cao ở nơi tiếp xúc giữa thân trên và bản lưỡi rồi vát đều về đầu đốc và rìa lưỡi, ở mặt này, ngoài lớp phủ phong hóa màu xanh lục còn chịu tác động mài mòn xẻ thành những rãnh nhỏ cắt ngang thân lưỡi, chuôi tra cán rất ngắn (3,0 x 2,0-2,4 x 1,0cm), kích thước: 17,3 x 5,2-6,9 x 2,5cm, nặng 520gr. Quy mô chuôi tra cán (dài x rộng x dày): 3,0 x 2,0-2,4 x 1,0cm (**H16-52**).

Ngoài ra còn một tiêu bản phế vật cuốc vai ngang mang ký hiệu **BTĐN94CV6** bị phủ lớp phong hóa dày màu xám xanh lục còn nguyên dáng thân hình thang nhưng bị mẻ lớn vát chéo về một góc lưỡi, đốc nhỏ gần hình thang, trên thân còn một số vết ghè chỉnh, quy mô còn: 13,1 x 5,7 x 3,2cm (**H16-49**).

+ *Cuốc có vai nhọn*: 1 tiêu bản, ký hiệu **BTĐN88CV7** là một trong những thành phẩm công cụ lao động đá có vai đẹp nhất không chỉ ở Nhơn Trạch mà cả Nam Bộ xưa. Tiêu bản này có chuôi tra cán hình thang nhỏ dần về rìa đốc thẳng, hai vai vuốt nhọn cân xứng, hai thành bên hơi thắt eo ở giữa và lõm rộng xuống hai góc lưỡi, lưỡi mài vát rất cẩn thận tinh tế chiếm đến gần nửa thân với rìa cong trùng hình vòng cung nhưng bị mẻ vát xéo một nửa hiện vật. Cuốc chịu phong hóa phủ lớp patine màu vàng nâu loang lổ vàng sẫm, quy mô: 15,9 x 8,3 x 2,7cm (**H16-53**).

+ *Rìu, bôn*: 264 tiêu bản, chiếm tỷ lệ 22,5% tổng số công cụ, vũ khí đá. Đây là loại hình công cụ phổ cập nhất ở di tích Cái Vặn, cũng như các di tích đồng thời khác ở Đông Nam Bộ, với phân biệt căn bản là mặt cắt dọc công cụ hình chữ V cân xứng (rìu) hay hình chữ V với một cạnh thẳng và cạnh đối diện vát chéo (bôn), liên quan đến việc lắp cán tre gỗ khi sử dụng lao động. Dựa vào hình dạng, cấu tạo của rìu, bôn chúng tôi phân thành hai nhóm lớn rìu, bôn không vai (tứ giác, tam giác) và rìu, bôn có vai (vai xuôi, vai ngang và vai nhọn).

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

+ *Rìu bôn không vai*: 194 tiêu bản, gồm 174 công cụ tứ giác và 20 công cụ tam giác hoặc gần tam giác.

+ *Rìu bôn hình tứ giác*: 174 tiêu bản được chia thành hai kiểu: Thân hẹp và thân rộng.

+ *Tứ giác thân hẹp*: 107 tiêu bản, phân thành hai cỡ lớn nhỏ khác nhau.

Cỡ lớn: 17 chiếc. Trong sưu tập rìu bôn tứ giác khai quật năm 1978, chúng thường có kích thước to, nhỏ khác nhau, lưỡi thường rộng hơn đốc, với nhóm có hình thang (chiều dài hiện vật thường lớn hơn nhiều so với bề ngang) và nhóm gần hình chữ nhật (chiều dài hiện vật thường gần bằng so với bề ngang).

Các chiếc có thân hẹp lớn tiêu biểu cụ thể như sau:

Chiếc ký hiệu **78CV255** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám xanh lẫn nâu. Đốc vê tròn, lưỡi gần phẳng với hai bên vát cân xứng, mặt cắt nhọn; còn các vết ghe phần mặt lưỡi và thân, kích thước: 11,8 x 5,0cm (**H17-1**).

Công cụ ký hiệu **78CV8** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám nâu. Đốc ngang, lưỡi gần phẳng với hai bên vát không cân xứng (lệch về một bên), mặt cắt nhọn; còn để lại nhiều vết ghe phần thân, lưỡi được mài, kích thước: 11,1 x 5,4cm (**H17-2**).

Hiện vật ký hiệu **78CV250** đủ dáng, dáng hình thang, hai bên thân



thẳng, chất liệu đá có màu phong hóa xám xanh. Đốc ngang hơi cong lồi ở giữa, lưỡi gần phẳng vát lệch về một bên 10 độ, mặt cắt nhọn; còn ít vết ghè phần thân, kích thước: 11,0 x 5,4cm (H17-3).

Hiện vật ký hiệu **78CV78** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu vàng. Đốc ngang, giữa đốc và thân hơi thắt eo, thân cong lồi, lưỡi gần cong với hai bên vát cân xứng, mặt cắt nhọn; còn để lại các vết ghè phần thân, lưỡi được mài, kích thước: 10,8 x 5,5cm (H17-4).

Chiếc ký hiệu **78CV9** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám xanh. Đốc ngang, lưỡi gần phẳng với hai bên vát cân xứng, mặt cắt nhọn; còn để lại nhiều vết ghè phần thân, lưỡi được mài, kích thước: 10,4 x 5,4cm (H17-5).

Hiện vật ký hiệu **78CV10** không đủ dáng, gãy mất phần lưỡi với vết gãy vát, phần đốc và thân còn lại có dạng hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu vàng. Đốc ngang bị mẻ, hai bên thân vát thẳng; còn để lại nhiều vết ghè phần thân, kích thước: 10,3 x 5,3cm (H17-6).

Hiện vật ký hiệu **78CV248** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu vàng. Đốc cong, giữa đốc và thân hơi thắt eo, lưỡi cong với hai bên vát gần cân xứng, mặt cắt nhọn; còn để lại nhiều vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 10,2 x 5,2cm (H17-7).

Công cụ ký hiệu **78CV62A** có hình thang, được làm bằng đá có vân trắng, xung quanh thân còn lại nhiều vết ghè đẽo, lưỡi vát cân xứng và có nhiều vết mẻ, kích thước: dài thân 10,1cm, rộng đốc 3,2cm, rộng lưỡi 5,5cm, dày 2,4cm (10,1 x 3,2-5,5 x 2,4cm) (H17-8).

Trong sưu tập năm 1996, ba tiêu bản với kích thước trung bình dao động từ 10,6-11,9cm chiều dài, 2,8-3,0cm chiều rộng đốc, 3,7-4,7cm chiều rộng lưỡi, 1,6-2,7cm bề dày.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-17** bị phủ dày lớp phong hóa màu xám trắng, có một mặt phẳng, mặt đối diện gấp khúc nơi tiếp xúc giữa thân trên và bản lưỡi, còn lưu lại khá nhiều dấu ghè chỉnh mỏng và rộng, lưỡi mỏng với một mặt vát hẵn và rìa lưỡi khá thẳng, kích thước: 10,9 x 2,8-4,7 x 2,7cm, nặng 220gr (H17-9).

Hai công cụ ký hiệu **96CVH1E2-1** (H17-10) và **96CVH3LM4** (H17-11) thuộc loại mỏng được làm từ đá xám đen, phủ lớp phong hóa màu xám nâu hoặc xám xanh, với hai mặt phẳng hay hơi cong đều nhau và đầu đốc gần tròn, ở một mặt còn lưu lại một số vết ghè đẽo nhỏ, kích

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

thước, trọng lượng tương ứng: 11,9 x 2,8-4,2 x 1,8cm, nặng 150gr và 10,6 x 3,0-3,7 x 1,6cm, nặng 100gr.

Trong sưu tập hiện vật Cái Vạn của Bảo tàng Lịch sử Văn hóa (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), các chiếc rìu bôn cỡ lớn có 6 chiếc, với 5 chiếc định hình và 1 phác vật.

Hai chiếc rìu lớn nhất ký hiệu **USSH-04CV53** và **USSH-01CVI** kích thước đo được: 11,0 x 3,6 x 3,0cm và 11,0 x 3,5 x 2,9cm, được mài tương đối kỹ tạo rìa lưỡi là chính, góc lưỡi hình chữ V cân xứng. Hiện vật bị phong hóa mạnh, bề mặt chủ yếu là màu nâu xen giữa những màu xám xanh.

Rìu tứ giác ký hiệu **USSH587** được mài tương đối kỹ tạo thành rìa lưỡi hình chữ V cân xứng, lớp phủ patine màu nâu xám, quy mô 11,0 x 3,8 x 2,9cm và nặng 215gr.

Rìu tứ giác ký hiệu **USSH734** có phủ lớp phong hóa dày màu nâu đỏ bên ngoài; toàn thân gỗ ghè, loang lổ, một mặt cong lõm, một mặt cong gồ lên tạo lưỡi, lưỡi bị sứt mẻ, cuốc khá lớn, quy mô: 10,7 x 7,2 x 4,4cm và nặng 225gr.

Rìu tứ giác ký hiệu **USSH624** phủ lớp patine màu vàng nâu bên ngoài; một mặt mài phẳng, mặt kia cong tạo độ vòng, lưỡi xéo khá rộng, mài gập. Toàn thân di vật được mài khá nhẵn, đôi chỗ sứt mẻ trong quá trình sử dụng, quy mô 10,2 x 4,8 x 2,0cm và nặng 170gr.

Phác vật rìu tứ giác ký hiệu **USSH583** được làm từ đá sa thạch nên bề mặt nhám, hình dáng không cân đối, những vết ghè vẫn còn nguyên, phần đốc bị mẻ, phần lưỡi còn thô. Phủ bên ngoài lớp patine màu đồng, quy mô 13,3 x 4,9 x 3,3cm và nặng 250gr.

Cỡ nhỏ: 90 tiêu bản có kích thước trung bình dao động từ 5,0-7,9cm chiều dài, 3,5-5,0cm chiều rộng đốc, 2,5-4,7cm chiều rộng lưỡi, 0,9-2,1cm bề dày, gồm nhóm cỡ nhỏ (có kích thước trung bình dao động từ 7,5-9,9cm chiều dài, 2,5-3,7cm chiều rộng đốc, 3,0-5,5cm chiều rộng lưỡi, 1,0-2,8cm bề dày), cùng nhóm cỡ rất nhỏ.

Trong nhóm sưu tập phát hiện năm 1996, gồm có các di vật sau:

Công cụ ký hiệu **96CVMA-18** bị phong hóa màu xám đen, lưỡi vát cân xứng hai mặt, nhưng rìa hơi cong lệch về một đầu, đốc khá thẳng và có mặt cắt gần hình chữ nhật, kích thước: 9,7 x 3,4-5,0 x 1,0cm, nặng 200gr (**H17-12**).

Công cụ ký hiệu **96CVH3B1-1-1** bị phủ dày lớp phong hóa màu xanh lục, dáng gần hình thang, đốc gần thẳng, lưỡi vát cân xứng ở cả hai mặt, kích thước: 9,9 x 3,5-4,5 x 2,5cm, nặng 200gr (H17-13).

Công cụ ký hiệu **96CVH3D1L-1-1** (96CVH3D1-1-1) cũng có lưỡi với rìa hơi xéo về một đầu, một mặt còn lưu lại vài vết ghe khá sâu, lưỡi cân xứng, đốc phẳng và có mặt cắt hình chữ nhật. Rìu bị phong hóa phủ màu xám đen, kích thước: 8,2 x 3,6-4,3 x 1,7cm, nặng 160gr (H17-14).

Công cụ ký hiệu **96CVH3E1L3-1** (96CVH3E1-3-1) lại bị phong hóa phủ màu xám vàng, còn lại nhiều vết ghe chình mỏng trên toàn thân, lưỡi vát với một mặt phẳng và mặt còn lại hơi cong, rìa lưỡi khá sắc, phần đốc vát lệch về một rìa cạnh, kích thước: 7,6 x 3,7-5,5 x 2,8cm, nặng 180gr (H17-15).

Công cụ ký hiệu **96CVH2LM-5** có dáng hình thang với rìa lưỡi là cạnh ngắn tương tự như hình dáng của một số phác vật của đục ở di tích Cái Vặn, rìa lưỡi thẳng và vát hẳn ở một mặt, đốc phẳng nhưng hơi xiên, trên thân còn bảo lưu một số vết ghe chình. Bôn bị phủ lớp phong hóa màu xám đen đôi chỗ xám trắng, kích thước: 7,9 x 3,6-3,0 x 1,5cm, nặng 100gr.

Công cụ ký hiệu **96CVMB-10** bị phủ lớp phấn màu xanh lục sẫm, toàn thân (kể cả rìa cạnh) phẳng nhẵn do được mài rất kỹ, lưỡi vát cân xứng và rìa lưỡi cong vòng cung khá rộng, đốc phẳng nhưng rìa hơi vát chéo về một đầu, kích thước: 7,5 x 3,3-5,2 x 1,7cm, nặng 170gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH2LM-6** có dáng khá



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

giống rìu đồng Đông Nam Bộ với đốc thẳng, hai cạnh hông lõm, rìa lưỡi cong vòng cung với đáy trũng và hai bên thu nhọn, có một mặt phẳng, mặt đối diện nổi cao ở nơi tiếp xúc giữa thân trên và mặt vát của bản lưỡi. Rìu bị phủ lớp phong hóa màu xám đen, kích thước: 6,1 x 3,1-4,0 x 1,4cm, nặng 25gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH3LM-1** lại có dạng gần hình chữ nhật, đầu mài chỉ có ở một mặt phẳng, mặt đối diện chỉ có các vết ghe đèo làm đốc vát về một đầu và lưỡi vát khá thô với rìa thẳng, kích thước: 6,8 x 3,0-3,5 x 2,1cm, nặng 109gr (**H17-16**).

Hai công cụ ký hiệu **96CVMA-120** (**H17-17**) và **96CVMA-121** (**H17-18**) được làm từ đá xám nâu, bị phủ lớp phong hóa màu lục, dáng gần hình thang cân dài, kích thước tương ứng: 5,9 x 3,7 x 2,0cm, và 5,7 x 4,1 x 1,9cm .

Công cụ ký hiệu **96CVMA-21** được làm từ loại đá mềm hạt thô, phủ lớp phong hóa màu xám xanh lục, dáng gần hình chữ nhật với lưỡi cong hình vòng cung, một cạnh hông thẳng, cạnh còn lại hơi cong ở đầu rìa lưỡi (giống lưỡi rìu đồng), kích thước: 7,5 x 3,1-3,9 x 1,8cm, nặng 98gr (**H17-19**).

Công cụ ký hiệu **96CVH1E2-2** được làm từ đá xám đen, nhưng phủ lớp phong hóa màu xám nâu, với một mặt gần phẳng và mặt đối diện cong lồi, đốc thẳng và có mặt cắt ngang hình chữ nhật, lưỡi vát khá cân xứng ở cả hai mặt nhưng rìa xiên chéo hẳn về một đầu, kích thước: 8,0 x 2,5-3,6 x 1,5cm, nặng 90gr (**H17-20**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-20** bị phủ lớp phong hóa màu xám vàng, toàn thân được mài nhẵn, lưỡi vát nhiều ở một mặt với rìa lưỡi mỏng sắc và xéo về một đầu, kích thước: 7,9 x 2,5-3,7 x 1,6cm, nặng 110gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH3D1L1-2** bị phong hóa nặng tạo ra những đường rãnh dọc thân và phủ lớp phấn màu xám trắng, tạo hình giống như công cụ có hai lưỡi, thân mỏng, kích thước: 7,9 x 2,5-3,5 x 0,9cm, nặng 120gr.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-19** bị phong hóa rõ thủng lỗ chỗ trên thân với lớp phấn màu xám trắng, lưỡi sắc với rìa lưỡi khá thẳng, kích thước: 7,0 x 2,0-3,5 x 1,5cm, nặng 100gr.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-24** bị phủ lớp phong hóa màu xám đen và thủng lỗ chỗ ở rìa cạnh hông, đốc gần thẳng, lưỡi vát khá cân xứng ở cả hai mặt, kích thước: 6,9 x 3,0-4,7 x 1,6cm, nặng 100gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH1E2-3** phủ lớp phong hóa màu xám đen, thân dày hơn di vật H3D1L1-2, lưỡi vát cân xứng, đầu đốc gần tròn, kích thước: 6,9 x 2,4-3,5 x 0,9cm, nặng 70gr.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-23** thuộc kiểu đốc nhỏ, mặt cắt đốc gần hình chữ nhật, ở một mặt thân sát rìa bên còn một vết ghè khá sâu và vài vết chích nhỏ, mặt còn lại mài nhẵn và vát cân xứng về lưỡi, rìa lưỡi cong vòng cung, lớp phủ phong hóa màu vàng, kích thước: 6,5 x 2,3-4,1 x 1,6cm, nặng 100gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH2L1-2** bị phong hóa màu xám đen, toàn thân được mài nhẵn, đốc phẳng và có mặt cắt ngang hình chữ nhật khá vuông vắn, lưỡi vát nhiều ở một mặt, mặt đối diện khá phẳng, kích thước: 6,5 x 2,8-3,4 x 1,3cm, nặng 50gr.

Công cụ ký hiệu **96CVMA-22** có dạng hình thang với đầu đốc nhỏ, mặt cắt đốc gần hình chữ nhật, lưỡi cong hình vòng cung rộng và hơi lệch về một đầu, ở một mặt trên thân còn vài vết ghè mỏng, kích thước: 6,4 x 2,5-4,1 x 1,9cm, nặng 91gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH3A1L3-1** có dạng gần hình chữ nhật, toàn thân mài nhẵn, lưỡi vát đều cả hai mặt và rìa lưỡi thẳng, kích thước: 6,4 x 2,2-3,0 x 1,5cm, nặng 79gr.

Hai công cụ ký hiệu **96CVH1C2-1** và **96CVH3A3L2-1** thuộc loại nhỏ nhất được làm từ đá xám đen hạt mịn, bị phủ lớp phong hóa màu xám trắng hoặc xanh lục, có vài đường nứt dọc thân, dáng gần hình chữ nhật, lưỡi hơi vát ở một mặt, đốc hơi vát về một rìa, kích thước và trọng lượng tương ứng: 5,5 x 2,5-3,1 x 1,2cm, nặng 40gr; 5,0 x 3,2-2,5 x 1,7cm, nặng 78gr.

Ngoài ra, còn hai phác vật ký hiệu **96CVMA-130** và **96CVMA-131** đều thuộc loại đá xám nặng và cứng, còn lưu lại các vết ghè trên toàn thân, phần rìa lưỡi chưa được gia công nên phẳng và dày, kích thước: 9,9 x 3,0-4,6 x 2,5cm và 9,5 x 4,0-6,0 x 2,3cm.

Trong nhóm rìu bốn tứ giác khai quật năm 1978, các rìu bốn thân hẹp cỡ nhỏ và rất nhỏ gồm có 21 tiêu bản. Các chiếc có thân hẹp nhỏ tiêu biểu cụ thể như sau:

Công cụ ký hiệu **78CV11** dù dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xanh đen. Đốc bị gãy mất 2/3 với phần gãy tách vát xuống thân, lưỡi cong cân xứng hai bên, mặt cắt nhọn; còn để lại nhiều vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 9,8 x 5,0cm (**H17-21**).

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI LẠN (ĐỒNG NAI)

Công cụ ký hiệu **78CV12** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu vàng lẫn xám đen. Đốc cong lồi nhẹ, hai bên thân thẳng, lưỡi xéo vát lệch về một bên 10 độ, mặt cắt lưỡi nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 9,7 x 5,0cm (**H17-22**).

Công cụ ký hiệu **78CV13** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu nhạt lẫn xám đen. Đốc cong lõm nhẹ, hai bên thân thẳng, lưỡi xéo vát lệch về một bên 10 độ, mặt cắt lưỡi nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 9,6 x 4,9cm (**H17-23**).

Công cụ ký hiệu **78CV14** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám xanh. Đốc cong lồi, phần giữa đốc và thân hơi thắt eo, thân hai bên thẳng, lưỡi xéo vát lệch về một bên 10 độ, gần giữa lưỡi lõm do sử dụng, mặt cắt lưỡi nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 9,3 x 4,9cm (**H17-24**).

Công cụ ký hiệu **78CV15** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu nhạt. Đốc cong lồi, thân hai bên thẳng, lưỡi cong lệch về một bên 10 độ, mặt cắt lưỡi nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 9,0 x 4,6cm (**H17-25**).

Công cụ ký hiệu **78CV117** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu nhạt. Đốc cong lồi, thân hai bên thẳng, lưỡi cong đều, mặt cắt lưỡi nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 8,8 x 4,6cm (**H17-26**).

Công cụ ký hiệu **78CV28** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám nhạt. Đốc cong vát lệch, thân hai bên thẳng, lưỡi thẳng hai bên mép cong đều, mặt cắt lưỡi nhọn chữ V lệch; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 8,6 x 3,3 x 1,1cm (**H17-27**).



Công cụ ký hiệu **78CV16** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám xanh. Đốc cong lồi, thân hai bên thẳng, lưỡi cong nhẹ, mặt cắt lưỡi nhọn; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 8,0 x 4,8cm (**H17-28**).

Công cụ ký hiệu **78CV17** đủ dáng, dáng thô hình oval (bầu dục), chất liệu đá có màu phong hóa xám xanh. Đốc cong lồi, thân hai bên thẳng, lưỡi cong tạo góc 40 độ; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 8,0 x 3,2cm (**H17-29**).

Công cụ ký hiệu **78CV178** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xám nâu. Đốc cong lồi, thân một bên thẳng một bên lồi, lưỡi cong đều tạo góc 10 độ; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 8,0 x 4,3cm (**H17-30**).

Công cụ ký hiệu **78CV141** đủ dáng, dáng thô hình thang. Đốc thẳng, có vết cong lõm gần giữa; thân hai bên thẳng; lưỡi thẳng, bị gãy vát một bên, mặt cắt lưỡi nhọn hình chữ V lệch; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 8,0 x 4,1 x 2,1cm (**H17-31**).

Công cụ ký hiệu **78CV18** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu. Đốc thẳng, hơi cong; thân hai bên thẳng; lưỡi thẳng; lưỡi nhọn, cong nhẹ về hai bên; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 7,9 x 3,7cm (**H17-32**).

Công cụ ký hiệu **78CV19** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu. Đốc hơi cong; thân hai bên thẳng; mặt lưỡi thẳng, dáng lưỡi xòe rộng hơn thân, lưỡi nhọn, cong nhẹ về hai bên; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi và các đường gân đá chạy xéo, kích thước: 7,8 x 4,0cm (**H17-33**).

Công cụ ký hiệu **78CV20** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu. Đốc thẳng; thân hai bên thẳng; lưỡi thẳng, lưỡi nhọn; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 7,9 x 4,4cm (**H17-34**).

Công cụ ký hiệu **78CV21** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu. Đốc hơi xéo; thân hai bên thẳng; mặt lưỡi thẳng, nhọn; còn để lại vết ghe phần thân và lưỡi, kích thước: 7,7 x 3,9cm (**H17-35**).

Công cụ ký hiệu **78CV91A** hình chữ nhật, được làm bằng đá bazan có lớp phong hóa mỏng màu xanh sẫm, lưỡi vát đều và có nhiều vết mẻ, thiết diện ngang thân hình chữ nhật, kích thước: 7,5 x 4,2-4,5 x 2,2cm (**H17-36**).

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Công cụ ký hiệu **78CV51A** hình thang, được chế tác cẩn thận bằng đá granit, có lớp phong hóa mỏng màu xám trắng, rìu được mài nhẵn toàn thân, lưỡi vát lệch, thiết diện ngang thân hình chữ nhật, kích thước: 7,0 x 2,9-3,5 x 1,6cm (H17-37).

Công cụ ký hiệu **78CV118** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu. Đốc hơi xéo; thân hai bên thẳng; mặt lưỡi thẳng, nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 6,3 x 3,3cm (H17-38).

Công cụ ký hiệu **78CV142** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu. Đốc hơi xéo; thân hai bên thẳng; mặt lưỡi thẳng, nhọn, mặt cắt hình chữ V hơi lệch; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 6,0 x 3,0 x 1,5cm (H17-39).

Công cụ ký hiệu **78CV200** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa xanh đen lẫn vàng. Đốc thẳng, cong lõm ở giữa; thân hai bên thẳng; mặt lưỡi thẳng, nhọn, mặt cắt hình chữ V hơi lệch, mặt ngoài lưỡi và thân tạo dáng cong khum; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 6,0 x 3,2 x 1,2cm (H17-40).

Công cụ ký hiệu **78CV195** đủ dáng, dáng thô hình thang, chất liệu đá có màu phong hóa nâu vàng. Đốc cong lồi; thân hai bên thẳng; mặt lưỡi thẳng, nhọn; còn để lại vết ghè phần thân và lưỡi, kích thước: 5,9 x 3,5 x 1,3cm (H17-41).

Trong sưu tập hiện vật Cái Vạn của Bảo tàng Lịch sử Văn hóa (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), các rìu bôn cỡ nhỏ có 36 chiếc, với 27 chiếc định hình và 9 phác vật.

Chiếc rìu tứ giác hình thang dài, ký hiệu **USSHCV615** phủ lớp patine màu xám nâu dày bên ngoài. Đốc xéo nhọn, phần thân một mặt được mài nhẵn, một mặt khá nhám, lưỡi bị sút một mảng lớn, quy mô: 8,9 x 4,0 x 1,7cm và nặng 85gr (H17-42).

Hiện vật ký hiệu **USSH87CV47** tạo rìa lưỡi vát lệch hẳn về một bên giống như đục, được mài khá bằng, tạo các góc cạnh vuông vức, kích thước đo được: 8,7 x 3,4 x 1,3cm (H17-43).

Rìu tứ giác hình thang dài, ký hiệu **USSHCV659** bị patine phủ lớp dày màu đỏ cam khá đẹp, toàn thân khá gồ ghề, một mặt khá phẳng, mặt kia cong tạo hình mu rùa, phần lưỡi tạo ra do mài gập, lưỡi xòe, sắc bén, quy mô: 8,7 x 4,2 x 2,0cm và nặng 80gr (H17-44).

Bôn ký hiệu **USSHCV585** có lưỡi vát lệch hai bên. Phủ lớp patine màu rêu bên ngoài quy mô: 7,2 x 4,0 x 1,6cm và nặng 45gr (**H17-45**).

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV634** được mài khá nhẵn, mặt cắt hai cạnh bên không đều nhau, lưỡi vát xéo về một bên, bị mẻ nhiều. Bên ngoài phủ một lớp patine màu nâu nhạt, quy mô: 6,7 x 4,2 x 2,2cm và nặng 65gr (**H17-46**).

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV581** mặt cắt hình chữ V không cân, lưỡi vát lệch hẳn về một bên, lớp patine phủ bên ngoài màu nâu, quy mô: 6,2 x 3,8 x 1,5cm, nặng 60gr (**H17-47**).

Rìu bốn tứ giác định hình ký hiệu **USSHCV665** được mài tương đối kỹ, hình chiếu dọc thân rìu cho góc lưỡi hình chữ V cân xứng, hiện vật bị phong hóa mạnh, bề mặt chủ yếu là màu xám đen xen giữa màu xám, quy mô: 9,6 x 3,8 x 1,7cm và nặng 90gr.

Rìu tứ giác ký hiệu **USSHCV717** phủ lớp patine dày màu nâu đỏ; toàn thân có khá nhiều vết loang lổ, phần đốc sút mẻ nhiều. Mặt một bên mài phẳng, một bên mài cong vát tạo lưỡi, lưỡi dài cong, khá cùn, quy mô: 9,1 x 8,5 x 3,9cm và nặng 245gr.

Rìu tứ giác ký hiệu **USSHCV622** phủ lớp patine màu cam xám bên ngoài. Một mặt được mài phẳng nhẵn, mặt kia gồ ghề có độ cong tạo lưỡi, lưỡi không bén, rìu có một cạnh, cạnh kia có độ nhọn như rìu lưỡi, quy mô: 7,2 x 4,0 x 2,0cm và nặng 80gr.

Chiếc rìu nhỏ nhất ký hiệu **USSH07CV3** chỉ dài 5,5cm.



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Trong nhóm công cụ bôn, chiếc bôn hình thang dài, ký hiệu **USSHCV613** phần lưng được mài tương đối nhẵn, phần bụng còn nhiều vết ghe dẽo, bên ngoài phủ lớp patine màu trắng xám, lưỡi vát, quy mô: 11,1 x 5,1 x 2,1cm và nặng 180gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV619** phủ lớp patine màu xám bên ngoài; toàn thân được mài khá kỹ song có nhiều vết sứt mẻ trong quá trình sử dụng, lưỡi vát lệch một bên, một mặt mài phẳng, mặt kia cong hình mu rùa vát tạo thành lưỡi, quy mô: 11,0 x 4,9 x 2,6cm và nặng 200gr.

Bôn hình thang dài ký hiệu **USSHCV614** thân chưa được mài nhẵn, phần lưỡi bị mẻ một bên. Hiện vật có màu xám nâu, quy mô: 10,0 x 3,3 x 1,7cm và nặng 100gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV621** phủ lớp patine màu đỏ bên ngoài. Toàn thân được mài nhẵn, đốc và 1/2 thân bị sứt, hai mặt thân mài phẳng và vát tạo rìa lưỡi ở chính giữa, lưỡi được mài nhưng không bén, quy mô: 9,4 x 4,1 x 3,0cm và nặng 150gr.

Bôn ký hiệu **USSHCV588** được mài nhẵn, lưỡi vát lệch hẳn về một bên giống như đục, các cạnh vuông vức, hình dáng cân đối, phủ lớp patine màu xám, quy mô: 8,7 x 3,4 x 1,3cm và nặng 70gr.

Bôn hình thang dài ký hiệu **USSHCV617** phủ lớp patine màu xám bên ngoài; một mặt thân được mài phẳng, mặt kia mài nhẵn gần lưỡi vát tạo rìa lưỡi sắc bén, lưỡi cong ngang hơi xéo, đôi chỗ ở thân, cạnh, đốc bị mẻ, quy mô: 8,6 x 4,7 x 1,7cm và nặng 135gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV627** có chiều rộng lưỡi lớn hơn rộng thân, một cắt hình chữ V không cân, được mài nhẵn toàn thân, lưỡi rất sắc và vát đều về hai bên. Lớp patine phủ dày bên ngoài màu nâu xám, quy mô: 7,6 x 3,5 x 1,3cm và nặng 55gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV628** được làm từ đá sa thạch, ngoài phủ lớp patine màu vàng nhạt, có rộng lưỡi lớn hơn rộng thân, hình dáng cân đối, nhìn rất đẹp, mặt cắt hình chữ V không cân, hình thang dài, lưỡi bị mẻ một phần nhỏ, quy mô: 7,2 x 3,3 x 1,2cm và nặng 50gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV630** toàn thân được mài nhẵn, hình dáng khá cân đối, lưỡi vát đều, cạnh bên vẫn còn những vết ghe, ngoài phủ lớp patine màu vàng nhạt, quy mô: 6,7 x 3,3 x 1,3cm và nặng 50gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSH05CV20** mặt cắt hai bên hình chữ V không cân, rộng lưỡi lớn hơn rộng thân, một mặt mài nhẵn, một mặt mài nhưng vẫn còn những vết ghe, hình thang dài, phần lưỡi bị mẻ một phần, ngoài phủ lớp patine màu nâu, quy mô: 6,7cm x 3,3 x 1,4cm và nặng 50gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV592** có rộng thân bằng rộng lưỡi, hình thang dài, hai mặt được mài nhẵn, mặt cắt hình chữ V không cân, lưỡi vát xéo, ngoài phủ lớp patine màu xám, quy mô: 6,4 x 2,9 x 1,6cm và nặng 50gr.

Bôn tứ giác ký hiệu **USSHCV633** rộng thân bằng rộng lưỡi, lưỡi vát lệch về một bên, được mài nhẵn toàn thân, mặt cắt hình chữ V không cân, vẫn còn những vết ghè, ngoài phủ lớp patine màu nâu xám, quy mô: 5,5 x 3,1 x 1,4cm và nặng 45gr.

Bôn tứ giác nhỏ nhất ký hiệu **USSHCV594** có phần rộng lưỡi lớn hơn rộng thân, lưỡi bị mẻ, bên ngoài phủ lớp patine màu nâu đỏ, quy mô: 5,5 x 3,1 x 1,1cm và nặng 30gr.

Trong nhóm bon thu thập qua đợt thực tập năm 2013, hai chiếc mang ký hiệu **USSH13CV-1 (H17-48)** và **USSH13CV2 (H17-49)** có dáng hình gần chữ nhật dài, nhưng một cạnh bên gần thẳng và cạnh đối diện hơi cong lồi, phần đốc mỏng phẳng, phần lưỡi chưa gia công hoàn chỉnh, kích thước tương ứng: 8,1 x 3,7 x 2,1cm và 7,7 x 3,5 x 2,4cm.

Công cụ ký hiệu **USSH13CV3** có thân ngắn hơn, với đốc và lưỡi đều cong lồi, hai mặt mài nhẵn, với lớp phủ patine màu xám xanh, đôi chỗ ngả vàng sậm, kích thước: 6,2 x 3,4 x 2,3cm (**H17-50**).

Công cụ ký hiệu **USSH13CV4** có dạng gần hình thang, được gia công kỹ mài nhẵn cả hai mặt tạo đốc hơi cong vòng cung và lượn dần xuống phần lưỡi, lưỡi vát về một mặt thân, thân phủ lớp phấn phong hóa màu vàng hay xanh lục, bị mẻ miếng lớn vát xéo hết phần lưỡi, kích thước: 7,0 x 3,6 x 2,0cm (**H17-51**).

Trong nhóm phác vật, hiện vật của rìu tứ giác có ký hiệu **USSHCV583** được làm từ đá sa thạch nên bề mặt nhám, hình dáng không cân đối, những vết ghè vẫn còn nguyên, phần đốc bị mẻ, phần lưỡi còn thô. Phủ bên ngoài lớp patine màu đồng, quy mô: 13,3 x 4,9 x 3,3cm và nặng 250gr.

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV755** còn phủ lớp patine màu nâu xám bên ngoài, toàn thân gồ ghề sứt mẻ, gần giống rìu nhưng chưa xác định hình dáng cụ thể, phần lưỡi khá sắc hình zigzag, quy mô: 9,0 x 5,5 x 3,0cm và nặng 145gr.

Phác vật rìu tứ giác ký hiệu **USSHCV616** toàn thân được mài khá nhẵn, mặt cắt ngang đốc gần vuông, phần lưỡi bị sứt mẻ phần lớn, quy mô: 8,8 x 4,5 x 2,8cm và nặng 230gr.

VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV781** chỉ còn phần thân, mài nhưng còn sơ sài, có nhiều dấu vết ghè lồi lõm, trên mặt phủ lớp patine màu vàng nhạt, quy mô: 8,7 x 5,5 x 2,5cm và nặng 170gr.

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV686** trên thân còn nhiều vết ghè, một mặt phẳng, mặt còn lại cong, phần lưỡi dày, ngắn, có lớp patine xám phủ bên ngoài, quy mô: 8,4 x 3,2 x 3,0cm và nặng 150gr.

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV750** còn phủ lớp patine màu xám bên ngoài, toàn thân khá gồ ghề, hình dáng gần giống rìu tứ giác với đốc, lưỡi cùn, quy mô: 8,3 x 6,4 x 3,3cm và nặng 250gr.

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV753** còn phủ lớp patine màu nâu đỏ bên ngoài, toàn thân gồ ghề, loang lổ gần giống rìu với một mặt phẳng và một mặt cong hình mu rùa tạo lưỡi, quy mô: 6,2 x 5,1 x 3,0cm và nặng 125gr.

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV754** ngoài phủ lớp patine màu nâu đỏ, toàn thân gồ ghề, loang lổ gần giống rìu, quy mô: 7,0 x 5,0 x 3,1cm và nặng 155gr.

Phác vật rìu ký hiệu **USSHCV758** còn phủ lớp patine màu nâu bên ngoài, thân tạo dáng gần hình chữ nhật nhưng còn nhiều vết ghè đe tu chỉnh khá gồ ghề, quy mô: 4,6 x 3,0 x 3,1cm và nặng 65gr.

Trong các sưu tập của Bảo tàng Đồng Nai năm 1984 và năm 1990 thuộc cỡ này có những công cụ sau:

Hai công cụ ký hiệu **84CV252 (H17-53)** và **84CV253 (H17-52)** có hình thang khá giống nhau với đốc gần thẳng, hai cạnh bên khá thẳng, lưỡi hơi cong và mài sắc rìa, kích thước tương ứng: 8,8 x 4,5 x 3,0cm và 8,5 x 4,9 x 3,3cm.

Ba chiếc ký hiệu **84CV251 (H17-54)**, **84CV296 (H17-55)** và **84CV299 (H17-56)** cũng có hình thang nhưng ngắn và rộng hơn, trên thân hiện vật thường còn nhiều vết ghè chỉnh chưa mài hết, lưỡi vát rõ ở một mặt, lớp phủ patine màu nâu nhạt hay xám sẫm, quy mô tương ứng: 8,3 x 5,3 x 2,9cm, 8,1 x 5,2 x 3,0cm và 7,3 x 4,2 x 2,7cm.

Hai công cụ ký hiệu **90CV23 (H17-57)** và **90CV19 (H17-58)** giống như phác vật rìu tứ giác do chưa tạo hình kỹ các góc đốc và lưỡi, phần chuôi ở cả hai mặt còn nhiều dấu ghè chỉnh nhỏ, đốc gần tròn, lưỡi rộng cong vòng cung rìa sắc, quy mô tương ứng: 8,6 x 4,2 x 1,3cm và 8,3 x 4,5 x 3,5cm.

Hai công cụ ký hiệu **90CV21 (H17-59)** và **90CV25 (H17-60)** chế tác hoàn chỉnh hơn nên phẳng nhẵn ở cả hai mặt, lớp patine phủ màu xám trắng hay vàng đậm, rìa đốc và rìa lưỡi đều cong vòng cung, quy mô tương ứng: 8,1 x 4,4 x 2,9cm và 6,8 x 3,9 x 3,3cm .

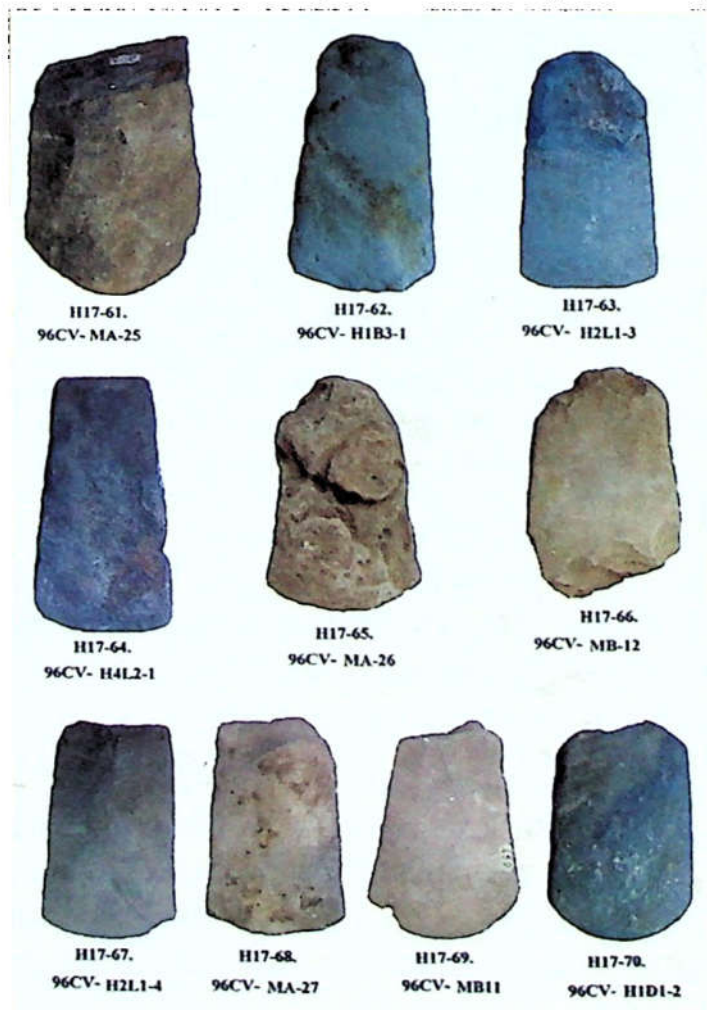
+ *Thân rộng*: 67 tiêu bản, phân thành hai cỡ lớn nhỏ khác nhau:

Cỡ lớn: 10 tiêu bản, với 5 chiếc dày và 5 chiếc mỏng, kích thước toàn nhóm trung bình dao động từ 8,7-10,7cm chiều dài, 3,5-5,5cm chiều rộng đốc, 5,0-6,5cm chiều rộng lưỡi, 1,7-3,1cm bề dày. Cụ thể như sau:

Công cụ thân mỏng mang ký hiệu **96CVMA-25** có lớp phủ phong hóa màu xám vàng, đầu đốc có một vết mẻ lớn và vài vết ghe chĩnh nhỏ ở dọc hông, lưỡi mài nhẵn và vát hẵn ở một mặt, rìa lưỡi cong vòng cung khá cân xứng, kích thước: 9,5 x 4,6-5,3 x 2,0cm, nặng 200gr (**H17-61**).

Công cụ ký hiệu **96CVH1B3-1** là hiện vật tiêu biểu nhất cho loại rìu tứ giác lưỡi xòe của Cái Vạn, với đầu đốc gần tròn, hai bên hông hơi lõm, một mặt thân còn lại nhiều vết ghe chĩnh, lưỡi mài cân xứng ở cả hai mặt. Hiện vật bị phong hóa mạnh tạo những lỗ thủng khá sâu ở một mặt và phủ lớp phấn màu xám trắng, kích thước: 10,7 x 4,5-6,5 x 2,8cm, nặng 200gr (**H17-62**).

Công cụ ký hiệu **96CVH2L1-3** bị phong hóa phủ dày lớp phấn màu xám trắng, một mặt mài kỹ nên khá phẳng, mặt đối diện còn nhiều vết ghe đeo lớn, đặc biệt ở hai rìa đốc và lưỡi, lưỡi xiên chéo về một đầu và khá dày, đầu đốc chưa được mài nên gần tròn, kích thước: 10,1 x 5,2-6,3 x 2,5cm, nặng 300gr (**H17-63**).



VĂN HÓA TIỀN SỬ CÁI VẠN (ĐỒNG NAI)

Công cụ ký hiệu **96CVH4L2-1** còn nhiều vết ghe dẽo lớn, đốc thẳng và hơi vát mỏng về một đầu, hai bên hông hơi lõm, lưỡi cong vòng cung với đáy trùng gần giống rìu đồng. Hiện vật bị phủ lớp phong hóa màu xám trắng, trên cả hai mặt thân và rìa lưỡi, kích thước: 8,7 x 5,0-5,5 x 2,5cm, nặng 210gr (**H17-64**).

Công cụ ký hiệu **96CVMA-26** hoàn chỉnh hơn nhiều, dù phần chuôi bị mẻ một phần, đầu đốc gần tròn và có vài vết ghe chĩnh, bản lưỡi được mài nhẵn ở cả hai mặt, vát cân xứng với rìa mỏng và sắc, lớp phủ phong hóa màu xám đen, kích thước: 9,3 x 3,5-5,0 x 2,6cm, nặng 200gr (**H17-65**).

Các công cụ ký hiệu **96CVMB-12** (**H17-66**), **96CVH2L1-4** (**H17-67**) và **96CVMA-27** (**H17-68**) đều có dạng gần hình chữ nhật, với lưỡi vát cân xứng và rìa lưỡi cong hình vòng cung có đáy hơi trùng, phần đốc hơi vát chéo về một đầu hoặc lõm ở chính giữa, hai bên hông được mài khá phẳng. Các rìu này được làm từ đá cứng hạt mịn màu xám đen, phủ lớp phong hóa màu xám xanh nhạt và kích thước, trọng lượng tương ứng: 9,4 x 5,2-6,0 x 2,2cm, nặng 210gr; 10,0 x 4,5-5,3 x 2,1cm, nặng 260gr và 10,0 x 5,0-5,5 x 2,2cm, nặng 290gr.

Công cụ ký hiệu **96CVMB11** có dáng thô, rìa lưỡi bị mẻ vài chỗ và vát lõm ở một mặt, đốc gần tròn và cũng có vài vết ghe dẽo ở rìa cạnh, lớp phủ phong hóa màu xám trắng, kích thước: 9,5 x 5,4-6,4 x 3,1cm, nặng 300gr (**H17-69**).

Công cụ ký hiệu **96CVH1D1-2** được làm từ đá xám đen hạt mịn, lớp phong hóa có màu xám trắng, hai mặt phẳng nhẵn do được mài kỹ, đốc hơi xiên về một đầu, bản lưỡi mài vát cân xứng ở cả hai mặt với diện vát lớn và rìa lưỡi cong hình vòng cung khá rộng, nhưng bị mẻ nhỏ đôi chỗ, kích thước: 10,0 x 4,4-6,2 x 1,7cm, nặng 170gr (**H17-70**).

Cỡ nhỏ: 57 tiêu bản, kích thước trung bình dao động từ 5,2-8,1cm chiều dài, 4,9-6,7cm chiều rộng đốc, 5,1-7,7cm chiều rộng lưỡi, 1,8-4,4cm bề dày; cùng 22 tiêu bản định hình và 4 phác hay phế vật cỡ rất nhỏ, cùng với nhóm công cụ dày từ 2,5cm trở lên và nhóm công cụ mỏng nhỏ dưới 2,5cm.

Trong sưu tập phát hiện năm 1996, nhóm này gồm có:

Công cụ ký hiệu **96CVMB-13** (**MB-13**) có một mặt phẳng và một mặt lồi, được mài nhẵn toàn thân, tuy đôi chỗ trên một hông và cạnh đốc còn lưu lại ít vết ghe chĩnh, hai cạnh hông khá thẳng, lưỡi hơi cong

vòng cung và có thiết diện hình chữ V cân xứng. Hiện vật bị phủ lớp phong hóa màu xám đen, kích thước: 7,7 x 4,6-6,0 x 2,7cm, nặng 170gr (H17-71).

Các công cụ ký hiệu **96CVH1D1-3** (H1D1-3) (H17-72) và **96CVH3B1L3-3** (H3B1-3-3) (H17-73) là tiêu biểu nhất cho nhóm công cụ hoàn chỉnh cỡ nhỏ thân mỏng có số đo và trọng lượng nhỏ nhất. Chúng được làm từ đá đen hoặc xám đen, hạt rất mịn, lớp phủ phong hóa màu trắng đục hay vàng nghệ, mài nhẵn toàn thân và thường có một hoặc hai mặt cong lồi, lưỡi vát nhiều một mặt hay có thiết diện hình chữ V cân xứng, kích thước và trọng lượng tương ứng: 6,0 x 3,2-4,2 x 2,0cm, nặng 90gr; 5,6 x 4,1-4,2 x 1,8cm, nặng 60gr.

Công cụ ký hiệu **96CVH2L1-5** (H2-1-5) có dạng gần vuông với nhiều vết ghe chẻ ở rìa đốc, lưỡi được mài vát cân xứng ở cả hai mặt với rìa

